

Chiếc thuyền ngoài xa

Nguyễn Minh Châu

I. Những căn cứ để hiểu tác phẩm.

Nguyễn Minh Châu là nhà văn lớn của văn xuôi hiện đại Việt Nam. Từng là cây bút xuất sắc của nền văn học sử thi thời kháng chiến chống Mỹ, từ sau 1975, Nguyễn Minh Châu lại là nhà văn tiên phong của sự nghiệp đổi mới, là một trong số *nhà văn mở đường tinh anh và tài năng nhất* của văn học Việt Nam (Nguyễn Ngọc).

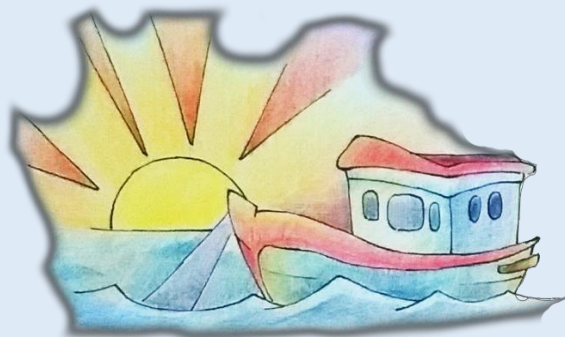
Sáng tác của Nguyễn Minh Châu phản ánh khá trung thành quá trình vận động, phát triển của văn xuôi Việt Nam đương đại trong một vài thập kỉ trước và sau 1975. Theo Nguyễn Minh Châu, đó là sự vận động chuyển đổi trong mục đích sáng tác, sau chiến tranh, các nhà văn Việt Nam đã chuyển từ cuộc chiến đấu cho quyền sống của cả dân tộc sang cuộc chiến đấu cho quyền sống của từng con người. Sự vận động chuyển đổi ấy được thể hiện rõ nét trong hai giai đoạn sáng tác của Nguyễn Minh Châu: Từ những tác phẩm mang đậm chất sử thi và cảm hứng lãng mạn như *Mảnh trăng cuối rừng*, *Dấu chân người lính* ca ngợi cái đẹp cái cao cả, thánh thiện như được bao bọc trong một *bầu không khí vô trùng* của con người Việt Nam trong cuộc đấu tranh vệ quốc vĩ đại; sau năm 1975, Nguyễn Minh châu đã hướng sự quan tâm của mình tới cuộc sống đời tư – thế sự, thể hiện sự thấu hiểu, cảm thông và niềm xót thương sâu sắc với số phận con người trong cuộc mưu sinh nhọc nhằn, trong hành trình gian nan, đau khổ kiếm tìm hạnh phúc và hoàn thiện nhân cách.

Chiếc thuyền ngoài xa là một truyện ngắn xuất sắc thuộc giai đoạn sáng tác thời kỳ đổi mới của Nguyễn Minh Châu, khi nhà văn bắt đầu hướng đến sự quan tâm của mình tới cuộc sống đời tư – thế sự. Truyện ngắn lúc đầu được in trong tập *Bến quê*, sau được Nguyễn Minh Châu lấy làm tên chung cho một tuyển tập truyện ngắn in năm 1987.

II. Phân tích tác phẩm.

Tình huống về nhận thức chân lý nghệ thuật

Phát hiện chiếc thuyền ngoài xa



Tuyệt đỉnh ngoại cảnh	<p>Để làm một bộ lịch phong cảnh, Phùng được giao nhiệm vụ đi chụp một tấm ảnh cảnh biển buổi sáng có sương, một tấm ảnh không có con người. Suốt một tuần kiên nhẫn trên một vùng biển miền Trung, nơi có phong cảnh thơ mộng, có sương mù tháng bảy, cũng là chiến trường xưa, anh vẫn chưa chụp được bức ảnh nào ưng ý. Chi tiết này đã cho thấy những phẩm chất đáng quý trọng của một nghệ sĩ có trách nhiệm với sứ mệnh sáng tạo nghệ thuật, có ý thức nghiêm túc trong lao động nghệ thuật – một công việc đòi hỏi tài năng, tâm huyết và công phu.</p> <p>Điều kì diệu của nghệ thuật đã bắt chợt đến với Phùng vào một buổi sáng, khi anh nhìn thấy một chiếc thuyền buồm trên mặt biển xa: <i>mũi thuyền in một nét mơ hồ lòe nhòe vào bầu sương mù trắng như sữa có pha chút màu hồng hồng do ánh mặt trời chiếu vào.</i> Trong cảm nhận của Phùng, đó là <i>cái đẹp tuyệt đỉnh của ngoại cảnh; là cảnh đất trời cho quý giá, hi hữu, kì diệu, là bức tranh mực tàu của một danh họa thời cổ.</i></p>	
Thăng hoa cảm xúc	<p>Cái đẹp đã đem đến những cảm xúc mãnh liệt, những khoảnh khắc tràn ngập hạnh phúc cho người nghệ sĩ, anh thấy <i>bối rối, trong trái tim như có cái gì bóp thắt vào</i>, đó là sự xúc động vì thấy mình vừa may mắn được tạo hóa ân thưởng, sự may mắn không có nhiều trong cuộc đời những người luôn khao khát được khám phá và sáng tạo cái Đẹp.</p> <p>Trong giây phút thăng hoa của cảm xúc, thậm chí nghệ sĩ còn như phát hiện ra <i>bản thân cái đẹp chính là đạo đức</i>, anh như vừa <i>khám phá thấy chân lí của sự toàn thiện, khám phá thấy cái khoảnh khắc trong ngần của tâm hồn</i> – đó là khoảnh khắc con người cảm thấy tâm hồn mình như được thanh lọc, gột rửa để trở nên trong sáng, thánh thiện khi đứng trước cái đẹp trong trẻo của thiên nhiên.</p>	<p>Những xúc cảm này cho thấy tư chất nghệ sĩ của Phùng, con người có tâm hồn nhạy cảm, có những rung động tinh tế trước cái Đẹp.</p> <p>Đó cũng chính là sự giác ngộ, nhận thức về sức mạnh kì diệu của cái đẹp, của nghệ thuật đối với con người, bởi nói như quan niệm của Dostoievski: “Cái Đẹp cứu rỗi thế giới” – khi đứng trước cái đẹp, người ta thường không nghĩ đến cái xấu, cái ác, cái dung tục, tầm thường của cuộc đời mà để tâm hồn mình bay bổng hướng thiện.</p>

Nhận thức về nghệ thuật (cuộc đời đa sự)	<p>Trong giây lát, người nghệ sĩ còn khám phá thấy chân lí của sự toàn thiện, khám phá thấy cái khoảnh khắc trong ngần của tâm hồn” Nói cách khác, trong một khoảnh khắc của cuộc sống, nghệ sĩ Phùng đã cảm nhận được cái Chân, cái Thiện của cuộc đời, anh cảm thấy tâm hồn mình như được gột rửa, trở nên thật trong trẻo, tinh khôi.</p>	<p>Điều này có nghĩa là cái đẹp đã có tác dụng thanh lọc tâm hồn con người. Với tác dụng ấy, cái đẹp chẳng phải là đạo đức hay sao? Nhà văn Thạch Lam từng quan niệm <i>“Văn chương không phải là cách đem đến cho người đọc sự thoát li hay sự quên, trái lại văn chương là một thứ khí giới thanh cao và đặc lực mà chúng ta có để vừa tố cáo thay đổi thế giới giả dối, tàn ác vừa làm cho lòng người thêm trong sạch và phong phú hơn”</i> và truyện ngắn <i>Chữ người tử tù</i> của Nguyễn Tuân chi tiết cuối truyện: Ngục quan cảm động, vái lạy người tử tù một vái, chắp tay nói một câu mà dòng nước mắt rỉ vào kẽ miệng làm cho nghẹn ngào: kẻ mê muội xin bái lĩnh giúp ta hiểu rõ hơn những tác động thẩm mĩ diệu kì của văn học nói riêng và của nghệ thuật nói chung đối với tâm hồn con người.</p>
Phát hiện chiếc thuyền gàn bờ		
Khung cảnh đối lập	<p>Ngay khi tâm hồn đang bay bổng trong những xúc cảm thẩm mĩ, đang tận hưởng cái khoảnh khắc trong ngần của tâm hồn thì người nghệ sĩ nhiếp ảnh đã kinh ngạc phát hiện ra mọi thứ không đơn giản như mình thấy. Bước ra từ chiếc thuyền ngư phủ đẹp như mơ là một người đàn bà xấu xí, mệt mỏi;</p>	<p>→ Hóa ra đằng sau vẻ đẹp lung linh kia lại là một nỗi đời nhọc nhằn, đầy nghịch lí, đầy bi kịch mà nghệ thuật không phải lúc nào cũng chuyển tải hết được. Liệu bức ảnh chiếc thuyền trong sương sớm kia thực sự là một kiệt tác nghệ thuật như anh mong đợi?</p>

	<p>một gã đàn ông to lớn, dữ dằn; một cảnh tượng tàn nhẫn: gã chồng đánh đập người vợ một cách thô bạo;... Đứa con vì thương mẹ đã đánh lại cha để rồi nhận lấy hai cái bạt tai của bố ngã dúi xuống cát...</p>	<p>Nghệ thuật có giá trị gì khi nó chỉ là một mảng sáng của cuộc đời được nhìn từ viễn cảnh? Có thể chấp nhận một thứ nghệ thuật dù nó đẹp để huyền ảo đến đâu đi chăng nữa nhưng lại dừng đọng và lẩn tránh sự thật cuộc đời?</p>
<p>Cảm xúc người nghệ sĩ</p>	<p>Chúng kiến những cảnh tượng đó, nghệ sĩ Phùng kinh ngạc đến thần thờ: <i>“Tất cả mọi việc xảy đến khiến tôi kinh ngạc đến mức, trong mấy phút đầu, tôi cứ đứng há mồm ra mà nhìn”</i>. Người nghệ sĩ như chết lặng, không tin vào những gì đang diễn ra trước mắt. Sở dĩ nghệ sĩ Phùng trở nên như vậy là vì anh không thể ngờ rằng đằng sau cái vẻ đẹp diệu kì của tạo hóa kia lại có cái ác, cái xấu đến không thể tin được. Vừa mới lúc trước, anh còn cảm thấy <i>“bản thân cái đẹp chính là đạo đức”</i>, thất <i>“chân lí của sự toàn thiện”</i> thế mà chỉ ngay sau đó chẳng còn cái gì là đạo đức là cái toàn thiện của cuộc đời.</p>	<p>Nguyễn Minh Châu đã gặp gỡ tri kỉ tiên nhân Nam Cao, người đã từng hơn một lần để cho các nhân vật thay lời mình phát ngôn những quan điểm đúng đắn về nghệ thuật và người làm nghệ thuật: <i>“Nghệ thuật không phải là ánh trăng lừa dối càng không phải là ánh trăng lừa dối. Nghệ thuật có thể chỉ là tiếng đau khổ kia thoát ra từ những kiếp lầm than.”</i> (Giảng sáng) và người làm nghệ thuật phải <i>“mở lòng ra để đón lấy tất cả những gì vang động ở đời”</i> (Đời thừa).</p>
<p>Chân lý nghệ thuật</p>	<p>Cùng một thời điểm, cùng một người quan sát, nhưng với hai cự li và góc độ khác nhau, người nghệ sĩ đã phát hiện ra hai bức tranh hoàn toàn tương phản: phía sau cái đẹp thánh thiện trong treo của ngoại cảnh lại là sự độc ác, xấu xa, u tối trong cuộc sống con người. Nghịch lí đau đớn này sẽ đưa đến những nhận thức sâu sắc, mới mẻ cho người nghệ sĩ về cách nhìn với hiện thực cuộc đời.</p>	<p>→ Cuộc đời không đơn giản, xuôi chiều mà chứa đựng nhiều nghịch lí. Cuộc sống luôn tồn tại những mặt đối lập, những mâu thuẫn: đẹp – xấu, thiện – ác. Nghệ thuật vốn nảy sinh từ cuộc đời những không phải bao giờ cuộc đời cũng là nghệ thuật. Nhà văn khẳng định: đừng nhầm lẫn hiện tượng với bản chất, giữa hình thức bên ngoài và nội dung bên trong không phải bao giờ cũng thống nhất; đừng vội đánh giá con người, sự vật ở dáng vẻ bên ngoài, phải phát hiện ra bản chất thực sau vẻ ngoài đẹp để của hiện tượng.</p>

Tình huống về nhận thức về con người và cuộc sống

Trong đầu vị Bao Công của cái phố huyện vùng biển vốn đầy chữ nghĩa sách vở “*có một cái gì vừa vỡ ra*”, “*lúc này trông Đẩu rất nghiêm nghị và đầy suy nghĩ*”. Cũng như Đẩu, nghệ sĩ Phùng đã lặng im sau câu chuyện của người đàn bà. Có lẽ người nghệ sĩ nhiếp ảnh cũng đang trầm ngâm suy nghĩ về người phụ nữ này, về người bạn mình – chánh án Đẩu và về chính mình?

Phát hiện về người đàn bà

Người đàn bà hàng chài xuất hiện ở tòa án huyện theo lời mời của chánh án Đẩu – người có ý định khuyên bảo, thậm chí đề nghị người đàn bà nghèo khổ ấy từ bỏ lão chồng vũ phu. Người đàn bà hàng chài đã từ chối lời đề nghị và sự giúp đỡ của chánh án Đẩu và nghệ sĩ Phùng. Chị đau đớn đánh đổi bằng mọi giá để không phải bỏ lão chồng vũ phu: “*Quý tòa bắt tội con cũng được, bỏ tù con cũng được, đừng bắt con bỏ nó...*”

Chị chấp nhận tất cả: sự đau đớn thể xác, sự cam chịu nhẫn nhục tinh thần, sự tủi hờn thân phận. Để có một gia đình trọn vẹn, để con thuyền gia đình có người chèo lái, để những đứa con chị có cha, để chúng có những bữa ăn no mà nếu chỉ có một mình chị không thể gánh vác được. Niềm vui nhất của người mẹ nghèo ấy là gì? Là lúc ngồi nhìn đàn con chúng nó được ăn no. Chỉ vì điều ấy mà chị chấp nhận “*phải có một người đàn ông để chèo chống lúc phong ba, dù hắn có man rợ*”

Người đàn bà hàng chài: Cuộc đời đầy sự bất ngờ không thể lí giải được, cứ tưởng con người ta yếu hèn nhu nhược hóa ra lại vô cùng lớn lao, cao cả; cứ tưởng con người ta dốt nát, kém hiểu biết hóa ra lại vô cùng trải nghiệm. Người phụ nữ ấy đã tỏ ra rất sâu sắc, thấu tỏ lẽ đời, hiểu biết cuộc đời và con người hơn rất nhiều những người vốn tự cho mình thông tỏ mọi sự trên đời, cho dù chị tự nhận những suy nghĩ của mình là cái sự lạc hậu. Chị hiểu việc mình làm và chấp nhận cuộc sống ấy chứ hoàn toàn không phải do dốt nát, lạc hậu như chị tự nhận. Vì một lẽ nào đó, con người có khi phải sống trong bi kịch, buộc phải chấp nhận bi kịch. Với người đàn bà này, cội

	<p>tàn bạo”. Biết mình khổ nhưng người phụ nữ ấy vẫn âm thầm nhẫn nhục chịu đựng mà không hề than vãn cho bản thân.</p> <p>Ngược lại chị còn nhận trách nhiệm về mình: “<i>nhưng cái lỗi chính là đám đàn bà ở thuyền để nhiều quá</i>” và thanh minh cho chồng “<i>lão chồng tôi khi ấy là một anh con trai cục tính nhưng hiền lành lắm không bao giờ đánh đập tôi</i>”</p>	<p>rể của sự cam chịu ấy chính là tình mẫu tử. Vì chị sống cho những đứa con, vì chị là một người mẹ. Một người mẹ không chỉ biết lo đủ miếng ăn cho con mà còn muốn con lớn lên đúng nghĩa một con người, một người mẹ không muốn làm tổn thương những tâm hồn non nớt nên âm thầm một mình xin chồng lên bờ đánh. Chị biết cách dạy con hơn nhiều người mẹ khác khi cho con lên ở với ông ngoại, chị không giống những người mẹ muốn lôi kéo con làm đồng minh nên sẵn sàng kể tội, nói xấu bố chúng. Người phụ nữ ấy thật vị tha và vô cùng cao thượng. Trước mắt Phùng, chị không còn là nạn nhân để cho công lí và lòng tốt dang tay cứu vớt. Lòng thương hại ở Phùng đã nhường chỗ cho sự kính trọng và niềm khâm phục.</p>
Phát hiện về chính mình	Về người đồng đội cũ – chánh án Đẩu: anh có lòng tốt, sẵn sàng bảo vệ công lí nhưng chưa thực sự đi sâu vào đời sống nhân dân. Lòng tốt là đáng quý nhưng chưa đủ. Luật pháp là cần thiết nhưng cần phải đi vào đời sống. Cả lòng tốt và luật pháp đều phải được đặt vào những hoàn cảnh cụ thể, không thể áp dụng với mọi đối tượng.	





Về chính mình: Mình đã đơn giản khi nhìn nhận cuộc đời và con người. Chính vì hiểu đời một cách phiến diện bề ngoài mà anh đã thất bại thảm hại, hành động cứu người anh chỉ là một phiên bản của người đã từng lao vào đánh nhau với cối xay gió trong trang sách của nhà văn Xecvantec mà thôi. Lẽ đời hoàn toàn không đơn giản, con người lại càng bí ẩn, tưởng xấu lại tốt, tưởng cao cả lại hóa ra thấp hèn, tưởng tội phạm nhưng lại là nạn nhân *“lẫn lộn người tốt kẻ xấu, rồng phượng rắn rết, thiên thần và ác quỷ”* (Bức tranh).



Lão chồng vũ phu kia hiển nhiên là độc ác vừa vi phạm pháp luật vừa vi phạm nghiêm trọng đạo nghĩa phu thê, phải bị người đời lên án, bị pháp luật trừng trị. Phùng đã từng cho là như thế. Nhưng lão chồng đó là kẻ tội đồ hay cũng là một nạn nhân của cuộc sống đói nghèo và lạc hậu. Tẩy chay lão ra khỏi cuộc đời người phụ nữ đó có phải là thượng sách?

	<p>Tổng lão vào tù là làm điều chính nghĩa, đòi lại sự công bằng, đem lại hạnh phúc cho người phụ nữ hay không? Hay là lại đẩy chị và cuộc sống của những đứa con trên chiếc thuyền mỏng manh kia vào bão tố. Nhưng nếu không trừng trị lão thì bi kịch tinh thần và thể xác người phụ nữ và những đứa con đến khi nào mới có hồi kết? Cuối cùng thì những người cầm cán cân công lí ở cái làng chài hẻo lánh này cũng cố tìm được một giải pháp: triệu tập lão chồng lên để giáo dục. Nhưng xem ra, Phùng cũng không mấy tin tưởng vào tính khả thi của giải pháp này.</p>	
<p>Trận bão biển và bài học cuộc sống</p>		
	<p>Không phải ngẫu nhiên mà cuối tác phẩm Phùng bất ngờ chứng kiến “<i>trời trở gió đột ngột, từng tảng mây đen xếp ngổn ngang trên mặt biển đen ngòm, và biển bắt đầu gào thét</i>”, lại một cơn bão sắp về mà chiếc thuyền vó bè vẫn chơ vơ trên biển cả mênh mông.</p>	<p>Phải chăng Phùng vẫn canh cánh một nỗi niềm: những lời giáo huấn tốt đẹp có làm giảm được không những gian khó, nhọc nhằn mà hằng ngày gia đình họ phải đối mặt, có đem lại cho những đứa trẻ tội nghiệp kia những bữa ăn no, có chống chọi được với những bão táp trên biển khơi vẫn ngày ngày tiếp diễn?</p>
	<p>Đến đây, hiển hiện trước mắt Phùng một thực tế oái ăm nữa của cuộc sống: <i>Không phải con người lúc nào cũng đấu tranh với nhau mà nhiều khi phải chịu đựng lẫn nhau. Những con người lao động và lương thiện hết đời này sang đời khác đã chịu bao nhiêu đau khổ</i></p>	<p>Con đường đi tìm chân lí nghệ thuật và chân lí cuộc đời của Phùng có thể coi là một quá trình đón ngộ. Kiểu nhân vật này không phải bây giờ mới xuất hiện. Ở thế kỉ XIX, trong Chiến tranh và Hòa</p>

và bất công để nuôi sống con cái làm cho đời sống bất diệt... Giữa các quốc gia với nhau, trong một gia đình, một cặp vợ chồng, nói chung là giữa con người với con người không phải lúc nào cũng sẵn sàng xé toang ra, mỗi người mỗi ngã, như thế thì còn đâu là cuộc sống” (lời tâm sự của nhà văn về tác phẩm).

bình của nhà văn Nga Ltxônxtôi, chàng quý tộc Andrây cũng đã phải trải qua bao nhiêu băn khoăn trăn trở và giằng xé trong tâm hồn mới tìm ra chân lí đích thực của cuộc sống: “*cuộc đời ta phản chiếu lên mọi người, sao cho cuộc đời ta trôi qua không chỉ mình ta*”.

Có 3 vấn đề về cuộc sống mà Phùng đã ngộ ra:

- Cuộc sống không hề giản đơn, một chiều mà có đủ cả trắng đen, tốt xấu, vui buồn;
- Con người cũng vô cùng phức tạp, đó là kiểu người đa trị, lưỡng diện;
- Cái đẹp hoàn toàn không phụ thuộc vào hình thức bề ngoài, không phải cái đẹp lúc nào cũng phát lộ trên bề mặt mà nó có thể lấp lánh sau làn vỏ ngoài xù sì thô nhám.

Đồng thời Phùng cũng nhận ra các vấn đề quan trọng của nghệ thuật:

- Nghệ thuật phải gắn bó hữu cơ mật thiết với cuộc đời;
- Nghệ thuật khám phá con người ở chiều sâu nhân bản.

Đây chính là quan niệm nghệ thuật về con người, về nghệ thuật và người làm nghệ thuật của Nguyễn Minh Châu sau 1975.



Hệ thống kiến thức bài Đất Nước – Nguyễn Khoa Điềm

ĐẤT NƯỚC CÓ TỪ BAO GIỜ ?

Cơ bản	Mở rộng
<p>– Bằng giọng tâm tình, dịu ngọt như lời kể chuyện cổ tích, Nguyễn Khoa Điềm đã thể hiện những cảm nhận, suy tưởng của mình về cội nguồn đất nước bằng những hình ảnh gần gũi, thân quen, bằng những câu thơ gợi nhớ đến truyền thuyết xa xưa, đến nền văn minh lúa nước sông Hồng, cùng những phong tục tập quán độc đáo có từ lâu đời. Cụm từ ngày xưa ngày xưa chỉ thời gian huyền hồ, hư ảo là nhịp thời gian cổ xưa xa thẳm để mở đầu những câu chuyện cổ. Với Nguyễn Khoa Điềm, Đất Nước có từ rất xa xưa, trong sâu thẳm thời gian, trong kí ức tuổi thơ hồn nhiên trong sáng của mỗi cuộc đời. Câu thơ của Nguyễn Khoa Điềm đã đánh thức trong lòng người đọc những hoài niệm đẹp đẽ của một thời thơ ấu. Đó cũng chính là đất nước được cảm nhận trong chiều sâu tâm hồn nhân dân, văn hoá và lịch sử:</p> <p><i>“Đất nước bắt đầu với miếng trầu bây giờ bà ăn</i></p> <p><i>Đất nước lớn lên khi dân mình biết trồng tre mà đánh giặc”</i></p> <p>+ Đó là miếng trầu gợi lên từ sự tích vào loại cổ nhất người Việt “Sự tích trầu cau” từ đời vua Hùng dựng nước xa xưa, ngợi ca tình nghĩa vợ chồng, anh</p>	<p>Lịch sử sâu thẳm của đất nước ta được tác giả cắt nghĩa không phải bằng sự nối tiếp của các vương triều hay các sự kiện lịch sử trọng đại như Nguyễn Trãi đã từng viết trong “Bình Ngô Đại Cáo”:</p> <p><i>“Nư nước Đại Việt ta từ thuở trước</i></p> <p><i>Vốn xưng nền văn hiến đã lâu</i></p> <p><i>Núi sông bờ cõi đã chia</i></p> <p><i>Phong tục Bắc – Nam cũng khác</i></p> <p><i>Từ Triệu, Đinh, Lý, Trần gây nền độc lập</i></p> <p><i>Cùng Hán, Đường, Tống, Nguyên hùng cứ một phương”</i></p> <p>Ngày xưa, bài thơ <i>Nam quốc sơn hà</i> (Lí Thường Kiệt) phải dùng đến để cư, thiên thư để thiêng liêng hóa Đất Nước qua hình ảnh vua và sách trời. Văn tế nghĩa sĩ Cần Giuộc lại mượn “<i>Một khối xa thư đồ sộ</i>” “<i>Hai vầng nhật nguyệt chói lòa</i>” để trang trọng hóa Đất Nước qua những khái niệm trù tượng, kì vĩ, cao cả. Thi pháp ước lệ cổ điển có khả năng tạo ra một khoảng cách thiêng để thể hiện niềm ngưỡng vọng vô biên của con người đối với giang sơn Tổ Quốc. Hệ thống ngôn từ mới mẻ của Nguyễn Khoa Điềm lại mang một nỗ lực xóa nhòa khoảng cách để bình dị hóa Đất Nước một cách bất ngờ, để Đất Nước hóa thân vào cổ tích, ca dao, dân ca vào đời sống hàng ngày.</p>

em đầm thắm, sắt son đồng thời đánh thức dậy hình ảnh miếng trầu đã trở thành biểu tượng của tình yêu, lòng thủy chung: miếng trầu của cô Tấm, miếng trầu của Xuân Hương.

+ Đó còn là truyền thuyết Thánh Gióng nhổ tre đánh đuổi giặc Ân, trở thành bài ca giữ nước hào hùng của nhân dân đã trở thành lịch sử đất nước:

Lịch sử lâu đời của đất nước được kết tinh trong từng câu chuyện kể, trong miếng trầu bà ăn thường ngày, trong “*cây tre đánh giặc*” thân quen quanh ta.

Với cái nhìn độc đáo của Nguyễn Khoa Điềm, đất nước đã nằm sâu trong tiềm thức mỗi chúng ta, mỗi người dân; trong đời sống tâm hồn của nhân dân từ thế hệ này qua thế hệ khác.

Đất nước còn là phong tục búi tóc thành cuộn sau gáy rất quen thuộc của người phụ nữ Việt Nam từ bao đời nay:

+ Đất nước Việt Nam mang vẻ đẹp tâm hồn con người Việt Nam: tình nghĩa đậm đà, thủy chung son sắt của cha mẹ “*cha mẹ thương nhau bằng gừng cay muối mặn*”.

+ Với người Việt Nam vốn gắn bó lâu đời với nền văn minh lúa nước, hạt gạo trở thành gia bảo vô cùng cần thiết cho cuộc sống. Cho nên ngay khi còn là đứa trẻ mới lớn, cảm nhận về vật chất đầu tiên phải là hạt gạo trải qua một quá trình lam lũ, vất vả kết tinh mồ hôi, nước mắt của người lao động một nắng

– “*Ta như thuở xưa thần Phù Đổng*

Vụt lớn lên đánh đuổi giặc Ân

Sức nhân dân khoẻ như ngựa sắt

Chí căm thù ta rèn thép làm roi

Lửa chiến đấu ta phun vào mặt

Lũ sát nhân cướp nước hại nòi”

(Tố Hữu)

Nguyễn Duy đã viết:

“*Tre xanh, xanh tự bao giờ*

Chuyện ngày xưa đã có bờ tre xanh”

Ca dao cổ:

“*Tóc ngang lưng vừa chùng em búi*

Để chi dài bối rối lòng anh”

Ý thơ được toát lên từ những câu ca dao đẹp:

“*Tay bưng đĩa muối chén gừng*

Gừng cay muối mặn xin đừng quên nhau”

Hay:

“*Muối ba năm muối đang còn mặn*

Gừng chín tháng gừng hãy còn cay

Đôi ta tình nặng nghĩa đầy

Dù ba vạn sáu ngàn ngày cũng chẳng xa”

Hình ảnh thơ của Nguyễn Khoa Điềm làm ta gợi nhớ tới câu ca dao mẹ ru thuở nào:

“*Cày đồng đang buổi ban trưa*

hai sương xay, giã, dần, sàng, phải suốt ngày “*bán mặt cho đất bán lưng cho trời*”, “*dầm mưa dãi nắng*” nhân dân ta mới làm ra được hạt ngọc quý giá ấy.

+ Cha ông ta xưa gắn liền với những miền quê thuần phác của nền nông nghiệp thóc gạo với mái lá nhà tranh nên thường coi việc đặt tên cho con cũng chỉ bằng cái tên nôm na, dân dã; có khi lấy từ tên những bộ phận của ngôi nhà tre gỗ của chính mình đang ở “*cái kèo, cái cột*”... Cách cảm nhận cội nguồn đất nước của Nguyễn Khoa Điềm thật gần gũi, thân quen mà cũng không kém phần thi vị, độc đáo, dễ làm lay động trái tim hàng triệu độc giả.

Trong đoạn thơ trên, tác giả sử dụng khéo léo các kiểu cấu trúc thơ “*Đất nước đã có*”, “*Đất nước bắt đầu*”, “*Đất nước lớn lên*”, “*Đất nước có từ*” đã giúp cho ta hình dung được cả quá trình hình thành và phát triển của đất nước trong trường kì lịch sử nằm sâu trong tâm thức của con người Việt Nam qua bao thế hệ.

Trong trường từ vựng: ông, bà, cha, mẹ gợi về tình cảm gia đình ruột thịt thân thương. Đó cũng là khởi nguồn cho đất nước. Bởi nói như chú Năm “*con sông gia đình cũng chảy về biển, mà biển thì rộng lắm, rộng bằng nước ta*” (Những đứa con trong gia đình).

Mồ hôi thánh thót như mưa ruộng cày

Ai ơi bùng bát cơm đầy

Đẻo thơm một hạt đắng cay muôn phần”

- Nếu Nguyễn Đình Thi và Chế Lan Viên đã tự tạo một khoảng cách nhất định để chiêm nghiệm về đất nước thì Nguyễn Khoa Điềm đã nhìn đất nước ở tầm gần. Có lẽ nhờ xác định được một cự li như thế mà tác giả Mặt đường khát vọng đã phát hiện ra một khuôn mặt mới của đất nước mình: dung dị, đời thường, thậm chí có phần lam lũ nhưng cũng không kém phần cao cả. Trong khi Nguyễn Đình Thi cảm nhận đất nước ở những đường nét hoành tráng, Chế Lan Viên nhìn tổ quốc qua những trang sử hào hùng thì Nguyễn Khoa Điềm lại lặng lẽ quan sát đất nước ở muôn mặt đời thường và trong quan hệ ruột rà, thân thuộc. Đất nước là những gì bình dị nhất gần gũi và thân quen nhất trong đời sống hằng ngày của mỗi con người Việt Nam chúng ta: câu chuyện cổ tích mẹ kể, miếng trầu bà ăn, những dây tre làng, búi tóc của mẹ, gừng cay, muối mặn, cái kèo, cái cột, hạt gạo...

ĐẤT NƯỚC LÀ GÌ?

Cơ bản

–Tác giả đã khai thác cách cấu tạo từ tiếng Việt để tách từ Đất Nước thành Đất và Nước rồi lại hợp nhất trong 1 chỉnh thể thống nhất hài hòa. Cứ thế tách ra rồi hợp lại, hợp lại rồi tách ra, Đất nước hiện ra vừa cụ thể, riêng tư, gần gũi vừa lớn lao, cao cả, thiêng liêng:

+ Nếu tách hai ra làm những thành tố ngôn ngữ độc lập thì Đất và Nước chỉ có ý nghĩa là không gian sinh tồn về mặt vật chất của con người cá thể.

+ Nếu hợp thành một danh từ thì Đất Nước lại có ý nghĩa tinh thần thiêng liêng, chỉ không gian sinh sống của cả một cộng đồng người như anh em một nhà.

– Về không gian địa lí:

+ Đất Nước với Nguyễn Khoa Điềm trước hết chưa phải là núi sông, rừng bể mà là không gian riêng tư, sinh hoạt bình thường của mỗi người:

Đất là nơi anh đến trường

Nước là nơi em tắm

+ không gian của **tình yêu đôi lứa, không gian của nỗi nhớ thương:**

Đất nước là nơi ta hò hẹn

Đất nước là nơi em đánh rơi chiếc khăn trong nỗi nhớ thầm

àĐoạn thơ được viết bằng tư duy vừa giàu chất trữ tình thơ ca, vừa mang tính huyền thoại vừa thấm đượm một phong vị triết học. Không phải ngẫu nhiên mà Đất tương ứng với Anh, nước tương ứng với em. Một yếu tố thuộc Âm, một yếu tố thuộc Dương. Khi nói riêng về từng người thì Đất Nước tách riêng thành 2 chữ. Đất mở ra cho anh chân trời kiến thức, nước gột rửa tâm hồn em trong sáng dịu hiền. Cùng với thời gian lớn lên, đất nước trở thành nơi anh và em hò hẹn khi đó anh với em hợp lại để thành Ta thì Đất và Nước cũng liền lại với nhau thành Đất Nước. Như vậy tình yêu đôi lứa đã hòa hợp làm một với tình yêu đất nước, đất nước như người bạn sẽ chia những tình cảm nhớ mong của những người đang yêu. Chiếc khăn biểu tượng của nỗi nhớ thương – đã từng làm bao trái tim tuổi trẻ băng khuâng: khăn thương nhớ ai, khăn rơi xuống đất ... một lần nữa lại khiến lòng người xúc động bồi hồi trước tình cảm chân thành của những tâm

hồn say đắm yêu đương. Những câu thơ định nghĩa mà cứ rung rung những kỉ niệm, hồi hộp những tâm tình. Sự vỡ tách và nhập ghép hai âm tiết đất và nước gợi lên một chiều sâu suy tưởng: Đất Nước là sự thống nhất giữa cái chung và cái riêng, cộng đồng và cá nhân, to lớn và nhỏ bé, hiện thực và huyền thoại

+ Không gian của núi sông rừng bể rộng lớn. Đất nước còn là nơi trở về của những tâm hồn thiết tha với quê hương. Hình ảnh **con chim phượng hoàng bay về hòn núi bạc, con cá ngư ông móng nước biển khơi** mang âm hưởng dân ca Bình Trị Thiên thấm đẫm lòng yêu quê hương tổ quốc của tác giả. Đất nước mình bình dị quen thuộc nhưng cũng rộng lớn, tráng lệ và kì vĩ vô cùng.

+ Đất nước còn là không gian sinh tồn hết sức đời thường của nhân dân qua bao thế hệ:

Những ai đã khuất

Những ai bây giờ

Yêu nhau và sinh con đẻ cái

Gánh vác phần người đi trước để lại ...

– Về thời gian lịch sử:

Đất nước trường tồn trong không gian và thời gian: Thời gian đằng đẵng, không gian mênh mông để mãi mãi là nơi dân mình đoàn tụ là không gian sinh tồn của cộng đồng Việt Nam qua bao thế hệ.

Hình ảnh đất nước hiện lên ở cả 3 chiều thời gian: từ quá khứ đến hiện tại và tương lai.

+ Đó là một đất nước thiêng liêng, hào hùng trong **quá khứ** (gắn với huyền thoại *Lạc Long Quân và Âu Cơ*, truyền thuyết về các vua Hùng dựng nước), giản dị, gần gũi trong **hiện tại** (*Trong anh và em hôm nay – Đều có một phần đất nước*) và triển vọng sáng tươi trong **tương lai** (*Mai này con ta lớn lên – Con sẽ mang đất nước đi xa*)

+ Nhắc lại truyền thuyết Lạc Long Quân và Âu Cơ nhắc đến ngày giỗ tổ, Nguyễn Khoa Điềm muốn nhắc nhở mọi người nhớ về cội nguồn của dân tộc. Dù bốn ba chốn nào, người dân Việt Nam cũng đều hướng về đất tổ, nhớ về dòng giống Rồng Tiên của mình

+ Khi nghĩ về **hiện tại**, nhà thơ khẳng định một chân lí: Đất Nước phải là sự hài hòa, gắn bó giữa anh và em và mọi người, giữa cái riêng và cái chung. Đất nước hóa thân và kết tinh tự nhiên trong cuộc đời mỗi con người, sự sống của mỗi con người không phải chỉ của riêng cá nhân mà còn thuộc về đất nước vì mỗi cuộc đời, mỗi con người đều thừa hưởng những di sản văn hóa tinh thần và vật chất của dân tộc. Ý thơ của Nguyễn Khoa Điềm đã bắt nhịp với ý thơ của Thanh Hải:

Ta làm con chim hót

Ta làm một nhành hoa

Ta nhập vào hòa ca

Một nốt trầm xao xuyến

Như vậy không có gì khó hiểu khi nhà thơ nhìn thấy một phần Đất nước trong mỗi chúng ta hiện tại. Đất nước không tồn tại ở đâu đó xa xôi mà kết tinh, hóa thân ngay trong cuộc sống của mỗi con người.

+ Hướng về **tương lai** của đất nước, Nguyễn Khoa Điềm viết bằng cảm hứng lãng mạn, Đất Nước trong tương lai sẽ đi xa đến mọi chân trời, sẽ là những ngày tháng mơ mộng đẹp đẽ.

Tuy là đoạn thơ chính luận nhưng những câu thơ trên không giống những lời giáo huấn mà chỉ là lời tự nhủ của cá nhân nhà thơ và lớn hơn là của cả thế hệ lúc bấy giờ về bổn phận đối với Đất Nước. Giọng thơ chân thành, thiết tha nhẹ nhàng như lời thủ thỉ, tâm tình, nhắn nhủ người yêu mà không cao giọng lên gân. Đặt trong hoàn cảnh sáng tác bài thơ đó là những lời thơ có giá trị thức tỉnh kêu gọi đấu tranh, kêu gọi hiến dâng 1 phần cuộc đời mình cho Đất Nước.

AI ĐÃ LÀM NÊN ĐẤT NƯỚC (TƯ TƯỞNG ĐẤT NƯỚC CỦA NHÂN DÂN)

Cơ bản	Mở rộng
<p>* NHÂN DÂN LÀ NGƯỜI LÀM RA KHÔNG GIAN ĐỊA LÍ DÂN TỘC:</p> <p>Tư tưởng đất nước của nhân dân khiến cho những địa danh ngàn đời của Tổ quốc qua cái nhìn sắc sảo đầy khám phá của nhà thơ chính là sự hoá thân của những con người bình dị, vô danh “<i>những con người không ai nhớ mặt đặt tên</i>” nhưng họ đã làm ra đất nước.</p> <p>+ Núi Vọng Phu, hòn Trống Mái là kết tinh tình yêu thủy chung của biết bao người vợ chờ chồng trong</p>	<p>Nguyễn Khoa Điềm đã không lặp lại một thói quan là nêu lên sự trù phú đẹp tươi của Đất Nước với</p> <p><i>Những cánh đồng thơm mát</i></p> <p><i>Những ngả đường bát ngát</i></p> <p><i>Những dòng sông đỏ nặng phù sa</i></p> <p>(Đất nước – Nguyễn Đình Thi)</p>

chiến tranh liên miên, của sự gắn kết muôn đời, bất chấp mọi bão tố của thời gian:

Không hoá thạch kẻ ra đi mà hóa thạch kẻ đợi chờ

Đợi một dáng hình trở lại giữa đơn côi

+ Tác giả không chỉ chiêm ngưỡng những hình ảnh núi Bút, non Nghiên mà còn nhìn ra trong đó phẩm chất, truyền thống hiếu học và khát vọng trí tuệ của dân tộc ta từ bao đời nay. Những núi Bút, non Nghiên phô bày vẻ đẹp mỹ lệ giữa đất trời nước Việt hay là hình tượng những người học trò nghèo đã gửi gắm quyết tâm, ước vọng của mình vào đây:

Người học trò nghèo góp cho Đất nước mình núi Bút non Nghiên

+ Nhà thơ đã tìm về cội nguồn để cảm nhận sâu sắc dáng hình đất nước. Những hình ảnh thân quen của non sông đất nước gợi lên quá khứ hào hùng với truyền thống đánh giặc ngoại xâm oanh liệt của nhân dân ta qua truyền thuyết Thánh Gióng nhổ tre đánh đuổi giặc Ân:

Ta như thuở xưa thần Phù Đổng

Vụt lớn lên đánh đuổi giặc Ân

Sức nhân dân khoẻ như ngựa sắt

Chí căm thù ta rèn thép thành roi

Lửa chiến đấu ta phun vào mặt

Lũ sát nhân cướp nước hại nòi”

(Tố Hữu)

+ Cùng với sự nghiệp dựng nước đầy gian lao của vua Hùng:

“Gót ngựa của Thánh Gióng đi qua còn trăm ao đầm để lại

Hay với những

Rừng cọ đồi chè, đồng xanh ngào ngạt

Nắng chói sông Lô, hò ô tiếng hát

Chuyến phà dào dạt, bến nước Bình Ca

(Ta đi tới – Tố Hữu)

Mở đầu bài thơ Quê hương Việt Nam, nhà thơ Nguyễn Đình Thi viết:

Việt Nam đất nước ta ơi

Mênh mông biển lúa đâu trời đẹp hơn

Cánh cò bay lả dập dờn

Mây mờ che đỉnh Trường Sơn sớm chiều

Nhà thơ chú ý đến những miền đất, những địa danh mà tên gọi đều rất nôm na, dân dã. Những địa danh, những hình sông thế núi mang hình người, linh hồn dân tộc. Chúng là sự tượng hình kết tinh đời sống văn hoá tinh thần của nhân dân mang đậm chủ nghĩa nhân văn, nhân đạo Việt Nam.

Chín mươi chín con voi góp mình dựng đất Tổ Hùng Vương”

+ Cho đến “*những con rồng nằm im*” cũng góp phần làm nên “*dòng sông xanh thẳm*”, “*con cóc, con gà quê hương cũng góp cho Hạ Long thành thắng cảnh*” và cả những địa danh thật nôm na, bình dị “*những ông Đốc, ông Trang, bà Đen, bà Điểm*”. Nguyễn Khoa Điềm đã đặt cái nhìn trân trọng của mình vào nhân dân không tên không tuổi “*những người dân nào*” không ai biết cũng làm nên tên núi, tên sông và tất cả những cái bình thường trong cuộc sống hàng ngày của nhân dân cũng hoá thân thành dáng hình xứ sở.

à Tính khái quát của hình tượng thơ cứ được nâng dần lên. Đó là một hình dáng của tư thế truyền thống Việt Nam, truyền thống văn hiến của dân tộc có bốn nghìn năm lịch sử. Và ở đâu trên khắp ruộng đồng, gò bãi, chẳng mang một dáng hình, một ao ước, một lối sống ông cha. Biết bao nhiêu thế hệ con người Việt Nam biết sống, biết yêu thương và bỏng cháy khát vọng đã tạc vào hình sông thế núi những nét đẹp tâm hồn. Những danh lam thắng cảnh đã trở thành chứng tích tâm hồn của nhân dân bao đời

Hình tượng thơ càng được nâng dần lên và chót vào một câu đầy trí tuệ:

*Ôi! Đất nước sau bốn nghìn năm đi đâu ta cũng thấy
Những cuộc đời đã hoá núi sông ta...*

***NHÂN DÂN LÀ NGƯỜI LÀM NÊN LỊCH SỬ DÂN TỘC:**

Đoạn thơ mở đầu bằng hình thức đối thoại, thực chất đây là dạng phân thân của chủ thể trữ tình:

Em ơi em

Hãy nhìn rất xa

Chính những nét đẹp tâm hồn đã góp phần hình thành nên vẻ đẹp tài hoa, khí phách, sự giản

Vào bốn nghìn năm Đất Nước

– Lời lẽ nhẩn nhủ nhẹ nhàng dẫn dắt người đọc vào bốn nghìn năm lịch sử, bốn nghìn năm văn hiến dựng nước và giữ nước của ông cha ta. Nhà thơ không tái hiện lịch sử của dân tộc bằng việc điểm lại triều đại (Đinh, Lí, Trần, Lê) như trong *Bình Ngô Đại cáo* hay các anh hùng lưu danh sử sách mà nối kết quá khứ và hiện tại bằng những ngôn từ *người người lớp lớp, bốn nghìn lớp người, biết bao người con gái con trai*. Qua đó, cảm nhận lịch sử bằng sự nối tiếp các thế hệ nhân dân. Chính nhân dân đã tạo ra truyền thống lịch sử quý báu của dân tộc

+ Cụm từ *người người lớp lớp* biểu trưng cho sức mạnh của nhân dân, sự hóa thân của nhân dân. Trong đó, nhà thơ đặc biệt chú ý đến hình ảnh *Con gái-con trai bằng tuổi chúng ta*. Đó là tuổi trẻ, là thế hệ *Gánh vác phần người đi trước để lại- Dặn dò con cháu chuyện mai sau*, là những con người cần cù trong lao động, anh dũng trong chiến đấu.

+ Nhà thơ ca ngợi sự hóa thân của nhân dân để làm nên bốn nghìn năm Đất Nước bằng việc nhắc đến những tấm gương anh hùng cả anh và em đều nhớ. Nhưng nhà thơ quan tâm nhiều hơn đến. *Biết bao người con gái con trai/ Trong bốn nghìn lớp người giống ta lứa tuổi/ Họ đã sống và chết / Giản dị và bình tâm*. Đó là sự hi sinh thầm lặng của biết bao con người bình dị vô danh.

+ Những con người vô danh và bình dị ấy dành cả cuộc đời để chiến đấu cho độc lập tự do : *có ngoại xâm thì chống ngoại xâm, có nội thù thì vùng lên đánh bại*

+ *Hi sinh lớn lao là vậy, nhưng những từ ngữ đối lập Sống – chết , Giản dị – Bình tâm đặt trong hai câu thơ ngắn gọn, nhẹ tênh, hoàn toàn khác so với những dòng thơ dài gọi nhớ công lao của họ đã khẳng định sự hiển dương ấy hoàn toàn vì lí tưởng chung của*

dị mà hiên ngang, bất khuất của cả núi sông, dân tộc:

Sống vững chãi bốn nghìn năm lịch sử

Lưng đeo gươm tay mềm mại bút hoa

Trong và thực sáng hai bờ tư tưởng

Sống hiên ngang mà nhân ái chan hòa

(Huy Cận)

Chế Lan Viên nhìn đất nước qua những trang sử hào hùng:

“Hỡi sông Hồng tiếng hát bốn nghìn năm

Tổ Quốc bao giờ đẹp thế này chăng?

– Chưa đâu! Và ngay cả trong những ngày đẹp nhất

Khi Nguyễn Trãi làm thơ và đánh giặc

Nguyễn Du viết Kiều, đất nước hoá thành văn

Khi Nguyễn Huệ cỡi voi vào cửa Bắc

Hưng Đạo diệt quân Nguyên trong sóng Bạch Đằng”.

(“Tổ Quốc bao giờ đẹp thế này chăng?”)

cả cộng đồng. Đó là một sự hi sinh nhẹ nhàng thanh thản và giản đơn vô ngần.

àNguyễn Khoa Điềm đã tổng kết lịch sử bằng vai trò của vô cần những con người bình dị, vô danh. Bằng cách đó nhà thơ đã trả lại cho Đất Nước người chủ nhân chân chính. Đây là cảm quan lịch sử mới về vai trò của Nhân dân, bắt nguồn từ hệ tư tưởng mới quan niệm Nhân dân là người sáng tạo ra lịch sử:

Không ai nhớ mặt đặt tên

Nhưng họ đã làm ra Đất Nước

NHÂN DÂN LÀ NGƯỜI LÀM NÊN CHIỀU SÂU VĂN HÓA DÂN TỘC:

– Nhân dân còn giữ gìn và truyền lại cho các thế hệ sau mọi giá trị văn hóa, văn minh tinh thần và vật chất của đất nước, của dân tộc: *hạt lúa, ngọn lửa, tiếng nói, ngôn ngữ dân tộc, cả tên xã tên làng...* Như vậy, hình tượng nhân dân ở đoạn thơ này được xây dựng theo lối khái quát hóa, tập hợp hóa. Để biểu đạt ý thơ này, tác giả sử dụng đại từ nhân xưng “Họ” để chỉ chung cho nhiều người, chỉ tập thể, cả dân tộc. Đại từ ‘Họ’ ở đây có thêm sắc thái biểu cảm mới. Đó là sự hiện diện của nhân dân qua tất cả các thời kì lịch sử, thế hệ này nối tiếp thế hệ kia, cầm trong tay ngọn đuốc sức sống Việt Nam và khi hết vai trò, họ truyền lại cho thế hệ kế tiếp:

+ Truyền hạt lúa: truyền lại thành tựu của nền văn minh lúa nước, gieo mầm sức sống cho con cháu mai sau.

+ Chuyền lửa: chuyền ánh sáng, hơi ấm và sức sống. Khởi nguồn của sức sông con người chính là lửa ấm. Lửa giúp con người thắp sáng, nấu chín thức ăn và đặc biệt là xua tan không gian lạnh lẽo, giúp con người xích lại gần nhau, thêm yêu thương và chan hòa với nhau hơn.

Nguyễn Khoa Điềm nhấn mạnh vai trò của 4000 lớp người vô danh và bình dị:

Đó có thể là:

Anh là chiến sỹ Giải phóng quân.

Tên Anh đã thành tên đất nước

Ôi anh Giải phóng quân!

Từ dáng đứng của Anh giữa đường băng Tân Sơn Nhất

Tổ quốc bay lên bát ngát mùa xuân

(Dáng đứng Việt Nam)

Trái tim em trái tim vĩ đại

Còn một giọt máu tươi còn đập mãi

Không phải cho em. Cho lẽ phải trên đời

Cho quê hương em. Cho Tổ quốc, loài người!

(Người con gái Việt Nam)

+· Bản sắc văn hóa của mỗi dân tộc chính là ngôn ngữ của dân tộc đó. Chính vì thế Cha anh đi trước truyền giọng điệu, tiếng nói cho con cháu mai sau.

·+ Họ sáng tạo ra những địa danh, tên xã, tên làng đã đi vào lịch sử. Họ đắp đập, ke bờ chính là xây dựng nền tảng vật chất và tinh thần để đời sau kế thừa thành quả.

·+ Khi giặc đến họ vùng lên đấu tranh anh dũng, có nội thù thì đánh bại và bảo vệ cuộc sống bình yên. Đó là lòng yêu nước, tình thân quả cảm mà thế hệ đi trước đã truyền lại cho chúng ta.

à Sự tiến hóa của lịch sử giống như 1 cuộc lao động lớn, một cuộc chạy tiếp sức không mệt mỏi của nhân dân để lưu truyền mãi ngọn lửa văn hóa của các thế hệ. Nhân dân đem cả cuộc đời mình ra để xây dựng, phát triển và lưu truyền mọi giá trị vật chất, tinh thần cho con cháu nghìn đời. Cứ thế lịch sử dân tộc được nối dài, sức sống đất nước được duy trì và phát triển bởi bao thế hệ, những con người vô danh, bình dị, không ai nhớ mặt đặt tên nhưng họ làm nên đất nước muôn đời... Âm hưởng của đoạn thơ trang trọng hào hùng như những lời âm vang của lịch sử để ngợi ca truyền thống dân tộc. Đặt trong bối cảnh đất nước có giặc ngoại xâm thì tự hào về truyền thống dân tộc là biểu hiện sâu sắc tình yêu nước.

Từ những mạch suy tưởng trên dẫn đến tư tưởng trung tâm của đoạn trích và cũng là của cả bản trường ca “Đất nước này là Đất nước của Nhân dân”. Và khi nói đến Đất nước của Nhân dân, một cách tự nhiên, tác giả trở về với cội nguồn phong phú đẹp đẽ của văn hóa, văn học dân gian mà tiêu biểu là ca dao. Vẻ đẹp tinh thần của nhân dân, hơn đâu hết, có thể tìm thấy trong ca dao, dân ca, truyện cổ tích: “Đất nước của ca dao thần thoại”. Trong cả kho tàng ca dao, dân ca, tác giả chỉ chọn lọc ba câu để nói về ba phương diện quan trọng nhất của truyền thống dân tộc:

Đứng trước thác lũ của dòng chảy thời đại, trước ngưỡng định mệnh của dân tộc những năm 1974-1975, ta thấy chưa bao giờ như bây giờ, vai trò của nhân dân lại to lớn đến thế, chưa bao giờ như bây giờ những sự hi sinh lại lớn lao đến như vậy: *bốn nghìn lớp người* – lớp này ngã xuống lại có những con người khác tiếp nối nhiệm vụ chung của cả dân tộc. Rõ ràng đất nước và nhân dân đã hòa làm một. Đất nước ấy được hình thành nên từ máu xương, từ sự hi sinh thầm lặng của nhân dân, của những con người:

Chúng tôi đã đi không tiếc đời mình

(Nhưng tuổi hai mươi làm sao không tiếc)

Nhưng ai cũng tiếc tuổi hai mươi thì còn chi Tổ quốc

Cổ sức mà ấm quá, phải không em..?”

(Trường ca Những người đi tới biển – Thanh Thảo)

Dậy mà đi! Dậy mà đi!

Đừng tiếc nữa, can chi mà

<ul style="list-style-type: none"> · Say đắm trong tình yêu (<i>Yêu em từ thuở trong nôi/Em nằm em khóc, anh ngồi anh ru</i>) · Quý trọng tình nghĩa (<i>Cầm vàng mà lội qua sông/Vàng rơi không tiếc tiếc công cầm vàng</i>) · Nhưng cũng thật quyết liệt trong căm thù và chiến đấu (<i>trồng tre đợi ngày thành gậy, đi trả thù mà không sợ dài lâu...</i>) 	<p><i>tiếc mãi ?</i> <i>Ai chiến thắng mà không hề chiến bại</i> <i>Ai nên khôn mà chẳng dại đôi lần ?</i> <i>Hướng đường đi còn lắm bước gian truân</i> <i>Đây chưa phải trận sau cùng chiến đấu!</i></p> <p><i>(Dậy mà đi – Tố Hữu)</i></p>
---	---

Đất nước là đề tài đã được nhiều nhà văn, nhà thơ trước đây đề cập tới. Tư tưởng Đất Nước của nhân dân cũng có thể thấp thoáng trong quan niệm của cha ông xưa: Việc nhân nghĩa cốt ở yên dân hay Nhân dân bốn cõi một nhà, dựng cần trúc ngọn cờ phấp phới (Nguyễn Trãi); Dân là dân nước; nước là nước dân hay Một nước có anh hùng hay không cũng là do nhân dân trong nước ấy có anh hùng hay không mà thôi (Phan Bội Châu). Nhiều nhà thơ trước và cùng thời với Nguyễn Khoa Điềm cũng nói đến tư tưởng này, chẳng hạn như Nguyễn Đình Thi (Ôm đất nước những người áo vải – Đã đứng lên thành những anh hùng); như Thanh Thảo (Dân tộc tôi khi đứng dậy làm người – là đứng theo dáng mẹ – đòn gánh tre chín rạn hai vai); như Trần Đăng Khoa (Mái gianh ơi hỡi mái gianh – Ngắm bao mưa nắng mà thành quê hương) ... Tuy nhiên chỉ đến Nguyễn Khoa Điềm, Đất Nước và tư tưởng Đất nước của Nhân dân mới được nhìn nhận trên nhiều bình diện: địa lí, lịch sử, văn hóa... Ở mỗi bình diện, dường như Nguyễn Khoa Điềm đều có những phát hiện mới, cách nói mới về Đất Nước so với những cách nhìn quen thuộc bấy lâu.

Đoạn trích nhất quán ở giọng điệu tâm tình, tha thiết, lắng sâu như cuộc trò chuyện của đôi lứa yêu nhau giữa anh và em. Thế rồi từ đối thoại xen lẫn với độc thoại, khiến người đọc không sao nhận ra được lúc nào tác giả nghiêm trang định nghĩa Đất Nước, lúc nào tác giả mê đắm tâm tình. Cách làm này đã khiến cho lời định nghĩa về Đất Nước thoát khỏi cái khung khái niệm khô khan trở thành 1 cuộc trò chuyện thân mật mà tự do bay bổng, chất chính luận đan cài với chất trữ tình nhất là khi các chất liệu được rút ra từ chính kho tàng văn hóa, văn học dân gian tạo nên

hình tượng nghệ thuật sinh động, có khả năng đưa đến cho người đọc những cảm xúc thẩm mỹ phong phú.

– Chất chính luận thể hiện ở ý đồ tư tưởng của tác giả:

+ Thức tỉnh tinh thần dân tộc của thế hệ trẻ miền Nam, để dứt khoát trong sự lựa chọn đứng về phía nhân dân và cách mạng

+ Tính chính luận chi phối đến kết cấu: đoạn trích được xây dựng theo cách lập luận như để trả lời cho câu hỏi: Đất Nước có từ bao giờ? Đất Nước là gì? Ai đã làm nên Đất Nước

– Chất trữ tình thể hiện ở

+ Những câu thơ bộc lộ trực tiếp tình cảm, cảm xúc của chủ thể mà còn thấm vào trong cái nhìn, trong thái độ trân trọng, yêu quý với mỗi hình ảnh, chi tiết về Đất Nước gắn liền với nhân dân được miêu tả gợi ra trong đoạn trích

+ Suy tưởng cũng là một ưu thế của đoạn trích. Suy tưởng à Suy nghĩ, phát hiện không chỉ nói lên bằng những mệnh đề khô khan mà qua hình ảnh thơ và cảm xúc của chủ thể trữ tình.

Hồn Trương Ba, da hàng thịt

Lưu Quang Vũ

I. Những căn cứ để hiểu tác phẩm

Lưu Quang Vũ là một tài năng xuất sắc của văn học nghệ thuật Việt Nam những năm 80 của thế kỉ XX với những thành công ở nhiều lĩnh vực đa dạng: làm thơ, viết văn, vẽ tranh và soạn kịch. Khát vọng được tham dự trực tiếp vào dòng chảy mãnh liệt của cuộc sống thời kì đổi mới, được trao gửi và dâng hiến, khát vọng cổ vũ cho cái đẹp, cái thiện, lên án và chiến đấu chống lại cái xấu cái ác, khát vọng góp sức vào sự hoàn thiện nhân cách con người đó là nguồn nhiệt húng nghệ sĩ tạo nên sự thăng hoa cho tài năng Lưu Quang Vũ.

Hồn Trương Ba, da hàng thịt là một trong số những vở kịch đặc sắc nhất của Lưu Quang Vũ. Tạo dựng một tình huống bi kịch đau khổ của nhân vật Trương Ba ngay từ điểm kết thúc có hậu của tính truyện dân gian, Lưu Quang Vũ đã xây dựng thành công một vở kịch nói hiện đại, đặt ra nhiều vấn đề mới mẻ, có ý nghĩa tư tưởng, triết lí và nhân văn sâu sắc.

II. Phân tích tác phẩm

Bi kịch đánh mất mình – và hành trình đi tìm cái tôi đã mất

Tình huống kịch của Lưu Quang Vũ bắt đầu từ chỗ kết thúc tích truyện dân gian: sau khi hồn Trương Ba được sống hợp pháp trong xác hàng thịt, cuộc sống vay mượn trái tự nhiên *bên trong một đằng, bên ngoài một nẻo* đã làm phát sinh những mâu thuẫn giữa hồn và xác. Mâu thuẫn càng phát triển khi linh hồn thanh cao dần bị tha hóa trước sự đòi hỏi, lấn át của thân xác thô phàm – Trương Ba trở nên xa lạ với những người thân trong gia đình, với bạn bè và tự chán ghét, ghê sợ chính mình. Xung đột được đẩy lên tới đỉnh điểm khi Trương Ba không chịu nổi tình cảnh đau khổ, tuyệt vọng đã quyết định khước từ cuộc sống không phải của mình, chấp nhận cái chết vĩnh viễn. Đoạn trích chính là một phần cảnh 7, cảnh cuối cùng của vở kịch, khi xung đột kịch lên đến cao trào và kết thúc bằng cái chết của hồn Trương Ba.

1. Bi kịch sống không phải là mình

Sau những nhầm lẫn và sửa chữa oái oăm của người nhà Trời, để có thể tiếp tục được sống, hồn Trương Ba phải trú nhờ vào thân xác thô kệch của anh hàng thịt – đó là

Như vậy, bắt đầu từ kết thúc có hậu của cốt truyện dân gian Lưu Quang Vũ đã đặt ra những vấn đề lớn lao trong cuộc sống con người: Khi người ta cố gắng sống với bất cứ giá nào, họ có tìm

**Hoàn cảnh
bi kịch**

ngịch cảnh phi lí, trái tự nhiên, là hoàn cảnh trở trêu mà hồn Trương Ba buộc phải chấp nhận, qui phục. Đây cũng là mâu thuẫn lớn nhất của tấn bi kịch mang tên hồn Trương Ba, da hàng thịt.

- Hoàn cảnh bi kịch của Trương Ba với sức mạnh sai khiến ghê gớm, sự cám dỗ khó lòng cưỡng lại của cái dung tục, tầm thường đã được cụ thể hóa trong thân xác của anh hàng thịt.

+ Trước hết, thân xác ấy được miêu tả như một biểu tượng đáng ghê sợ của hoàn cảnh sống dung tục: từ hình đánh kênh càngh thô lỗ tới cái dạ dày đòi hỏi mỗi bữa ăn tám chín bát cơm, từ những ham muốn thấp kém: thèm ăn ngon, thèm rượu thịt... cho đến những dục vọng xấu xa.

+ Đó là xác thịt âm u đui mù nhưng tiếng nói xui khiến của nó lại có sức mạnh ghê gớm, thậm chí có khả năng sai khiến kể cả những linh hồn thanh sạch, cao khiết hơn. Hơn một lần, xác hàng thịt đã khẳng định sự phụ thuộc của hồn Trương Ba đối với nó – *Tôi là cái hoàn cảnh mà ông buộc phải qui phục... ông không tách ra khỏi tôi được đâu... Phải sống hòa thuận với nhau thôi... hai ta đã hòa với nhau làm một rồi*. Quả là, một khi đã chấp nhận cuộc sống vay mượn, chấp vá, cuộc sống không phải của mình vì sự đánh đổi cho một mưu cầu nào đó, con người rất khó thoát ra khỏi sự chi phối nghiệt ngã của hoàn cảnh sống ấy.

thấy hạnh phúc hay không? Con người sẽ ra sao nếu không được sống là chính mình, không được sống trọn vẹn với những phẩm chất giá trị mình vốn có và theo đuổi? Liệu con người có thể giữ cho mình những giá trị tinh thần có quý khi phải chấp nhận sống chung với sự dung tục, có trách được sự tha hóa khi thường xuyên phải thỏa mãn những ham muốn vật chất tầm thường?

Phải sống nhờ vào những yếu tố vật chất bên ngoài, không được sống với con người thực của mình, hoàn toàn phụ thuộc vào hoàn cảnh sống dung tục, bị nó chi phối, sai khiến – đó là một trong những bi kịch đau đớn nhất của con người.

	<p>+ Xác hàng thịt còn ve vãn hồn Trương Ba bằng cái lí lẽ ti tiện nhưng có sức hấp dẫn ghê gớm, cái lí lẽ mà chính hồn Trương Ba có lẽ đã nhiều lần từng âm thầm tự nói với mình, tự an ủi, gột rửa mình cho trong sạch: Trương Ba vẫn sẽ làm mọi việc để thỏa mãn những thèm khát của chính Trương Ba vẫn sẽ làm mọi việc để thỏa mãn những thèm khát của xác thịt, và hình như càng ngày càng là thèm khát của chính Trương Ba, nhưng sau đó cứ việc đổ tội cho thân xác, đó là cách vừa giúp con người thỏa mãn được những đòi hỏi tâm thường của thân xác lại vừa giữ được cảm giác thanh thản cho linh hồn! Theo cách nói của xác hàng thịt, đó là trò chơi tâm hồn, thực chất là phương cách hèn nhát mà con người thường dùng để lừa dối chính mình và cuộc đời!</p>	
<p>Sự tha hóa của con người trong cuộc sống không</p>	<p>Sự tha hóa của Trương Ba trong hoàn cảnh phải sống nhờ vào thân xác người khác đã được Lưu Quang Vũ thể hiện rõ nét qua cuộc đối thoại giữa hồn Trương Ba và xác hàng thịt, qua sự bối rối, khổ sở, bế tắc của hồn Trương Ba và sự đắc thắng bởi những lí lẽ trâng tráo nhưng đầy sức thuyết phục của xác hàng thịt.</p> <p>- Xác thịt đã chỉ rõ sự tha hóa không tránh khỏi của hồn Trương Ba khi Trương Ba phải nhờ vào nó để tồn tại: Nhờ tôi mà ông có thể làm lụng, cuộc xói. Ông nhìn ngắm trời đất, cây cối, những người</p>	<p>Thực chất, khi phải chấp nhận hoàn cảnh trở trêu, nghiệt ngã để tiếp tục duy trì sự sống, Trương Ba không còn được sống theo cách riêng của mình, linh hồn hoàn toàn lệ thuộc vào những yếu tố vật chất của thân xác, tồn tại qua thân xác, cái thân xác không phải của mình. Mà trong sự nhìn nhận, đánh giá của cộng đồng thì nhân cách của một con người bao giờ cũng thể hiện qua lời nói, việc làm, cách hành xử... những việc được thực hiện bằng đôi mắt, bàn tay, tiếng nói của thân xác. Đó là nguyên nhân khiến linh hồn của Trương Ba rơi vào tình trạng bất lực trước sự sai khiến ghê gớm của thân xác âm u dui mù.</p>

<p>phải của mình</p>	<p>thân..., ông cảm nhận thế giới này qua những giác quan của tôi.</p> <p>- Sự tha hóa của Trương Ba đã được thể hiện qua rất nhiều bình diện và diễn ra ở nhiều mức độ.</p> <p>+ Bây giờ, Trương Ba ăn bằng miệng của xác hàng thịt, ham muốn những món tiết canh, cổ hũ, khẩu đũa và đủ thứ thú vị khác theo khẩu vị của xác hàng thịt.</p> <p>+ Tay chân run rẩy, hơi thở nóng rực, cổ nghẹn lại... khi đứng cạnh vợ hàng thịt.</p> <p>+ Người làm vườn khéo léo, nhẹ nhàng ngày xưa, nay trở nên vụng về, thô lỗ, khi ông triết cây cam, bàn tay giết lợn của ông làm gãy tiết cái chồi non, chân ông to bè như cái xẻng, giẫm nát cả cây sâm quý mới ươm... những cử chỉ phũ phàng của ông làm gãy cả nan, rách cả giấy, hỏng mất cái điều đẹp mà cu Tì rất quý...</p>	<p>Tuy nhiên, sự tha hóa của Trương Ba không còn dừng lại trong những hành động phụ thuộc vào xác hàng thịt nữa, ngay cả linh hồn Trương Ba cũng đã thay đổi từ cách sống, cách nghĩ, cách ứng xử, cách dạy con... Trương Ba xưa kia hiền lành nho nhã, hết lòng yêu thương vợ con, sống chân thật ngay thẳng, trong sạch, đôn hậu với nghề làm vườn, nay dần bước vào con đường bán mua lừa lọc, kết thân với giới hào phú, chức sắc, xa lánh bà con hàng xóm.</p> <p>Ông bắt đầu ngụy biện theo cách tính toán của hàng thịt: Phải thay đổi để sống chứ, việc chi tiêu trong nhà càng lúc càng nhiều trong khi cuộc sống càng lúc càng khó khăn.</p>
<p>→ Qua màn đối thoại giữa hồn Trương Ba và xác hàng thịt, có thể thấy Trương Ba có được cuộc sống nhưng là cuộc sống đáng hổ thẹn vì phải sống nhờ vào thân xác thô kệch của anh hàng thịt, bị nó chi phối, đồng hóa thậm chí lôi kéo thỏa hiệp trong cách sống giả dối với mình, với người.</p> <p>→ Bi kịch của Trương Ba chính là lời cảnh báo những tác động tiêu cực của hoàn cảnh sống đối với con người: khi con người phải sống trong sự dung tục thì sớm muộn, cái dung tục cũng sẽ ngự trị, thắng thế, sẽ lấn át và hủy hoại những gì trong sạch, đẹp đẽ, cao quý trong con người.</p>		

Hậu quả đau khổ trước sự tha hóa

Ý thức được sự tha hóa của mình, hồn Trương Ba dằn vặt đau khổ, ông đã cố chối bỏ, chống trả nhưng bất lực. Đặc biệt, khi đối diện với những người Trương Ba yêu thương, những người vốn rất yêu thương Trương Ba trước đây, hồn Trương Ba càng cảm nhận sâu sắc hơn sự đau khổ mình đã gây ra cho họ, cũng thấy hơn tình cảnh tuyệt vọng của mình.

	<p>- Vợ Trương Ba nhận ra: ông đâu còn là ông, đâu còn là ông Trương Ba làm vườn ngày xưa. Người vợ</p>	<p>Với trái tim vị tha nhân hậu của người vợ, bà thấu hiểu nỗi bất hạnh, đau khổ của Trương Ba trong cuộc sống không</p>
--	---	--

<p>Vợ Trương Ba buồn bã đau khổ</p>	<p>hiều rất rõ Trương Ba bây giờ hoàn toàn bị sự sai khiến mạnh mẽ của cái thân xác ông đang phải sống nhờ, và vì thế, Trương Ba không còn khả năng sống với những ý muốn tốt đẹp của người làm vườn chăm chỉ, đôn hậu ngày xưa nữa: ông bảo không được nhưng tôi biết rồi sự thể sẽ cứ dẫn đến như vậy, ông sẽ đành ung chịu như vậy...</p> <p>- Chính Trương Ba cũng ý thức được nỗi đau khổ của vợ, ông nói với người con dâu: thầy đã làm u khổ. Có lẽ cái ngày u chôn xác thầy xuống đất, tưởng thầy đã chết hẳn, u cũng không khổ như bây giờ. Nỗi khổ của người vợ nhân hậu, vị tha khiến Trương Ba công nhận rõ bị kịch không lối thoát của mình.</p>	<p>phải của mình, bà càng đau khổ hơn vì không thể giúp Trương Ba thay đổi hoàn cảnh bế tắc của ông. Tuy nhiên dù thấu hiểu và xót thương, vợ Trương Ba vẫn khó có thể đối diện với người chồng đang ngày càng hòa nhập với thân xác đồ tể nên muốn bỏ đi.</p>
<p>Con dâu Trương Ba thấu hiểu và xót thương</p>	<p>- Con dâu Trương Ba hiểu bây giờ, trong thân xác hàng thịt, Trương Ba khổ hơn xưa nhiều lắm. Chị thương cho tình cảnh sống nhờ, sống vay mượn trái tự nhiên của Trương Ba, càng thương hơn cho sự thay đổi không tránh khỏi của bố chồng: Thầy bảo con: cái bên ngoài là không đáng kể, chỉ có cái bên trong, nhưng thầy ơi... mỗi ngày, thầy một đổi khác dần, mất mát dần, tất cả như lệch lạc, nhòa mờ dần đi...</p> <p>- Bị kịch tha hóa của Trương Ba đã hiện rõ qua cảm nhận của người con dâu: chính con cũng không nhận ra thầy nữa; bị kịch ấy càng đau xót hơn trong ước mong vô vọng của chị: làm sao giữ được thầy ở lại, hiền hậu, vui vẻ, tốt lành như thầy của chúng con xưa kia?</p>	<p>Nỗi lòng chân thành của người con dâu hiểu thảo đã phản ánh chính xác bị kịch của Trương Ba: trong cảm nhận của những người thân yêu, Trương Ba hiền hậu, vui vẻ, tốt lành ngày xưa cứ bị cuốn xa dần, nhòa mờ dần phía sau những biểu hiện thô lỗ, phàm tục của thân xác đồ tể - nơi chứa đựng linh hồn ông.</p>

<p>Cái Gái – cháu nội kiên quyết từ chối</p>	<p>- Quyết liệt và dữ dội nhất chính là thái độ của cái Gái – đứa cháu gái yêu quý của ông nội sâu sắc. Càng yêu quý, nhớ thương ông nội, cái Gái càng trân trọng, nâng niu những kỉ niệm về ông, từ đôi guốc gỗ, bó đóm thuốc lào, nhất là những cây thuốc trong vườn; nó chỉ sống với những kí ức thiêng liêng về người ông chăm chỉ, nhẹ nhàng, khéo léo, gắn bó với vườn cây, người ông nội hiền hậu luôn dành tình cảm trìu mến yêu thương cho nó, cho cu Tị...</p> <p>- Kiên quyết phủ nhận hồn Trương Ba trong thân xác hàng thịt, cái Gái gọi ông là Lão đồ tể - cách gọi cho thấy thái độ rành mạch dứt khoát tới nghiệt ngã của trẻ thơ.</p> <p>- Với cái Gái con người mang thân xác hàng thịt, với bàn tay giết lợn, với bàn chân to bè như cái xèng, với những cử chỉ thô lỗ phũ phàng kia chỉ có thể là lão đồ tể xấu xa, độc ác mà cả nó và cu Tị đều căm ghét.</p>	<p>Tâm hồn trong sáng ngây thơ của nó tuyệt đối không thể chấp nhận những dàn xếp trái tự nhiên của thế giới thần tiên, những thỏa hiệp kì lạ của thế giới người lớn, đặc biệt không chấp nhận nỗi sự tồn tại giả dối, quái gở của cái gọi là hồn Trương Ba – da hàng thịt.</p>
<p>Đứa con trai cũng phủ nhận</p>	<p>Thậm chí, ngay cả đứa con trai thực dụng cũng chẳng còn tôn trọng ông: Cha bây giờ không còn là cha trước đây nữa. Cha tôi hồi đó không bao giờ đánh tôi nên tôi rất kính trọng ông. Cha bây giờ cũng gian dối, đang sống nhờ bằng cái xác ăn cắp của người khác đó thôi...</p>	
<p>→ Những nỗi niềm hoặc buồn bã, đau khổ, hoặc thương xót, bất lực hoặc căm ghét, chối bỏ của người thân đã khẳng định sự tha hóa đáng buồn, đáng thương, cũng đáng sợ, đáng ghét của Trương Ba khi phải sống nhờ vào thân xác hàng thịt, cũng làm đậm thêm nỗi đau khổ tuyệt vọng của một người ý thức sâu sắc bị kịch đánh mất mình.</p>		

Cuộc chiến đấu kiên cường và quyết định dũng cảm để tự giải thoát bi kịch – hành trình đi tìm cái tôi đã mất

Phải để linh hồn trong sạch, cao khiết của mình sống nhờ trong thân xác thô phàm của anh hàng thịt, ý thức sâu sắc mình đang dần bị đồng hóa, hồn Trương Ba ngày càng thấy không thể chấp nhận kiểu sống bên trong một đấng bên ngoài một nẻo, ông thấy chán ghét, ghê sợ cái thân xác không phải của mình: Tôi không muốn sống như thế này mãi – tôi chán cái chỗ ở không phải của tôi này lắm rồi.

<p>Cuộc đấu tranh với thân xác</p>	<p>- Sau cuộc nói chuyện với người thân, Trương Ba đã đứng trước tình huống phải lựa chọn quyết liệt – trong lời độc thoại nội tâm, hồn Trương Ba đã đứng trước tình huống phải lựa chọn quyết liệt – trong lời độc thoại nội tâm:</p> <p>+Hồn Trương Ba đã đi từ sự tuyệt vọng khi cay đắng thừa nhận thất bại của linh hồn trước sự đồng hóa của thân xác: <i>mày đã thắng thế rồi đấy, cái thân xác không phải của tã ợ, mày đã tìm được đủ mọi cách để lấn át tã...</i></p> <p>+Đến sự phản kháng bùng binh: nhưng có lẽ nào tã lại chịu thua mày, khuất phục mày và tự đánh mất mình? thách thức xác hàng thịt: <i>có thật là không còn cách nào khác?</i></p> <p>+ Cuối cùng là lời khẳng định kiên cường: không cần đến cái đời sống do mày mang lại! Không cần!</p> <p>Hướng giải thoát duy nhất giúp Trương Ba thoát bi kịch đã hiện ra qua lời tuyên bố: không cần đến cái đời sống do mày mang lại.</p>	<p>Trong thời gian sống nhờ vào xác hàng thịt, không ít lần hồn Trương Ba đã cố hết sức để có thể sống đúng như con người mình trước đây, nhưng càng cố gắng bao nhiêu thì kết quả dường như lại càng tai hại bấy nhiêu. Bởi khi ấy, hồn Trương Ba vẫn cần trú nhờ vào xác hàng thịt, nghĩa là vẫn cần cái đời sống do xác hàng thịt mang lại, tình cảnh phụ thuộc hoàn toàn khiến sự chi phối, đồng hóa của thân xác với linh hồn là không tránh khỏi.</p>
	<p>- Trong màn đối thoại với Đế Thích, Trương Ba đã tiếp tục phải đấu tranh với những lời thuyết phục, những giải pháp xuất phát từ thiện ý của Đế Thích, đã dần đi đến quyết định cuối cùng, kiên quyết chối từ cuộc sống chấp vá, vay mượn, bên trong một đấng, bên</p>	<p>- Giống như tất cả mọi người trong cuộc đời này, Trương Ba cũng ham sống, ông càng khao khát được sống bên những người ông yêu thương và cũng rất yêu thương ông, nhất là khi cái chết của ông lại do sự lầm lẫn của quan thiên đình, cuộc sống hiện tại</p>

<p>Cuộc đấu tranh với Đế Thích</p>	<p>ngoài một nẻo, ông muốn được sống là mình một cách toàn vẹn.</p> <p>- Trương Ba đã không tìm thấy sự an ủi hay bào chữa cho mình theo thực tế cách sống của số đông khi nghe Đế Thích khẳng định: cả ở dưới đất lẫn trên trời, không phải tất cả mọi người đều được là mình toàn vẹn, không phải bao giờ con người cũng được sống theo những điều mình nghĩ bên trong... nhiều khi người ta cũng phải khuôn ép mình cho xứng với danh vị bên ngoài...</p> <p>- Trương Ba cho rằng sống nhờ vào đồ đạc, của cải người khác đã là chuyện không nên, đằng này đến cái thân tôi cũng phải sống nhờ anh hàng thịt – bất chấp sự thuyết phục của lí thuyết số đông, Trương Ba vẫn không thể chấp nhận nỗi tấn bi kịch của một cuộc sống giả dối, vay mượn đáng xấu hổ.</p> <p>- Ông cũng không chấp nhận việc Đế Thích thay cách sửa sai này bằng một cách sửa sai khác khi đề nghị đề hôn ông nhập vào xác cu Tị. Hình dung ra những phiền toái, rắc rối khi một con người từng trải như Trương Ba phải sống trong thân xác của một đứa trẻ lên mười. Bởi vì làm trẻ con không phải dễ; và nhất là lại tiếp tục một cuộc sống giả tạo không phải của chính mình đề rồi, khi lần lượt những người cùng trang lứa lần lượt nằm xuống, Trương Ba sẽ phải sống bơ vơ lạc lõng giữa đám người hậu sinh tựa như một ông khách ngồi dai ở nhà người ta, những hình dung ấy cùng tình thương với mẹ con cu Tị đã giúp Trương Ba đủ dũng cảm để kiên quyết chối từ những cuộc sống không phải của mình, dù là trong bất cứ giải pháp nào.</p>	<p>của ông là do sự sửa sai của họ, nhưng theo ông, có những cái sai không thể sửa được. Chắp vá gượng ép chỉ càng làm sai thêm.</p> <p>Khi đã trải qua bi kịch hôn Trương Ba, da hàng thịt bi kịch trong cuộc sống không phải của mình, Trương Ba khẳng định chua xót và thâm thúy: sống thế này, còn khổ hơn là cái chết. Với một người nhân hậu như Trương Ba, ông còn day dứt vì sự sống vay mượn giả tạo của mình đã đem đến bao đau khổ cho những người thân, khiến ông không còn đủ tư cách để khuyên con trai mình đi vào con đường ngay thẳng, đã khiến gia đình thân yêu của ông như sắp tan hoang ra cả... Đó là những cái giá quá đắt cho cả Trương Ba và gia đình ông, cái giá mà ông không thể trả dù là cho sự sống quý giá của chính mình!</p>
---	--	--

	<p>- Nghe Đế Thích nói về sự hư vô đáng sợ của cái chết: ra khỏi thân xác, hồn chẳng còn là gì nữa... ông sẽ không còn lại một chút gì nữa, không được tham dự vào bất cứ nỗi vui buồn gì! Rồi đây, ngay cả sự ân hận về quyết định này, ông cũng không có được nữa; Trương Ba vẫn kiên cường đối diện với sự thật khốc liệt bao giờ cũng là đáng sợ với con người, đó là cái chết.</p>	
<p>Giải quyết mâu thuẫn</p>	<p>- Trương Ba đã khẩn cầu tiên Đế Thích cho ông được chết, xóa bỏ sự tồn tại của cái vật quái gở mang tên hồn Trương Ba, da hàng thịt. Đó là quyết định khiến ông cảm thấy mình lại là Trương Ba thật, thấy tâm hồn mình trở lại thanh thản, trong sáng như xưa...</p> <p>- Quyết định dũng cảm, trung thực đã giúp ông có thể tự tin dạy con lời tha thiết cuối cùng: Không thể sống bằng mọi giá đâu con ơi. Sống đảo điên, hèn hạ, không được là chính mình còn tệ hơn cái chết!</p>	<p>Quyết định của Trương Ba cho thấy ông là con người nhân hậu, trung thực và giàu lòng tự trọng, là con người yêu cuộc sống nhưng cũng ý thức sâu sắc được ý nghĩa của cuộc sống đích thực. Đoạn kết của vở kịch như khúc vĩ thanh đầy chất thơ, thanh thoát và sâu lắng đã đem đến âm hưởng lạc quan cho tác phẩm, đó là niềm tin vào sự chiến thắng cuối cùng của cái Đẹp, cái Thiện, của sự sống đích thực. Chấp nhận cái chết, Trương Ba đã tìm lại được sự trong sạch cho linh hồn mình, hóa thân vào các sự vật bình dị, gần gũi, thân thương, tồn tại vĩnh viễn trong kí ức và tình yêu của những người thân. Cuộc sống lại tuần hoàn miên viễn theo quy luật bình dị muôn đời.</p>
<p>Bi kịch của Trương Ba và gia đình ông rất gần gũi với những vấn đề của cuộc sống xã hội thời hiện đại. Tình huống kịch Hồn Trương Ba, da hàng thịt dồn dập, căng thẳng xoay quanh nhiều nhân vật từ thiên thánh trên trời đến người trần nơi hạ giới khiến ý nghĩa tác phẩm được mở rộng và nâng cao</p> <p>Vở kịch đưa đến nhiều tầng ý nghĩa từ phê phán thói làm việc vô trách nhiệm gây hậu quả tai hại; lên án những kẻ chức sắc tham ô, hối lộ, sách nhiễu dân chúng, nhưng quan trọng nhất là những thông điệp sâu sắc:</p> <p>+ Cuộc sống với những thành công, tiền tài, tình yêu ... thật đáng quý, nhưng không thể sống bằng mọi giá.</p> <p>+ Con người sẽ phải trả giá đau đớn nếu bất chấp tất cả để đạt mục đích, để thỏa mãn những ham muốn vị kỉ</p>		

- + Những giá trị tinh thần cao quý sẽ dần bị tha hóa nếu con người phải sống lệ thuộc vào hoàn cảnh sống dung tục bên ngoài
- + Cuộc sống của con người chỉ thực sự hạnh phúc, thực sự có ý nghĩa, có giá trị khi được sống đúng là mình, khi được sống hài hòa giữa linh hồn và thể xác, giữa bản chất thật bên trong và những biểu hiện bên ngoài.

Hệ thống kiến thức bài Sóng – Xuân Quỳnh

Sóng tự bộc bạch những thuộc tính, phẩm chất, trạng thái thật phong phú, đa dạng, phức tạp, khác thường của mình; thậm chí là trái ngược, đối lập nhau

Khổ 1: -Sóng được thể hiện trong những trạng thái thật trái ngược: Dữ dội/Dịu êm – Ôn ào/lặng lẽ. Đây là những biểu hiện thường thấy của những con sóng ngoài biển khơi: lúc biển động phong ba, sóng dữ dội ồn ào; khi trời yên bể lặng, sóng dịu êm, lặng lẽ. Những đối cực ấy nhiều khi thật rõ ràng, có thể dự báo trước nhưng nhiều lúc cũng khó đoán, thất thường và hết sức bất ngờ.

-Tiếp đó, sóng hiện lên thật mạnh mẽ trong hành động vượt thoát khỏi giới hạn chật hẹp và thiếu sự đồng cảm (sông không hiểu nỗi mình) để đến với biển cả bao la, đến với môi trường đích thực của nó

Mượn hình tượng sóng, người phụ nữ đang yêu trong bài thơ đang tự nhận thức về những biến động trong lòng mình, đang chân thành bộc bạch mà không hề giấu giếm những trạng thái tâm lí, tình cảm vừa phong phú vừa phức tạp của một tâm hồn đang khát khao yêu đương: lúc giận dữ, hờn ghen, khi dịu hiền sâu lắng. Tính khí của người con gái trong tình yêu là vậy, nó vốn mang trong mình nhiều đối cực, mâu thuẫn nhưng đó là những mâu thuẫn trong thống nhất bởi tất cả đều là những biểu hiện khác nhau của một trái tim chân thành mãnh liệt.

khi gió to bão lớn thì sóng có thể cồn lên ồn ào, dữ dội, có thể xô lật thuyền. Nhưng khi trời yên gió lặng, thì biển sóng lại lặng lẽ, dịu êm. Đó cũng là những trạng

thái không bao giờ yên định của tâm hồn người phụ nữ đang yêu: dữ dội đấy, rồi lại dịu êm đấy:

“Những đêm trăng hiền từ

Biển như cô gái nhỏ

Thăm thì gửi tâm tư

Quanh mạn thuyền sóng vỗ

Cũng có khi vô cớ

Biển ào ạt xô thuyền

Vì tình yêu muôn thuở

Có bao giờ đứng yên”

(Xuân Quỳnh)

Con sóng là sự vĩnh hằng của biển khơi (xưa cũng vậy và nay cũng vậy), còn tình yêu luôn là sự khát khao bồi hồi của tuổi trẻ.

Cơ bản	Mở rộng
<p>Khổ 2: – Đứng trước biển, Xuân Quỳnh cảm nhận rõ nét cái vĩnh hằng bất diệt của sóng: <i>Ôi con sóng ngày xưa – Và ngày sau vẫn thế</i>. Hàng ngàn, hàng triệu năm qua, những con sóng ngoài biển khơi vẫn cất lên những bài ca bất tử. Nó vẫn là nó, vẫn ru mãi ngàn năm như bản tình ca của biển. Từ ngàn xưa khi chưa có mình, sóng đã xôn xao, còn cào như thế; ngàn năm sau khi ta tan biến vào hư vô, sóng vẫn vỗ về rạo rực thế kia. Cũng như sóng, khát vọng tình yêu mãi mãi là một khao khát cháy bỏng, bồi hồi trong trái tim con người nhất là tuổi trẻ. Bao nhiêu thế kỉ đã qua, con người đã đến với tình yêu, đã sống mà không thể thiếu tình yêu và sẽ còn yêu chừng nào còn tồn tại. Sóng vĩnh hằng giữa vũ trụ, giữa vô thủy vô chung của thời gian và khát vọng tình yêu là giá trị bất diệt trong trái tim con người. Từ trải nghiệm của bản thân, Xuân Quỳnh khẳng định một chân lí: Khát vọng tình yêu là vĩnh viễn. Nó không chỉ thường trực trong tâm hồn con người, đặc biệt là tuổi trẻ, mà còn khiến người ta trẻ lại, tái sinh như con sóng biển ào lên rồi lại tan ra hòa nhập vào biển cả mãi mãi.</p>	<p>Puskin cũng từng xao xuyến khi đứng trước biển: <i>Sóng rì rầm ngoài bãi cát xa xôi</i> <i>Cùng những cánh hải âu trở về trên bến</i> <i>Mà hiểu lòng anh tháng ngày xao xuyến</i> <i>Nhớ theo em dào dạt trong lòng</i></p> <p>Xuân Diệu ông hoàng của thơ tình cũng lấy sóng là biểu tượng cho một tình yêu đam mê và mãnh liệt của người đàn ông: <i>Anh xin làm sóng biếc</i> <i>Hôn mãi cát vàng em</i> <i>Hôn khê thật êm</i> <i>Hôn êm đềm mãi mãi</i> <i>Đã hôn rồi hôn lại</i> <i>Cho đến mãi muôn đời</i> <i>Đến tan cả đất trời</i> <i>Anh mới thôi dào dạt</i></p> <p>Nhà thơ Xuân Diệu cũng đã khái quát cái quy luật ấy:</p>

	<p><i>“Hãy để cho trẻ con nói cái ngon của kẹo</i></p> <p><i>Hãy để tuổi trẻ nói hộ tình yêu”</i></p>
--	---

Tình yêu là một tình cảm lớn lao, thiêng liêng được phát triển theo quy luật chung của đời sống xã hội và quy luật riêng của mỗi tình yêu. Không dễ cắt nghĩa, luôn là những thắc mắc “ Khi nào ta yêu nhau” và rất khó xác định, không theo một quy luật chung nhất

Cơ bản	Mở rộng
<p>Khổ 3, 4: – Xuân Quỳnh đã mượn sóng để cắt nghĩa tình yêu nhưng chị cũng chỉ có thể lí giải: Sóng bắt đầu từ gió. Còn gió bắt đầu từ đâu? Thì Xuân Quỳnh không tự trả lời được. Chị chỉ còn biết thú nhận sự bất lực của mình một cách dễ thương như một cái lắc đầu rất đáng yêu: Em cũng không biết nữa – khi nào ta yêu nhau.</p> <p>Tuy nhiên, chính trong cái thất bại của Xuân Quỳnh khi truy nguyên nguồn gốc bản chất đích thực của tình yêu, người ta lại thấy một định nghĩa rất riêng của chị, một định nghĩa rất Xuân Quỳnh. Với Xuân Quỳnh, tình yêu cũng giống như sóng biển, gió trời làm sao mà hiểu hết được. Nó rộng lớn, thăm sâu như thiên nhiên và cũng khó hiểu bất ngờ như thiên nhiên.</p> <p>– Tình yêu là một trạng thái tâm lí rất đặc biệt trong đời sống tình cảm của con người. Trong tình yêu cũng có lí trí nhưng chủ yếu nó là thế giới của những tình cảm, cảm xúc phong phú phức tạp mà nhiều khi một trí tuệ tinh táo không thể nào cắt nghĩa được. Ở đây, Trái tim có những quy luật riêng mà lí trí không thể hiểu nổi (Pascal). Nếu có thể hiểu nổi và hiểu hết, có lẽ sẽ chẳng còn tình yêu. Bởi như ai đó đã</p>	<p>– Đúng là không thể lí giải được tình yêu. Chẳng phải nhân loại đã tốn quá nhiều giấy mực để định nghĩa về nó mà tới nay vẫn chưa thể khiến ai hài lòng. Nhà thơ Tago Ấn Độ đã từng chiêm nghiệm:</p> <p><i>Nhưng em ơi trái tim anh lại là tình yêu</i></p> <p><i>Nào ai biết chiều sâu và bến bờ của nó</i></p> <p><i>Em là nữ hoàng của vương quốc đó</i></p> <p><i>Nhưng có bao giờ em biết trọn nó đâu</i></p> <p>Đến như ông hoàng của thơ tình – Xuân Diệu cũng phải thốt lên: Làm sao cắt nghĩa được tình yêu? Thì chúng ta mới càng thấy tình yêu vẫn</p>

<p>nói: khi người ta biết rõ mình yêu vì cái gì thì đó cũng là lúc tình yêu ra đi. Chính vì thế, một thoáng ngập ngừng, một chút mơ hồ, băn khoăn không thể tường giải của Xuân Quỳnh: em cũng không biết nữa – khi nào ta yêu nhau mới là tiếng lòng chân thật của một trái tim yêu đích thực. Nó là cái bối rối rất nữ tính và đáng yêu của một tấn chân tình không ham phân tích rạch ròi dấu đòi hỏi nhận thức mãnh liệt.</p>	<p>còn là bí ẩn đầy sức mời gọi.</p> <p>Nhà thơ Nguyễn Đình Thục, một thi sĩ của dòng thơ ca lãng mạn 30 – 45 cũng đã có ý thơ tương tự:</p> <p><i>“Huống hồ yêu tự khi nào</i></p> <p><i>Hôm qua lòng thấy ngọt ngào mới hay”</i></p> <p>Và nữ thi sĩ Đoàn Lê cũng viết về ý thơ này:</p> <p><i>“Tình yêu như hương nhẹ</i></p> <p><i>Đến lúc nào không hay</i></p> <p><i>Hoa tình yêu chợt nở</i></p> <p><i>Hương tình yêu say say”</i></p>
---	---

Nỗi nhớ thương được thể hiện qua âm thanh tiếng sóng vỗ suốt ngày đêm, thao thức không ngủ được. Đó là nỗi nhớ thường trực trong tình yêu.

Cơ bản	Mở rộng
<p>Khổ 5: – Nỗi nhớ trong tình yêu của Xuân Quỳnh không phải là một nỗi nhớ thoáng qua, nhẹ nhàng mà là một nỗi nhớ mãnh liệt. Nỗi nhớ ấy bao trùm cả không gian (Con sóng dưới lòng sâu – Con sóng trên mặt nước), thời gian (Ôi con sóng nhớ bờ – ngày đêm không ngủ được) xâm chiếm tâm hồn con người cả trong cõi vô thức, tiềm thức lẫn ý thức, cả khi tỉnh lẫn khi mơ (lòng em nhớ đến anh – Cả trong mơ còn thức). Đúng là một nỗi nhớ cồn cào, da diết, không thể nào yên, không thể nào nguôi, nó cuộn cuộn, dạt dào như những con sóng</p>	<p>Trong Chinh phụ ngâm nỗi nhớ của người chinh phụ được đo bằng khoảng cách vô biên:</p> <p><i>Nhớ chàng thăm thẳm đường lên bằng trời</i></p> <p>Người thiếu phụ trong thơ Đường khắc khoải:</p>

biển triền miên vô hồi vô hạn. Phải chăng những rung cảm mãnh liệt của một trái tim yêu đã buộc lời thơ phải dài thêm ra (khổ thơ đôi hai câu) để diễn tả cho thỏa cái ngút ngàn của nỗi nhớ và nhịp thơ – hơn bao giờ hết – phải là nhịp sóng, nhịp lòng dào dạt, náo nức của một trái tim đang khao khát yêu đương?

– Trong 4 câu thơ, hình ảnh sóng lặp lại ba lần như một điệp khúc của bản tình ca với những giai điệu da diết, như một ám ảnh thường trực về tình yêu và nỗi nhớ. Ba câu thơ gắn liền với hình ảnh sóng giống như những đợt sóng gối lên nhau, hồi hải vươt tới bờ. Đó cũng là một ẩn dụ nghệ thuật về những đợt sóng lòng đang dâng trào trong tâm hồn người phụ nữ đang yêu. Tuy nhiên điều thú vị là ở chỗ đã là sóng thì bao giờ cũng thức. Sóng không ngủ. Bởi sóng ngủ thì sóng cũng không tồn tại. Vì lý do này mà người ta đã thấy sóng là nhịp đập của biển là trái tim của biển là sự sống của biển. Đối với Xuân Quỳnh chỉ vì sóng nhớ bờ da diết mà sóng không ngủ được. Từ đó thi sĩ liên tưởng đến trái tim người phụ nữ khi yêu. Và thật bất ngờ, thi sĩ khám phá ra chính mình:

Lòng em nhớ đến anh

Cả trong mơ còn thức

Mỗi con người đều sống trong 2 trạng thái: mơ và thức còn nỗi nhớ anh đã xóa nhòa mọi khoảng cách, mọi giới hạn. Nỗi nhớ thao thức trong tâm hồn vượt qua mọi trạng thái. Nỗi nhớ đi từ miền ý thức đến miền vô thức. Nỗi nhớ đã trở thành nhịp sống tình yêu trọn vẹn trong tâm hồn người phụ nữ, nó triền miên da diết như hơi thở. Có thể thấy nhân vật trữ tình của bài thơ đã vừa soi mình vào sóng vừa tự tách ra (em) để cảm nhận hết những cung bậc tình cảm, cảm xúc của tình yêu.

Nhớ chàng như mảnh trăng đầy

*Đêm đêm vàng sáng hao
gầy đêm đêm*

Có nỗi nhớ còn cào trong
thơ Xuân Diệu:

*Anh nhớ tiếng, anh nhớ
hình, anh nhớ ảnh/ Anh nhớ
em, anh nhớ lắm em ơi*

Nguyễn Bính, một thi

sĩ nổi tiếng đa tình cũng đã
từng viết:

*“Nắng mưa là bệnh của
trời*

*Tương tư là bệnh của tôi
yêu nàng”*

Và Xuân Diệu, “người
uống ái tình đập cả môi”,
cũng đã viết

“Uống xong lại khát là tình

*Gặp rồi lại nhớ là mình với
ta”*

Hay

*“Em nhớ anh không chỉ
trong giấc ngủ*

*Em nhớ anh không chỉ lúc
đạo chơi*

*Em nhớ anh không chỉ khi
trăng tỏ*

*Em nhớ anh không chỉ lúc
mưa rơi*

Ôi! Cái nhớ sao mà kì diệu

*Ôi! Cái thương sao khéo
mặn mà*

*Có phải lúc xa nhau ta mới
hiểu*

*Hết lòng người trong mỗi
phút giây qua”*

(Hoàng Thị Minh Khanh)

trong thơ Xuân Quỳnh,
thường mang một nỗi nhớ
cồn cào, khắc khoải như
vậy:

*Những ngày không gặp
nhau*

Biển bạc đầu thương nhớ

*Những ngày không gặp
nhau*

Lòng thuyền đau rạn vỡ

Vẻ đẹp hiện đại: Một tâm hồn phụ nữ vị tha, rộng mở, thoát khỏi cái nhỏ bé, chật chội để đến với những chân trời rộng mở và hướng đến điều vĩnh cửu.

Sóng mang trong mình nó khát vọng và sự lớn lao nếu một khi “sông không hiểu nổi mình”, thì sóng dứt khoát “tìm ra tận bể”, dứt khoát từ giã khuôn khổ chật hẹp để tìm đến chân trời cao rộng của tâm hồn.

Ra tận nơi mênh mông, cao rộng trời nước bao la, nhiều sóng ngầm mà cũng nhiều bão tố của đại dương, con sóng mới thực sự tìm thấy mình, nhận thức được sức mạnh và mọi khát khao của nó. Nhiều khi không tìm được

đường đi, sóng ngậm ngùi, chua chát:

“Làm gì có biển mà đi

Sóng đành chua chất thăm thì cùng sông”

(Lâm Thị Mỹ Dạ)

→ Người phụ nữ khát khao yêu đương đã không còn nhẫn nhục, cam chịu như trước nữa. Nếu Sông không hiểu nỗi mình thì sóng dứt khoát từ bỏ nơi chật hẹp đó để tìm ra tận bể, để đến với cái bao la, khoáng đạt. Khác với người phụ nữ xưa người phụ nữ trong thơ Xuân Quỳnh đã đến với tình yêu một cách đầy tự tin và chủ động. Con người ấy thật minh bạch và quyết liệt trong khát vọng tìm đến một tâm hồn đồng điệu, có thể thấu hiểu, sẽ chia tìm đến một khung trời tình yêu cao cả, bao dung.

Người phụ nữ không bị động mà chủ động tự bạch, tự nhận thức để khao khát dâng hiến:

Lòng em nhớ đến anh

Cả trong mơ còn thức”

Thành thật và cháy bỏng đến nhường ấy, da diết đến nhường ấy! Dù hơi táo bạo, nhưng sự đắm say của khát vọng tình yêu đã trở thành điểm tựa để thơ Xuân Quỳnh cất cánh. Đoạn thơ trên của Xuân Quỳnh vừa là tiếng nói tha thiết cháy bỏng của trái tim người phụ nữ trong nỗi nhớ vừa được viết với thủ pháp nghệ thuật của bàn tay một thi sĩ tài hoa. Nỗi nhớ được thể hiện bằng hình tượng gián tiếp chưa đủ, nó còn được biểu hiện trực tiếp như trái tim không thể kìm nén nổi, tự thốt thành lời

Dù có phấp phỏng trước cái vô tận của thời gian nhưng vẫn vững tin vào sức mạnh của tình yêu:

– Nhà thơ sử dụng cách nói giả định mang theo những dự cảm về con đường còn nhiều trắc trở của tình yêu, dự cảm của 1 trái tim người phụ nữ đa đoan, đa cảm luôn lo âu khắc khoải về hạnh phúc đời thường. Chọn cách nói ngược Dẫu xuôi về phương Bắc (đáng lẽ phải là ngược về phương Bắc) và Dẫu ngược về phương Nam (đáng lẽ là xuôi về phương Nam), Xuân Quỳnh muốn khẳng định: dù cuộc đời có nghịch lí, trái ngang đến mức nào thì em cũng vẫn chỉ hướng về một “phương” duy nhất – *phương anh*. Người phụ nữ hướng về người yêu mình không chỉ bằng trái tim mà bằng cả cảm xúc và lí trí.

– Xuân Quỳnh đã nhắc đến 1 khái niệm ít khi gắn với tình yêu: phương anh. Đất trời rộng lớn có 4 phương 8 hướng còn tâm hồn người phụ nữ đang yêu chỉ có 1 phương. Đó là phương hướng của một tình yêu chung thủy, không bao giờ đổi thay như 1 sự khẳng định cái bất biến giữa vạn biến. Ta thấy được vẻ đẹp của người phụ nữ vừa hiện

đại vừa truyền thống, mãnh liệt và luôn có nhu cầu bộc lộ nhưng vẫn rất thủy chung son sắt.

– Như chưa thỏa mãn với sự khẳng định ấy, nhà thơ còn nhấn mạnh thêm qua hình ảnh sóng: Con nào chẳng tới bờ – Dù muôn vời cách trở. Sóng khát khao tới bờ như em khao khát có anh. Sóng vượt qua mọi trở ngại để tới bờ như em bước qua mọi khó khăn cách trở để cập bến hạnh phúc. Bắt đầu từ một quy luật của tự nhiên để nói đến 1 quy luật của tình yêu dù chẳng bao giờ hết phong ba bão táp, khổ đau luôn song hành với tình yêu nhưng bên bờ tình yêu con người vẫn là hạnh phúc. Những lo lắng rất nữ tính ấy từng khắc khoải thật nhiều trong Thơ xa:

Em lo âu trước xa tấp đường tình

Trái tim đập những điều không thể nói

Em đâu dám nghĩ là vĩnh viễn

Hôm nay yêu mai có thể xa rồi

Tác phẩm được viết khi Xuân Quỳnh đã trải qua những cay đắng của tình yêu, nếm trải những đổ vỡ vậy mà cuối cùng nhà thơ vẫn vẹn nguyên 1 niềm tin và tình yêu. Niềm tin ấy có cội nguồn từ tình yêu tha thiết với cuộc đời với con người.

Khát vọng tình yêu muôn thuở, khẳng định tình yêu là vô biên, là vĩnh cửu, trường tồn mãi với thời gian. Nó mãnh liệt đến mức muốn được hòa sthaan vào những con sóng giữa biển khơi “ Để ngàn năm còn vỗ”.

-Xuân Quỳnh là người nhạy cảm với sự chảy trôi của thời gian. Ý thức về thời gian trong chị thường đi liền với niềm lo âu và khát khao nắm lấy hạnh phúc trong hiện tại. Tuy lúc này thời gian với Xuân Quỳnh dường như còn ở cả phía trước, cuộc đời còn rộng dài nhưng ý thức về sự hữu hạn của đời người và sự mong manh khó bền chặt của hạnh phúc đã hiện ra thành một thoáng âu lo:

Cuộc đời tuy dài thế

Năm tháng vẫn đi qua

Như biển kia dẫu rộng

Mây vẫn bay về xa

Xuân Quỳnh đã không nói ra một cách trực tiếp những chiêm nghiệm của chị nhưng đằng sau những vần thơ về cái vĩnh hằng trường cửu của thiên nhiên, người ta vẫn nhận ra cái hiện thực đối lập: sự hữu hạn, nhỏ bé của đời người, sự ngắn ngủi, mong

manh sương khói của tình yêu. Quy luật nghiệt ngã ấy của cuộc đời con người đã làm nên rất nhiều câu thơ khắc khoải:

Lòng tôi rộng nhưng lượng trời cứ chật

Không cho dài thời trẻ của nhân gian

...

Còn trời đất nhưng chẳng còn tôi mãi

Nên băng khuâng tôi tiếc cả đất trời

– Những dự cảm, lo âu không đem lại một cách ứng xử tiêu cực, bi quan mà trở thành nguồn gốc của những khát vọng trong tâm hồn Xuân Quỳnh. Khát vọng tình yêu mãnh liệt nhưng cách bày tỏ khát vọng đó lại vô cùng giản dị. Xuân Quỳnh đã chọn cho mình một cách ứng xử tích cực và thật đẹp. Chị không chán nản, tuyệt vọng mà trái lại càng khao khát được sống hết mình trong tình yêu. Chị ước muốn được hóa thân thành trăm con sóng nhỏ để vĩnh viễn hóa tình yêu của mình, để cho nó sống mãi với thời gian, nhịp bước cùng năm tháng.

– Hồ Xuân Hương – bà chúa thơ Nôm người phụ nữ truân chuyên trong tình yêu gửi lòng mình vào sắc thắm của miếng trầu:

Có phải duyên nhau thì thấm lại

Đừng xanh như lá bạc như vôi

Xuân Quỳnh đã nổi dãi khát vọng về 1 tình yêu nồng nàn thắm đỏ của người phụ nữ xưa. Không chỉ dừng lại ở những giá trị của hôm qua, người phụ nữ của thời hiện đại ấy mong muốn được trọn đời, được vĩnh hằng sống với biển lớn tình yêu, ao ước được sống trọn vẹn bất tử với tình yêu con người và tình yêu cuộc đời.

Đó cũng là cách để nữ thi sĩ chống lại quy luật khắc nghiệt dành cho cuộc đời của mỗi con người. Nhà thơ muốn tìm đến với tình yêu như là cứu cánh để giải quyết bi kịch giữa khát vọng lớn và cái hữu hạn nhỏ bé của cuộc đời con người. Có lẽ Xuân Quỳnh đã tìm thấy ở biển và sóng những giá trị cao quý của nhân loại nên nhà thơ vẫn muốn được là sóng:

Dẫu vui buồn biển vẫn mênh mông

Vẫn là nơi gặp gỡ triệu dòng sông

(Biển)

Biển của Xuân Diệu dẫu nồng nàn đam mê thì vẫn có ngày thôi dào dạt, còn sóng của Xuân Quỳnh thì ngàn năm vẫn vỗ. Chữ tan ra chưa đủ cường độ sánh với chữ nghiền nát của Xuân Diệu (Cũng có khi ào ạt, Như nghiền nát bờ em) nhưng nó thăm thẳm hơn cái thăm thẳm của hai khát vọng nhập làm một – yêu hết mình, dâng hiến hết mình. Con sóng đàn ông Xuân Diệu mang mãnh lực hưởng thụ. Con sóng Xuân Quỳnh giàu nữ tính ở chỗ nó tìm hạnh phúc không phải ở chỗ hưởng thụ mà là dâng hiến. Hạnh phúc được dâng hiến là vẻ đẹp thánh thiện của phụ nữ trong tình yêu.

Đó là khát vọng được bắt đầu từ thái độ sống, thái độ yêu gắn với sự dâng hiến:

Chỉ riêng điều được sống cùng nhau

Niềm sung sướng với em là lớn nhất

Trái tim nhỏ nằm trong lồng ngực

Giây phút nào tìm chẳng đập vì em.

(Tự hát)

=> hành trình của sóng, của tâm hồn người phụ nữ trong hành trình yêu có sự vận động rất nhất quán dù ý thơ có đôi chỗ có vẻ tự do, tản mạn. Đó là cuộc hành trình mà khởi đầu là sự từ bỏ cái chật chội, nhỏ hẹp để tìm đến với một tình yêu bao la, rộng lớn cuối cùng là khát vọng được sống hết mình trong tình yêu, muốn hóa thân vĩnh viễn thành tình yêu muôn thuở. Mở đầu sóng còn khoảng cách với người; giữa bài – con sóng là cơ để suy tư, song song với người; cuối bài – người tan vào sóng nhập vào sóng đẩy lên đến cao trào.

Trước sau, Xuân Quỳnh vẫn là nhà thơ của những khát vọng tình yêu và hạnh phúc cao đẹp, đáng trân trọng.

Với bài thơ Sóng Xuân Quỳnh vừa là tình nhân vừa là thi sĩ của tình yêu. Mocket nói rất hay rằng: Con bướm phải mất 180 triệu năm mới cất cánh bay lên được, con người cũng phải mất bằng ấy năm mới hết khóc cười và biết chết cho tình yêu. Tình yêu đã trở thành một giá trị văn hóa lớn. Xuân Quỳnh đã trình diễn một giá trị văn hóa như thế, một giá trị đã được chọn lọc qua tâm hồn người phụ nữ Việt Nam đôn hậu. Ở Xuân Quỳnh tình yêu không bao giờ chỉ đơn thuần là tình yêu nó còn tượng trưng cho cái đẹp, cái tốt, cái cao quý của con người tượng trưng cho niềm khao khát được tự hoàn thiện mình.

Hệ thống kiến thức bài Tây Tiến – Quang Dũng
VẼ ĐẸP THIÊN NHIÊN TÂY TIẾN

DỮ DỘI, HÙNG VĨ	THƠ MỘNG TRỮ TÌNH
<p>– Nỗi nhớ: chơi vơi (bâng khuâng miên man). Lòng người đang đã xa Tây Tiến đang sống trong hoài niệm</p> <p>– Sông Mã: nhân chứng lịch sử chứng kiến buồn vui đời lính. Mãnh liệt cuộn trào như bản trường ca của rừng già chảy vào bài thơ như dòng hoài niệm</p> <p>– Các địa danh: Sài Khao, Mường Lát, Mường Hịch, Pha Luông, Mai Châu gọi ra miền rừng núi hùng vĩ, nhưng bản làng heo hút hoang sơ. Thể hiện tình yêu nước</p> <p>– Độc dựng đứng chinh phục ý chí con người:</p> <p>+ Câu thơ như bị bẻ gãy để tạo hình dung độ cao dựng đứng</p> <p>+ ngắt nhịp $\frac{3}{4}$ phân định rạch ròi 2 hướng lên xuống</p> <p>+ từ ngữ khúc khuỷu, thăm thẳm, heo hút: gọi độ cao, độ sâu cảm giác như hút tầm mắt người, không biết đâu là giới hạn cuối cùng</p> <p>+ Vượt lên qua cái khúc khuỷu, thăm thẳm ấy đoàn quân tướng đã ở giữa những đỉnh mây heo hút</p> <p>– Tiếng thác nước gầm thét thị oai sức mạnh hoang sơ bản năng, tiếng gầm</p>	<p>– Không khí hội hè rộn ràng vui vẻ:</p> <p>+ Người lính chiêm ngưỡng say sưa mà đa tình trước vẻ đẹp phương xa xứ lạ</p> <p>+ không gian ngập tràn ánh sáng lấp lánh quyền rũ</p> <p>+ cô gái đẹp từ vóc dáng đến trang phục mềm mại e ấp theo điệu múa tiếng khèn rộn ràng mà tình tứ lên man điệu</p> <p>– Không gian sương khói lãng mạn:</p> <p>+ không gian sông nước rộng lớn, cảnh thừa thớt, thấp thoáng bóng người bóng hoa.</p> <p>+ chiều mộng lung sương, hồn lau phảng phất, người chỉ ẩn hiện một dáng, hoa cũng chỉ thấy một điệu đong đưa...</p> <p>→ Vẽ được cái mộng mơ của cảnh vật, cái hư ảo của hoài niệm, cái tinh tế của tình cảm</p> <p>– Tâm hồn của người lính Tây Tiến:</p> <p>+ Bay bổng ngất ngây trước người và cảnh</p>

của **cọp dữ** và dấu chân ông Ba mươi thấp thoáng đâu đây trong đêm vắng à dữ dội, bí hiểm, man rợ như khúc hòa tấu của chốn oai linh.

– **Tâm hồn của người lính Tây Tiến:**

+ khó khăn gian khổ trên chặng đường hành quân vượt dốc

+ những gương mặt dãi dầu sương gió gục lên súng mũ bỏ quên đời

+ Có ý chí và nghị lực: chinh phục được đỉnh núi lại có 1 phát hiện rất đặc biệt về độ cao (súng ngắm trời) à tếu táo vui đùa

+ Bay bổng lãng mạn: Nhà ai pha luông mưa xa khơi. Câu thơ toàn thanh bằng đối lập với 3 câu thơ mang thanh trắc liên tiếp trước đó à tạo cảm giác nhẹ nhàng bay bổng thư thái như chưa có cuộc vượt dốc đèo nào thực sự trải qua.

+ Nhớ nhung cảm giác thanh bình yên ả của Tây Bắc bởi làn khói lam chiều và mùi hương nếp xôi nồng nàn quyến rũ.

+ Những đêm liên hoan như chất men say làm hồn thơ thăng hoa khiến Tây Tiến trở thành vẻ đẹp của sự mềm mại trữ tình, tha thiết nhớ.

+ tự hỏi lòng mình có nhớ, có thấy bằng khuâng lưu luyến

+ tâm tình con người gửi trong cái xôn xao nổi niềm của hồn lau nẻo bến bờ

à Hoài niệm tinh tế mà sâu nặng, bằng khuâng một tình yêu không nói hết của tác giả

VẺ ĐẸP CỦA TƯỢNG ĐÀI NGƯỜI LÍNH TÂY TIẾN

BI TRẮNG	LÃNG MẠN
<p>– Ngoại hình: gân guốc, lạ hóa (không mọc tóc) do sốt rét rừng, rừng thiêng nước độc, gian khổ thiếu thốn, thuốc men không có, (da xanh màu lá) tiều tụy.</p> <p>Những vắn mang tư thế vô cùng oai phong凛冽 (dữ oai hùng) mang sức mạnh Việt Nam từ ngàn xưa ra trận với chí khí凛冽 vô song</p> <p>– Hi sinh: gục lên súng mũ, bỏ quên đời, áo bào thay chiếu anh về đất. Dọc đường Tây tiến vô vàn những nắm mồ vô danh: rải rác biên cương mồ viễn xứ</p> <p>Áo bào: sang trọng hóa sự hi sinh của lính Tây Tiến kiêu chí làm trai dặm nghìn da ngựa àtrân trọng yêu thương mang cảm hứng lãng mạn, cái nhìn của chủ nghĩa anh hùng cổ điển. Sự hi sinh vô danh thầm lặng nhưng lớn lao và đáng kính phục</p>	<p>– Nội tâm: Đêm mơ Hà Nội dáng kiều thơm: hào hoa Tây Tiến, lãng mạn bay bổng Tây tiến, sức mạnh Tây Tiến.</p> <p>àBên cạnh tinh thần sục sôi chiến đấu vẫn có 1 khoảng trời của tâm tưởng đi về trong mộng ước với dáng hình người đẹp</p> <p>àNhững giấc mơ chấp chới dáng kiều thơm trở thành động lực để giúp người lính vượt qua mọi khó khăn, gian khổ là lời thúc giục họ tiến lên phía trước lại là sợi dây thiêng liêng của niềm tin mang họ vượt qua bom đạn trở về.</p> <p>–Lí tưởng khát vọng lên đường: Chiến trường đi chẳng tiếc đời xanh khát vọng được ra đi được dâng hiến, xả thân mang hào khí của thời đại</p>

ÂM HƯỞNG LÃNG MẠN VÀ BI TRÁNG

LÃNG MẠN	BI TRÁNG
<p>Khái niệm: – Cảm hứng lãng mạn là cảm hứng thể hiện cái “tôi” đầy tình cảm và trí tưởng tượng phong phú, bay bổng.</p> <p>– Bài thơ mang cảm hứng lãng mạn thường tô đậm cái phi thường, cái có khả năng gây ấn tượng mạnh mẽ. Nó thường xuyên sử dụng thủ pháp đối lập.</p> <p>Biểu hiện:</p> <p>– Cả bài thơ là nỗi nhớ nồng nàn của nhân vật trữ tình. Từ “nhớ” được nhắc tới nhiều lần. Hình ảnh trong thơ phần lớn là hình ảnh của kí ức.</p> <p>– Tâm hồn mộng mơ, lãng mạn của người lính Tây Tiến: Say mê ngắm vẻ đẹp thiên nhiên trên đường hành quân, hào hứng tổ chức những đêm lửa trại, giữ trong tim hình ảnh những kiều nữ duyên dáng, thanh lịch chốn Hà thành.</p> <p>– Sử dụng triệt để thủ pháp đối lập: đối hình, đối thanh, đối trong tính cách...</p>	<p>Khái niệm: – Bi tráng là buồn đau mà không bi lụy, vẫn mạnh mẽ, rắn rỏi, gân guốc.</p> <p>Biểu hiện:</p> <p>– Có những hình ảnh được nhắc tới khá nhiều lần như: dốc cao, vực sâu, thú dữ, dịch bệnh... thậm chí ngay cả cái chết. Nói tới cái chết mà không bi lụy, ngược lại còn mang đầy khí phách ngang tàng, hào hùng:</p> <p><i>“Áo bào thay chiếu anh về đất</i></p> <p><i>“Chiến trường đi chẳng tiếc đời xanh”</i></p>

VỢ CHỒNG A PHỦ

Tô Hoài

I. Những căn cứ để hiểu tác phẩm.

- Tô Hoài (1920 - 2014) tên khai sinh là Nguyễn Sen, là người Hà Nội, xuất thân trong một gia đình thợ thủ công. Ông chỉ được học hết bậc Tiểu học rồi phải tự bươn chải, làm nhiều nghề để kiếm sống; gia nhập Hội Văn hóa cứu quốc từ năm 1943. Trong kháng chiến chống Pháp, ông làm báo rồi chuyển sang công tác ở Hội Văn nghệ Việt Nam. Từ năm 1957, ông nhiều năm liền làm Tổng thư kí, Phó tổng thư kí Hội Nhà văn Việt Nam.

- Sự nghiệp văn chương của Tô Hoài khá đa dạng. Ông viết nhiều thể loại: truyện ngắn, tiểu thuyết, hồi kí, tự truyện... Sáng tác của Tô Hoài thiên về diễn tả sự thật đời thường. Tô Hoài có quan niệm nghệ thuật vị nhân sinh độc đáo và có phần quyết liệt *viết văn là một quá trình đấu tranh để nói ra sự thật. Đã là sự thật thì không tầm thường, cho dù phải đập vỡ những thần tượng trong lòng người đọc.* Bộc lộ vốn hiểu biết phong phú, sâu sắc đặc biệt là những nét lạ trong phong tục, tập quán của nhiều vùng khác nhau trên đất nước ta. Văn Tô Hoài hấp dẫn người đọc bởi lối trần thuật hóm hỉnh, sinh động, vốn từ vựng giàu có.

- *Vợ chồng A Phủ* (1952) là một trong ba tác phẩm in trong tập truyện Tây Bắc, tác phẩm được giải nhất, giải thưởng Hội Văn nghệ Việt Nam 1954 – 1955. Tác phẩm là kết quả của chuyến đi cùng bộ đội giải phóng Tây Bắc năm 1952. Đây là chuyến đi thực tế dài tám tháng sống với đồng bào các dân tộc thiểu số từ khu du kích trên núi cao đến những bản làng mới giải phóng của nhà văn. Tô Hoài đã cùng ăn, cùng ở với những người dân Tây Bắc để thấu hiểu những cơ cực và vẻ đẹp tâm hồn của những người dân lao động nghèo nơi đây dưới ách áp bức của thực dân và phong khiên. Sau khi rời xa Tây Bắc, Tô Hoài chia sẻ: *Đất và người miền Tây đã để thương để nhớ cho tôi nhiều quá... Tôi không có tham vọng đi sâu vào văn hóa Mèo. Ý tưởng của tôi là làm hồi sinh nơi con người.*

II. Phân tích tác phẩm

1. Nhân vật Mị.

Mị - Cô gái Mèo mang vẻ đẹp hoàn thiện		
Mị là cô gái xinh đẹp, tài hoa	Cô có tài thổi sáo, thổi đàn môi. <i>Mị uốn chiếc lá trên môi, thổi lá cũng hay như thổi sáo</i> , trai làng ngày đêm thổi sáo đi theo Mị. Những đêm mùa xuân, trai làng đứng nhẵn cả chân vách đầu buồng Mị.	Sức quyến rũ mạnh mẽ của tiếng sáo cho thấy cái tài và cái tình của người thổi sáo. Có lẽ, Mị đã gửi biết bao tình cảm, biết bao khát khao vào tiếng sáo ấy khiến vẻ đẹp

		trong tâm hồn nhạy cảm, trong trái tim thiết tha yêu cuộc sống của cô đã thông qua tiếng sáo mà làm rung động mê đắm lòng người.
Mị là cô gái có tính cách mạnh mẽ, tự chủ	Cũng như nhiều cô gái khác, Mị khát khao yêu và đã có người yêu theo lựa chọn của trái tim mình. Trước món nợ của cha mẹ và ý định bắt Mị về làm dâu gạt nợ của nhà thống lí, Mị tha thiết xin được ở nhà cuốc nương, trồng ngô trả nợ thay cho cha mẹ, Mị khóc xin cha <i>“đừng bán con cho nhà giàu”</i>	Cô muốn tự quyết định số phận của mình mà không chấp nhận biến mình thành thứ hàng hóa gả bán cho nhà giàu.
Mị vốn là cô gái có trái tim vị tha, nhân hậu	Ở nhà với cha mẹ, Mị là người con rất hiếu thảo, nết na, chăm chỉ. Mị tự nguyện làm việc trả nợ thay cho bố mẹ, khi bị bắt về làm dâu gạt nợ cho nhà thống lí, không chịu nổi kiếp sống đầy đọa đầy đau khổ Mị muốn tự giải thoát bằng cái chết.	Vậy mà vì thương bố, sợ làm liên lụy đến bố, Mị lại gạt nước mắt, chấp nhận quay trở về nhà thống lí, chấp nhận sống tiếp cuộc đời nô lệ nhọc nhằn, khổ ải, cuộc sống đáng sợ hơn cả cái chết.

Mị - người đàn bà nô lệ		
Mị không được sống với tình yêu của mình, không được tự quyết định cuộc đời	<p>Vì món nợ của cha mẹ, Mị đã bị bắt về làm con dâu gạt nợ cho nhà thống lí.</p> <p>Mị không dám chết vì sợ làm liên lụy đến cha, cũng không dám nghĩ đến việc thoát ra khỏi kiếp sống trâu ngựa khổ sở vì sự ám ảnh, trói buộc của thần quyền: ta là thân đàn bà, nó đã bắt ta về trình ma nhà nó rồi thì chỉ còn biết đợi ngày rũ xương ở đây.</p>	Bề ngoài, Mị là con dâu nhưng thực chất bên trong thì lại là con nợ. Nếu chỉ là con dâu, có thể Mị còn có một chút vị trí nào đó trong nhà thống lí, nếu chỉ là con nợ, có thể một ngày nào đó Mị còn hi vọng trả xong nợ mà giải thoát, nhưng Mị lại bị cùng lúc hai tròng trói buộc và Mị hiểu rằng cô sẽ phải sống trong thân phận nô lệ khốn khổ của mình cho đến hết đời. Chế độ phong kiến vùng cao với sức mạnh tàn bạo của cường quyền và sự vây bủa độc ác của thần quyền đã đẩy người con gái xinh đẹp hiền

		thảo vào kiếp nô lệ cay đắng, nhục nhã.
Mị bị bóc lột về sức lao động	Cô phải làm việc liên miên, con trâu, con ngựa còn có lúc đứng gãi chân, nhai cỏ, còn Mị và những người đàn bà khác trong nhà thống lí thì vùi mặt vào việc cả đêm, cả ngày.	Cô muốn tự quyết định số phận của mình mà không chấp nhận biến mình thành thứ hàng hóa gả bán cho nhà giàu.
Mị vô cảm về tâm hồn	<p>Trong nhà thống lí, Mị sống cô đơn, thảm lắng trong căn buồng chỉ có một chiếc cửa sổ lỗ vuông bằng bàn tay. Lúc nào trông ra cũng chỉ thấy trăng trắng, không biết là sương hay nắng, không biết là ngày hay đêm.</p> <p>Lúc nào cũng vậy, dù làm gì, ở đâu, Mị cũng cúi mặt, mặt buồn rười rượi. Người ta thường thấy Mị lặng lẽ bên tảng đá, cạnh tàu ngựa nhà thống lí.</p> <p>Không còn mong mỏi, khát khao, mọi suy nghĩ mệt mỏi của Mị chỉ hướng tới cái chết như đoạn đường cuối cùng trong cuộc đời buồn tẻ: người đàn bà đã có chồng ở Hồng Ngài chỉ còn biết cầm roi đi theo đuôi ngựa của chồng cho đến chết. Ta là thân đàn bà, nó đã ta về trình ma nhà nó rồi thì chỉ còn biết đợi ngày rũ xương ở đây. Trong căn buồng lặng lẽ, tăm tối, Mị nghĩ rằng mình cứ chỉ ngồi trong cái lỗ vuông ấy trông ra đến bao giờ chết thì thôi.</p>	<p>Căn phòng ấy như một ngục thấy giam cầm tâm hồn Mị, như một nấm mồ chôn vùi tuổi thanh xuân của Mị.</p> <p>Cuộc sống đau khổ, tủi cực đã lấy đi của Mị tất cả sức sống, niềm vui khiến cô cảm lạnh như một tảng đá, u tối âm trầm như thân phận con ngựa.</p> <p>Đó là những suy nghĩ của một người hầu như không còn sức sống, một người sống như đã chết, sống trong cảm giác chờ đợi sự giải thoát. Những năm tháng sống trong nhà thống lí đã khiến người con gái có ý thức tự chủ mạnh mẽ ngày xưa nay đã không còn sức phản kháng. Cuộc sống của mị lụi lụi như con rùa nuôi nơi xó cửa.</p>

Mị - sức sống tiềm tàng trong đêm tình mùa xuân		
Hồi sinh sức sống	Biểu hiện đầu của sự hồi sinh sức sống trong lòng Mị là chi tiết Mị nghe tiếng sáo vọng lại, thiết tha, bồi hồi. Người đàn bà vô cảm thờ ơ với tất cả, nay không chỉ chú ý lắng nghe	Bằng cách này, cô đã trở về quá khứ, nhớ lại những giai điệu ngọt ngào từ thuở xa xôi, đã bắt đầu mở lòng mình để đón nhận và hòa vào âm thanh nồng nàn của tình yêu gửi trong tiếng sáo.

	<p>tiếng sáo từ xa vọng lại, cô còn hình dung ra bóng người lấp ló đầu núi thổi sáo gọi bạn tình, còn nhận ra sắc thái thiết tha, bồi hồi của tiếng sáo, thậm chí người đã âm thầm cất lời bài hát của người đang thổi.</p>	
<p>Hành động táo bạo</p>	<p>Sau đó, Mị lén lấy rượu ra uống. Cô uống ực từng bát</p> <p>Mị uống rượu và lại nghe <i>văng vẳng tiếng sáo gọi bạn đầu làng</i></p> <p>Mị nhớ về quá khứ, <i>Mị uốn chiếc lá trên môi thổi lá hay như thổi sáo.</i> Mị thấy phơi phới trở lại, <i>lòng đột nhiên vui sướng.</i></p> <p>Mị bất ngờ nhận ra <i>Mị hãy còn trẻ, Mị muốn đi chơi.</i></p> <p>Mị nhớ lại thực tại, bao nhiêu năm nay, A Sử không bao giờ</p>	<p>Cảnh Mị uống rượu được miêu tả thật tinh tế, thể hiện chân thực những biến đổi âm thầm mà dữ dội trong tâm hồn người đàn bà tưởng như đã nguội tắt sức sống. Mị uống như để say, để quên, uống như một người muốn dùng cái men say của rượu để chìm đi những nỗi niềm, khát khao và phần uất ức ngọt bùi cháy trong lòng; uống như muốn mượn cái đắng cay của rượu làm vơi đi những đắng cay trong lòng.</p> <p>Từ văng vẳng không chỉ gọi ra âm thanh tiếng sáo ở xa, đó còn là âm thanh của hoài niệm đưa Mị trở về với tiếng sáo và bài hát của người bạn tình năm xưa, khiến Mị như trở lại với cô gái xinh đẹp tài hoa thuở nào.</p> <p>Người đàn bà tưởng như không còn sợi dây liên hệ với cả hiện tại và quá khứ, không thiết đến tương lai, nay lại sống về ngày trước với biết bao khát vọng tình yêu, khát vọng tuổi trẻ. Áo giáp của quá khứ mãnh liệt tới mức gần như xóa nhòa đi bất hạnh của thực tại.</p> <p>Mị bỗng muốn được đi chơi, được tới những đám chơi, được tới những cuộc vui để hòa mình vào không khí rạo rực của mùa xuân.</p>

	cho Mị đi chơi, mà Mị cũng chẳng thiết đi.	
Nhận thức về thực tại đau khổ	<p>Nhận thức được sự vô lí trong tình trạng hôn nhân của mình khi A Sử với Mị không có lòng với nhau mà vẫn phải ở với nhau.</p> <p>Mị đột nhiên muốn chết, nếu có nắm lá ngón trong tay lúc này Mị sẽ ăn cho chết ngay chứ không thèm nhớ lại nữa</p>	<p>Cái thực tế đau khổ mà cô đã quen, đã thờ ơ chấp nhận nay bỗng trở nên phi lí đến mức không thể chấp nhận.</p> <p>Mị chết để không phải nhớ lại quá khứ và những ước mơ khao khát của mình, nhớ lại chỉ thấy nước mắt ứa ra. Muốn chết là biểu hiện mãnh liệt nhất, dữ dội nhất của sự thức tỉnh lòng ham sống, lòng khát khao hạnh phúc, niềm khát khao ấy tạo ra sự xung đột gay gắt với tình trạng vô nghĩa lí của thực tại. Khi bắt đầu nhận ra nỗi cay đắng, phẫn uất trong lòng mình, cảm thấy không thể tiếp tục chấp nhận kiếp ông tử cực đau đớn, cũng là lúc Mị đã thoát ra khỏi tình trạng lằm lũi vô cảm suốt bao năm nay.</p>
Hành động nổi loạn và bị dập tắt	<p>Mị lấy ống mỡ, xắn một miếng bỏ thêm vào đĩa đèn cho sáng, rồi Mị quần lấy tóc, với cái váy hoa... chuẩn bị đi chơi.</p> <p>Sự hồi sinh của Mị đã bị vùi dập thật độc ác. A Sử trối đứng Mị vào cột nhà bằng sợi dây trối tàn bạo và bằng cả mái tóc thanh xuân của cô, xong hắt tắt đèn, đóng cửa, để Mị đứng trong căn phòng đầy bóng tối.</p>	<p>Đây là những chi tiết cụ thể nhưng chứa đựng những hàm ý rất sâu sắc. Đó vừa là sự thể hiện niềm mong ước được sống một cuộc sống tươi sáng, mới mẻ, đẹp đẽ hơn, vừa là những hành động đấu tranh lạng lẽ, tự phát nhưng thật quyết liệt của Mị với số phận.</p> <p>Cuộc đời một lần nữa đóng lại tấm tối trước mắt cô. Tuy nhiên ảo giác rạo rực về tình yêu và tuổi trẻ vẫn nương theo tiếng sáo <i>rập rờn đưa Mị theo những cuộc chơi, những đám chơi...</i> khiến Mị hầu như không biết mình đang bị trối. Mị quên cả hiện tại và dây trối và căn phòng đầy bóng tối. A Sử chỉ trối được thân xác Mị nhưng đã không kiềm giữ được tâm hồn người con gái nhận ra mình vẫn còn</p>

	<p>Chỉ đến khi Mị vùng bước đi, sợi dây trói thắt vào tay chân đau không cựa được, Mị mới tỉnh lại và trở về với hiện thực phũ phàng, nghiệt ngã.</p>	<p>thanh xuân và khát khao được hưởng tình yêu, hạnh phúc trong tuổi thanh xuân.</p> <p>Trong cảm nhận cay đắng của Mị lúc đó, tiếng sáo tượng trưng cho tình yêu và hạnh phúc đột ngột biến mất, Mị không nghe tiếng sáo nữa. Chỉ còn nghe tiếng chân ngựa đạp vào vách, nhai cỏ, gãi chân là những âm thanh của thực tại, đưa Mị trở về với sự liên tưởng đau đớn bởi kiếp sống không bằng con ngựa của mình.</p>
<p>Dù đã trở lại với thực tiễn tàn nhẫn, suốt đêm mùa xuân ấy, quá khứ vẫn nồng nàn tha thiết trong nỗi nhớ của Mị với hơi rượu tỏa, tiếng sáo rập rờn, tiếng chó sủa xa xa... Mị phải sống trong giằng xé đau đớn giữa khát vọng đã trở lại và cũng đã bị vùi dập tàn nhẫn, nhưng sau đêm hội mùa xuân ấy, có lẽ nó sẽ mãi còn ám ảnh, thao thức trong lòng Mị, dù chỉ mơ hồ, xa thoáng.</p> <p>Sau đêm tình mùa xuân ấy, thái độ và dáng vẻ bên ngoài của Mị dường như lại quay về với con người cũ, nhẩn nhệ và vô cảm. Tuy nhiên sức sống vẫn âm ỉ tiềm tàng đâu đó trong lòng Mị, đó là điều mà thậm chí chính Mị cũng chưa nhận ra. Có lẽ cô vẫn nghĩ lòng mình đã chết hẳn và không thể ngờ rằng sức sống mãnh liệt ấy sẽ trở về với cô trong một đêm đông lạnh lẽo ở Hồng Ngài.</p>		

Mị - sự phản kháng mãnh liệt trong đêm đông cởi trói cho A Phủ		
Sự vô cảm trước nỗi đau của người khác và của chính mình	<p>Hàng đêm, Mị ra <i>sưởi lửa hơ tay</i> ở bếp lửa gần nơi A Phủ bị nhà thống lí bắt trói đứng ở cây cọc ngoài trời.</p> <p>Mị vẫn thản nhiên thổi lửa hơ tay bên cạnh một người sắp chết, thậm chí cô còn nghĩ rằng <i>Nếu A Phủ là cái xác chết đứng đó thì cũng thế thôi.</i></p>	Mị thờ ơ, không đoái hoài đến cảnh một người con trai bị trói, bị đói và rét đang chờ chết ngay bên cạnh mình.
Thương mình	Mị ngẫu nhiên quay sang và nhìn thấy dòng nước mắt lấp lánh bò xuống hai hõm má đã xám đen lại của A Phủ.	Một người con trai khỏe mạnh, cường tráng bây giờ hốc hác thê thảm với hai hõm má đã xám đen khi bị trói đứng chờ chết. Một người con trai ngang tàng, mạnh mẽ bây giờ phải lặng lẽ

	<p>khóc, dòng nước mắt không thể kiềm chế vì quá cay đắng không thể che giấu vì không tự lau đi được.</p> <p>Dòng nước mắt đàn ông lấp lánh trong ánh lửa khiến nỗi thống khổ, sự đau đớn và bất lực cùng cực của con người trở nên hiện hữu sống động.</p> <p>Cảnh tượng ấy làm Mị nhớ lại cảnh mình cũng từng bị trói, cũng từng khóc cay đắng, nước mắt chảy xuống miệng, xuống cổ, không biết lau đi được.</p> <p>Hình dung ra cái chết của mình nếu tiếp tục bị trói như thế; nhớ tới cái chết của những người đàn bà ngày trước ở nhà thống lí, nghĩ đến cái chết của A Phủ sắp tới.</p>	<p>Nỗi đau đớn tủi cực của mình trong quá khứ đã giúp Mị nhận ra nỗi đau đớn, tủi cực của A Phủ đêm nay. Mị cảm nhận nỗi đau của A Phủ bằng nỗi đau của chính mình. Sự đồng cảm đã dẫn dắt cho trái tim vô cảm, thờ ơ của Mị trở về với những đồng cảm đầu tiên.</p>
Thương người	<p>Mị nhận ra tất cả những cái chết ấy đều có nguyên nhân từ sự bạo tàn của cha con nhà thống lí Pá Tra, lòng thương thân thúc dậy lòng thương người, lòng nhân hậu dẫn đến sự căm hờn, phẫn uất: <i>Chúng nó thật độc ác!</i></p> <p>Với bản thân mình, Mị có vẻ như đã cam chịu: <i>ta là thân đàn bà, nó đã bắt ta về trình ma nhà nó rồi thì chỉ còn biết đợi ngày rũ xương ở đây</i>, nhưng trong lòng Mị lại phảng phất nghĩ về sự vô lí trong cái chết của A Phủ: <i>người kia việc gì phải chết.</i></p>	<p>Sau bao nhiêu năm tháng sống trong sự thờ ơ vô cảm, có lẽ đây là lần đầu tiên Mị có những suy nghĩ về người khác, bất bình thay cho người khác.</p> <p>Những từ chết xuất hiện liên tiếp trong tâm trí Mị trở lại với sự kinh hoàng về cái chết, với nỗi phẫn uất về cái chết của những con người hiền lành lương thiện, những con người cùng cảnh ngộ.</p>

	<p>Xúc cảm của trái tim nhân hậu vị tha tiếp tục đậm nét hơn khi Mị nhận ra tình cảnh của A Phủ: <i>chỉ đêm mai là người kia chết, chết đau, chết đói, chết rét, phải chết...</i></p> <p>Nghĩ tới việc nếu A Phủ trốn thoát, Mị phải chết thay, Mị cũng không thấy sợ.</p>	<p>Thúc đẩy hành động của Mị là do cảm giác bất bình, phần uất, do sự thức tỉnh của lòng nhân hậu, thương người, sự đồng cảm với những cảnh ngộ, là sự vùng dậy tự phát đột ngột mà quyết liệt trong sự bức bách khắc nghiệt của hoàn cảnh.</p>
<p>Giải thoát cho A Phủ và tự cứu chính mình</p>	<p>Lòng thương người đã chiến thắng nỗi sợ hãi. Mị đi đến hành động cắt dây mây cởi trói cho A Phủ.</p> <p>Khi gỡ được hết dây trói ở người A Phủ thì Mị cũng hết hoảng, có lẽ lúc ấy lí trí của Mị mới nhận ra tiềm thức đã xui khiến cô làm một việc thật ghê gớm.</p> <p>Tác giả đã miêu tả những hành động của Mị trong những câu văn ngắn cùng những động từ mạnh mẽ, gấp gáp: Mị cũng vụt chạy ra... Mị vẫn băng đi. Mị đuổi kịp... Mị nói, thở...</p> <p>Người đàn bà lặng lẽ, vô hồn, vô cảm ấy đang hồi hã tự cứu mình, người đàn bà câm lặng như tảng đá ấy đã cất lên tiếng nói xin được giải thoát: <i>A Phủ cho tôi đi</i>; người đàn bà hơn một lần muốn chết ấy nay khẩn thiết mong được sống, mong được theo A Phủ bởi nỗi kinh hoàng trước cái chết: <i>ở đây thì chết mất</i></p>	<p>Giải thoát cho A Phủ, Mị cũng đồng thời thoát ra khỏi trạng thái vô cảm, lạnh lẽ, trái tim nhân hậu hồi sinh thì đồng thời khát vọng sống cũng hồi sinh. Mị đã không còn vô cảm với nỗi đau khổ của người khác thì cũng đến lúc không còn vô cảm với nỗi đau khổ của chính mình.</p> <p>Có lẽ sau những phút giây đứng lặng trong bóng tối, nhìn A Phủ lao vụt đi, hình ảnh một con người trên bờ vực thẳm của cái chết đang mạnh mẽ thoát ra khỏi chốn địa ngục trần gian, tìm cho mình sự sống khiến Mị đột ngột hiểu điều mình cần làm ngay bây giờ, ngay lập tức, đó là tự giải thoát đời mình khỏi sự thống trị, đầy ải, trói buộc tàn bạo của cường quyền và thần quyền suốt bao năm qua.</p> <p>Không còn những dòng độc thoại nội tâm, dường như những hành động của Mị nhanh hơn cả lí trí, những hành động chịu sự chi phối của khát vọng sống vốn luôn tồn tại đâu đó trong tiềm thức, khát vọng sống đã đột ngột thức dậy mãnh liệt và bất ngờ trong lòng Mị.</p>

		<p>Khát vọng sống mãnh liệt đã thức tỉnh hoàn toàn như sự thức tỉnh khát vọng tuổi trẻ, tình yêu trong đêm tình mùa xuân và không còn dừng lại ở ảo giác hay khát khao mà đã trở thành những hành động quyết liệt, triệt để chống lại số phận, chống lại vòng cương tỏa độc ác của cha con nhà thông lí, giành lại cho mình quyền được sống, quyền tự do.</p>
<p>Thực chất, quá trình Mị cắt dây trói và chạy theo A Phủ là một quá trình tự nhận thức: nhận thức thực tại xã hội tàn bạo, lạnh lùng. Mị cứu A Phủ, bởi cô thấy sự bất công, phi lí sắp giết chết một con người vô tội, và nhận thức <i>người</i> cũng là để qua đó nhận thức, soi sáng <i>mình</i> cho nên, có thể nói, Mị cắt dây trói cứu A Phủ, cũng là Mị đã tự cắt dây trói buộc cô với nhà thông lí Pá Tra. Điều đó, hoàn toàn đúng với lí luận cũng như thực tiễn thời đại. Dòng đầu tiên của Tuyên ngôn Đảng cộng sản, F. Angghen từng khẳng định: <i>Lịch sử loài người là lịch sử đấu tranh giai cấp. Áp bức, bóc lột của giai cấp thống trị càng nặng nề, sự vùng lên đấu tranh càng: mạnh mẽ.</i></p> <p>Hành động giải phóng (cứu A Phủ và cứu mình) là hành động tự phát, và nó trở thành phát triển tự giác ở đoạn sau của tác phẩm. Nhưng Tô Hoài đã tạo ra được cái khác biệt giữa nhân vật Mị với các nhân vật: Thúy Kiều (<i>Truyện Kiều</i> - Nguyễn Du) hay Vũ Nương (<i>Người con gái Nam Xương</i> - Nguyễn Dữ)... ở chỗ bông hoa xứ Mèo không tìm đến một thế giới ảo tưởng, hoặc một vòng vây đen tối bị kích mới, mà là khát vọng vùng lên tìm một con đường sống với sự đổi thay và tự do triệt để.</p>		

Giới thiệu	Nếu như Hoàng Cầm nhớ tha thiết đất Kinh Bắc với lúa nếp thơm nồng, tranh Đông Hồ gà lợn nét tươi trong. Nếu như Nguyễn Đình Thi mơ màng về Hà Nội với “gió thổi mùa thu hương cốm mới” thì làng Xô Man lại kiêu hãnh và gan góc với “ngọn đồi xà nu cạnh con nước lớn” trong truyện ngắn của Nguyễn Trung Thành.
Tác giả	- Nguyễn Trung Thành là nhà văn gắn bó với Tây Nguyên suốt hai cuộc kháng chiến chống Pháp và chống Mỹ. Chín năm trước khi Rừng xà nu ra đời, Nguyễn Trung Thành đã viết “Đất nước đứng lên”. Viết về hai cuộc kháng chiến chống Pháp và chống Mỹ, tác phẩm của ông đã đề cập tới những vấn đề có tính trọng đại đối với cả dân tộc, xây dựng những tính cách anh hùng tiêu biểu cho nhân dân. Cảm hứng chủ đạo trong các trang viết của Nguyên Ngọc là cảm hứng về quê hương, đất nước và những con người Việt Nam anh hùng.
Tác phẩm	- Tác phẩm ra đời năm 1965 ở khu căn cứ của quân giải phóng ở miền Trung Trung Bộ. Đây là thời điểm diễn ra “cuộc đổ quân đầu tiên của đế quốc Mỹ, ngày bắt đầu cuộc chiến tranh Cục bộ ở miền Nam”. Rừng xà nu được viết trong “những ngày sôi sục, nghiêm trang, nghiêm trọng, lo lắng, quyết liệt, hào hứng, hào hùng: dân tộc ta bước vào cuộc chạm trán mặt còn trực tiếp với đế quốc Mĩ” (Nguyên Ngọc) Vấn đề đặt ra trong truyện ngắn là vấn đề trung tâm của toàn dân tộc lúc đó: con đường duy nhất đúng đó là cầm vũ khí đứng lên đánh đuổi quân xâm lược, giải phóng miền Nam thống nhất nước nhà. Trong một thể tương quan lực lượng chênh lệch vũ khí kĩ thuật, đâu là sức mạnh mang lại thắng lợi cho chúng ta? Truyện ngắn của Nguyễn Trung Thành góp phần tìm ra câu trả lời: chúng nó cầm súng, mình phải cầm giáo. Ý chí quyết đấu là nguồn gốc của sức mạnh. Vì vậy truyện được coi là “Hịch tướng sĩ của thời đại chống Mĩ”.
Rừng xà nu - Khái quát	Trên dòng sông văn học mỗi dáng núi, hàng cây đều biểu trưng cho mỗi dân tộc, mỗi vùng đất cho niềm tự hào khôn nguôi. Chúng ta không thể quên rừng bạch dương chạy tít tắp trong nền văn học Nga đồ sộ. Chúng ta không thể quên những cây anh đào thấp thoáng trong mỗi tâm hồn con người Nhật Bản. Và Việt Nam chúng ta tự hào với những cây tre hiên ngang kiên cường vững bền cùng năm tháng. Xà nu là loài cây họ thông mọc nhiều ở vùng đất đỏ bazan đầy nắng gió Tây Nguyên. Văn học trung đại đã viết không ít về cây thông nhưng đều tập trung khai thác ý nghĩa biểu trưng của cây thông cho những phẩm chất của người quân tử. Bởi lẽ cây thông vẫn xanh tươi ngay cả mùa đông lạnh giá trong khi tất cả các loài cây khác đều rụng lá. Đây là thứ cây tượng trưng cho sự kiên cường, bất khuất, không chịu cúi đầu trước tính theo ngoại cảnh. Truyện ngắn Rừng xà nu cũng khai thác nghĩa biểu trưng của cây thông nhưng không phải là của một cây thông riêng rẽ mà là của một rừng thông, một “tập thể” thông. Tác phẩm hướng tới diễn tả sức sống mạnh mẽ, bất diệt của những con người Tây Nguyên bình dị, không một thể lực bạo tàn nào có thể tiêu diệt được. Nguyễn Trung Thành kể về hồi tháng 5 năm 1962 hành quân từ miền Bắc vào đến khu rừng bát ngát ở phía Tây Thừa Thiên thì gặp cây xà nu. “Tôi say nê cây xà nu từ ngày đó. Ấy là một thứ cây hùng vĩ và cao thượng, man dại và trong sạch, mỗi cây cao vút, vạm vỡ, úa nhựa, tán lá vừa thanh nhã, vừa rắn rỏi mênh mông, tưởng như đã sống tự ngàn đời, còn sống đến ngàn đời sau, từng cây, hàng vạn, hàng triệu cây vô tận. Không khí ở đây thơm lừng. Nệm lá dưới mặt đất ngả lưng êm ru”. Vì thế, khi dự định viết về miền núi đánh giặc, Nguyễn Trung Thành đã gặp cây xà nu trong những dòng đầu tiên: “Rừng xà nu chột đến và lập tức tôi biết tôi đã tạo được không khí, đã có không gian ba chiều. Và cũng đã lập tức nhập được vào không khí và không gian ấy”.
Gián tiếp Cây xà nu gắn bó mật thiết với cuộc sống của người dân	+ Cây xà nu có mặt trong đời sống hằng ngày của người dân làng Xô Man như tự ngàn đời qua: lửa xà nu cháy giàn giết trong mỗi bếp, trong đồng lửa ở nhà ung tập hợp dân làng; khói xà nu xông bằng nửa để Mai và T nú học chữ; khi T nú trở về đơn vị; cụ Mết và Dít đưa anh ra đến rừng xà nu gần con nước lớn... + Cây xà nu tham dự vào những sự kiện trọng đại của dân làng Xô Man: ngọn đuốc xà nu dẫn đường cho cụ Mết và dân làng vào rừng lấy giáo, mác, dùi, rựa đã giấu kĩ chuẩn bị cho cuộc nổi dậy; giặc đốt hai bàn tay T nú bằng giẻ tẩm nhựa xà nu và cũng chính từ cảnh tượng đau thương ấy, dân làng Xô Man đã nổi dậy để rồi đồng lửa xà nu lớn giữa nhà soi rõ xác mười tên lính giặc ngổn ngang. + Cây xà nu gắn với đời sống của người dân làng Xô Man đến mức nó đã thấm sâu vào nếp nghĩ và cảm xúc của họ: ấy là khi T nú cảm nhận về cụ Mết – ngực cụ “căng như một cây xà nu lớn”. Và trong câu chuyện kể với T nú, cụ Mết cũng nói về cây xà nu với tất cả tình cảm yêu thương, gần gũi xen lẫn tự hào: Không có gì mạnh bằng cây xà nu đất ta. Cây xà nu trở thành một phần máu thịt trong đời sống vật chất và tinh thần của mảnh đất này.

<p>Trực tiếp</p> <p>Vẻ đẹp tả thực của cây xà nu</p> <p>Đau thương</p>	<p>+ Những câu văn mở đầu của tác phẩm đã mở ra không khí căng thẳng của đau thương, mất mát: “làng ở trong tầm đại bác của đồn giặc ... Hầu hết đạn đại bác đều rơi vào ngọn đồi xa nu cạnh con nước lớn”. Thiên nhiên trong văn chương Nguyễn Trung Thành không phải là thứ thiên nhiên lãng mạn ta vẫn gặp, đó là thứ thiên nhiên dưới tầm đại bác. Những hình ảnh được Nguyễn Trung Thành xây dựng dựa trên mối tương quan đối lập: làng >< đồn giặc; đồi xa nu >< đạn đại bác. Đó là sự đối lập giữa bình yên và chiến tranh, giữa sự sinh sôi và sức mạnh hủy diệt, giữa sự sống và cái chết. Lời văn bình dị mà đủ sức mở ra không khí căng thẳng, lo âu nhưng vẫn đậm chất bi tráng. Đó là một thứ âm chuẩn, một thứ nhạc nền cho khúc trường ca về đại ngàn Tây Nguyên sẽ được tấu lên ở phần sau.</p> <p>+ Những đau thương vì chiến tranh hiện hình trên từng dáng vẻ xà nu. Có nỗi đau dữ dội: “Cả rừng xà nu, hàng vạn cây không có cây nào không bị thương”; có nỗi đau cắt xé, còn cào của những cây “bị chặt đứt ngang giữa thân mình nhựa ứa ra rồi dần dần bầm lại, đen và đặc quện thành từng cục máu lớn”; Có nỗi đau hóa thành cái chết của những cây non lớn ngang tầm ngực người lại bị đạn đại bác chặt làm đôi.... nằm mười hôm thì cây chết.”. Chỉ bằng 3 câu văn nhưng chúng ta có thể thấy được trước mắt cả một khu rừng xà nu đang phải đối diện với sự tàn phá, hủy diệt và chết chóc. “Một tác phẩm sẽ chết nếu nó miêu tả chỉ để miêu tả, nếu nó không phải là sự thôi thúc mạnh mẽ sẽ mang tính chủ quan của tinh thần thời đại” (M. Gorki). Những vết thương của cây xà nu không chỉ là sự phản quang tội ác của giặc, không chỉ là sự mất mát hoàn toàn. Nguyễn Trung Thành đã miêu tả những cây xà nu không chỉ là loại cây thông thường mà dưới góc độ khác, góc độ như một con người, con người Tây Nguyên gan góc, dũng mãnh, đầy quả cảm. Nó cũng như con người: bị thương và chết đi, nhựa của nó chảy ra “dần dần bầm lại, đen và đặc quện thành từng cục máu lớn”. Đây không phải là một phép so sánh giản đơn mà dường như trong tiềm thức của người nghệ sĩ, cây xà nu gần gũi thân yêu thực sự không phải là vật vô tri vô giác, ông tin đó là một sinh thể, là một con người. Cái tài của Nguyễn Trung Thành chính là ông đã tạo ra được “ảo tưởng giống như thật” (Fêdine) của sự vật được phản ánh. Ông đã truyền sự rung cảm từ con tim chủ quan người nghệ sĩ sang mỗi chúng ta là người tiếp nhận, khiến chúng ta không chỉ yêu mà còn tin vào sức sống cũng như vẻ đẹp rất “người” tiềm ẩn trong mỗi cây xà nu tưởng hết sức thông thuộc, bình dị.</p>
<p>Sức sống</p>	<p>- Tuy nhiên trong tận cùng nỗi đau, rừng xà nu vẫn hiện lên vẻ đẹp hoang sơ hùng vĩ. Vẻ đẹp của hương thơm từ những thân thể xà nu bầm tím vết thương: “ở chỗ vết thương, nhựa ứa ra , tràn trề thơm ngào ngạt”. Vẻ đẹp của ánh sáng đại ngàn: “thứ ánh nắng trong rừng rọi từ trên cao xuống từng luồng lớn thẳng tắp, lóng lánh vô số hạt bụi vàng từ nhựa cây bay ra thơm mỡ màng”. Đẹp ở từng cánh lá “sum sê như những con chim đã đủ lông lao lông vũ”. Vẻ đẹp của rừng xà nu còn ở vóc dáng: ngọn xanh rờn, hình nhọn mũi tên lao thẳng lên bầu trời”. Đó là tư thế sống của một loài cây ham ánh sáng, khát khao tự do.</p> <p>- Rừng xà nu say mê người đọc còn bởi sức sống mãnh liệt, bom đạn kẻ thù không ngăn được sức vươn lên mãnh liệt của xà nu. Nguyễn Trung Thành khiến chúng ta tin tưởng vào sức sống cũng như vẻ đẹp rất người tiềm ẩn trong mỗi cây xà nu. Bất chấp mọi sự tàn phá hủy diệt của chiến tranh, cây xà nu vẫn vươn lên với một sức sống mãnh liệt: Cạnh cây mới ngã gục đã có bốn, năm cây mọc lên, ngọn xanh rờn, hình nhọn tên lao thẳng lên bầu trời. Bản năng sống kì diệu của cây xà nu còn thách thức sức mạnh hủy diệt của chiến tranh: đạn đại bác không giết nổi chúng, những vết thương của chúng chóng lành như trên 1 thân thể cường tráng.” Trải qua bao đau thương, cuối cùng vẫn là rừng xà nu, đất xà nu nối tiếp nhau chạy tới chân trời, tiếp tục ưỡn tấm ngực lớn của mình ra để che chở cho buôn làng.</p> <p>+ Khép lại đoạn văn và cũng là toàn tác phẩm là một câu văn đầy sức gợi: “Đứng trên đồi xa nu trông ra xa, đến hết tầm mắt cũng không thấy gì khác ngoài những đồi xà nu nối tiếp tới chân trời” không phải ngẫu nhiên mà nhà văn Nguyễn Trung Thành sử dụng câu văn này hai lần. Rừng xà nu dường như đã lớn lên đến sức sống căng tràn nhất, trải dài khắp nẻo đường. Ta như cảm giác cánh tay rừng xà nu đang vươn dài ôm lấy làng Xô Man vào lòng ngực lớn của mình, yêu thương, che chở và bảo vệ. Sức mạnh của khu rừng, của làng Xô Man và của cả một chút gì bí ẩn, hoang sơ gợi sự khát khao, kiếm tìm với người biết yêu thương và sự đe dọa dữ dội đối với kẻ thù xâm lược.</p> <p>→ Cảm hứng về sức sống bất diệt của đại ngàn tạo nên những câu văn vừa hào hùng vừa tráng lệ lãng mạn. Rừng xà nu như 1 khúc vĩ thanh xa mờ mà bất tận trong bản trường ca bi tráng về Tây Nguyên. Người Tây Nguyên tự hào biết bao về loài cây ấy: “không có cây gì mạnh bằng cây xà nu đất ta. Cây mẹ ngã, cây con mọc lên. Đố nó giết hết rừng xà nu này!”. Ta chợt nhớ đến một câu thơ của Tố Hữu:</p> <p><i>Lớp cha trước lớp con sau, Đã thành đồng chí chung câu quân hành</i></p>

<p>Ý nghĩa tượng trưng</p>	<p>+ Sự đau thương của xà nu có gì đó rất giống với sự đau thương của dân làng Xô Man. Cộng đồng nhỏ bé này đã chứng kiến biết bao người phải ngã xuống: bà Nhan bị chặt đầu, cột tóc treo đầu súng, anh Xút bị treo cổ trên cây vả đầu làng, anh Quyết hy sinh, vợ con Tnú bị tra tấn đến chết, Tnú bị giặc đốt mười đầu ngón tay... + Hình ảnh rừng xà nu tầng tầng lớp lớp kế tiếp nhau lớn lên trong bom đạn kẻ thù cũng là hình ảnh của làng Xô Man từ thế hệ này sang thế hệ khác, nối tiếp nhau đứng lên giữ gìn xứ sở và truyền thống của dân tộc mình. Lịch sử làng Xô Man là lịch sử của những chuỗi ngày đau thương mà anh dũng. Người này ngã xuống, người khác kế tiếp.</p> <p>+ Cây xà nu bất chấp bom đạn cũng như con người Tây Nguyên kiên cường, dũng cảm không khuất phục trước kẻ thù: Tnú, Mai, Dít tiếp nhau đi nuôi cán bộ...</p> <p>Cũng giống như những cánh rừng quê hương như những con người Việt Nam vẫn ý thức được rằng: <i>Giờ nào chia được dòng Bến Hải/ Lửa nào thiêu được dãy Trường Sơn</i> <i>Cầm hờn lại giục cầm hờn/ Máu kêu trả máu đầu van trả đầu</i></p> <p>Cây xà nu ham ánh sáng cũng như con người Xô Man ham ánh sáng cách mạng “đảng còn núi nước này còn”...Ánh sáng của niềm tin đã soi đường chỉ lối cho những bước chân đến với cách mạng. Cứ như thế người dân Tây Nguyên đã thay nhau giữ vững ngọn lửa truyền thống, thay nhau giữ vững ý chí đánh giặc kiên cường để giữ làng giữ nước.</p>
<p>T nú</p> <p>Khái quát</p>	<p>- Trong tác phẩm Rừng xà nu, NTT đã xây dựng được một tập thể nhân vật anh hùng. Những nhân vật có đời tư nhưng không được quan sát từ cái nhìn đời tư vì tác giả xuất phát từ vấn đề cộng đồng mà phản ánh đời tư. Họ đại diện cho các thế hệ khác nhau của cộng đồng. Cụ Mết đại diện thế hệ cách mạng từ thời chống thực dân Pháp, đồng thời cũng là người truyền lại cho thế hệ sau truyền thống lịch sử của làng, của cộng đồng, anh Quyết người của đảng, người đi đầu trong phong trào đồng khởi. Tnú, Mai tiêu biểu cho một thế hệ thanh niên giác ngộ lý tưởng của đảng, Dít, Heng là hình ảnh các thế hệ cách mạng lớn lên nhanh chóng tiếp nối thế hệ cha anh. Tính cách số phận và con đường đi của các nhân vật này đều mang ý nghĩa đại diện cho cộng đồng, cho nhân dân, số phận mỗi cá nhân thống nhất với cộng đồng.</p> <p>- “Ông già, bà già thì biết rồi. Thanh niên có đứa biết có đứa chưa biết rõ. Còn lũ con nít thì chưa biết(...) đêm nay tau sẽ kể chuyện nó cho cả làng nghe...” cụ Mết thường bắt đầu những lần kể về Tnú bằng những lời như thế. Tnú đã thành một anh hùng, một huyền thoại của buôn làng, con người Tnú đã hoà đồng với núi non Tây Nguyên. Cuộc đời T nú như 1 câu xà nu đã trưởng thành giữa đại ngàn: đạn đại bác không giết nổi chúng, những vết thương của chúng chóng lành như trên một thân thể cường tráng.</p>
<p>- Thuở nhỏ gan góc, táo bạo, dũng cảm mưu trí.</p>	<p>+ Tnú sớm mồ côi cha mẹ, lớn lên bằng tình yêu thương, bao bọc của buôn làng dưới những tán xà nu. Cũng như bao con người khác của núi rừng Tây nguyên, ngay từ nhỏ Tnú đã có phẩm chất của một chiến sĩ dũng cảm. Tnú được sống gần anh Quyết một cán bộ cách mạng đó là điều kiện có ý nghĩa định hướng cho cuộc đời cách mạng của T nú. Chính điều đó đã khiến nú có ý thức rèn luyện, phấn đấu để đạt được lí tưởng ước mơ của mình là thay anh Quyết làm cán bộ lãnh đạo phong trào cách mạng ở địa phương.</p> <p>+ Ở chàng trai của núi rừng Tây Nguyên này còn hội tụ những phẩm chất để trở thành người anh hùng trong thời đại cách mạng. Đúng như lời cụ Mết từng nói: Đời nó khô nhưng bụng nó sạch như nước suối làng ta. Khi giặc khủng bố gắt gao, cán bộ Quyết phải dạt vào rừng. Bà Nhan, anh Xút đi tiếp tế bị giết thế nhưng Tnú và Mai vẫn hăng hái vào rừng tiếp tế, làm liên lạc cho anh Quyết. Học chữ thua Mai thì Tnú bỏ ra suối và tự trừng phạt mình bằng cách cầm 1 hòn đá đập vào đầu, chảy máu ròng ròng. Đảng sau hành động trẻ con bông bột ấy là một cá tính quyết liệt, mạnh mẽ rất đặc trưng của người Tây Nguyên.</p> <p>+ Học chữ thì Tnú hay quên nhưng đi đường thì đầu sáng lạ lùng. Chú bé Tnú dũng cảm và mưu trí là người liên lạc đắc lực cho anh Quyết. Khi đi rừng, T nú không bao giờ đi đường mòn ... khi đi qua suối nó chọn chỗ nước chảy xiết vì qua chỗ nước êm thẳng Mĩ Diệm hay phục, qua chỗ nước mạnh nó không ngờ. Đi liên lạc bị giặc bắt, anh kịp nuốt bức thư để phi tang. Mỗi lần bọn giặc hỏi ...cứ như vậy máu trên lưng Tnú thấm đẫm , đặc quện như nhựa xà nu. Từ nhân vật Tnú chúng ta cảm nhận được một tấm lòng trung thành, tận tụy với cách mạng rất cảm động ở chú bé Tây Nguyên, phải chăng đó cũng là tấm lòng của người Tây Nguyên dành cho Cách mạng.</p>
<p>- Tnú mang theo</p>	<p>+ Trái tim vời vợi yêu thương và tinh thần kiên dũng ấy lại được soi đường bởi ngọn đuốc của Đảng. Cũng như đồng bào mình, Tnú yêu và tin vào cách mạng vào Đảng bằng một niềm tin son sắt. Thuở nhỏ, nghe lời anh Quyết, người của Đảng, cậu bé T nú ấy từng quyết tâm học chữ để làm cách mạng, cậu đi tiếp tế cho</p>

lòng trung thành tuyệt đối với cách mạng	<p>cán bộ, cùng dân làng nuôi dưỡng cán bộ. Lớn lên ột chút trở thành một liên lạc viên lanh lợi thông minh. Con người đó hết sức trung thành với cách mạng: bị giặc bắt, tra hỏi: cộng sản đâu? Tnú chỉ vào bụng mình: ở trong này. Chàng dũng sĩ Tây Nguyên ấy đã đi đúng đường. Niềm tin sắt son vào Đảng, vào cách mạng đã dẫn dắt Tnú từng bước trưởng thành để rồi một ngày kia anh thực sự hòa mình vào dòng thác cách mạng, trở thành bộ đội chủ lực của lực lượng giải phóng quân miền Nam.</p> <p>+ Tham gia lực lượng vũ trang, nhớ nhà, nhớ quê hương nhưng khi được phép của cấp trên mới về thăm. Bã rừng lội suối vất vả nhưng chỉ ở nhà một đêm theo đúng quy định.</p>
Tnú là người tình nghĩa với buôn làng.	<p>+ Anh lớn lên trong sự mưu m ang đùm bọc của buôn làng, anh gắn bó với mảnh đất quê hương, yêu tha thiết những cánh rừng xà nu. Xa quê hương anh không thể k nhớ buôn làng, nhớ tiếng chày giã gạo, nhớ máng nước đầu làng. Mặc dù đã tắm ở xuôi rồi nhưng khi cụ Mết dẫn ra máng nước đầu làng, Tnú vẫn xúc động để cho vôi nước của làng gội lên khắp người như ngày trước. Anh vẫn muốn tận hưởng niềm hạnh phúc thật riêng mà chỉ ở quê hương mới có được. Xa quê anh luôn cố gắng phấn đấu để xứng đáng với người dân Strá, anh trở thành tấm gương sáng để cụ Mết giáo dục con cháu.</p>
	<p>* Bi kịch khi chưa cầm vũ khí:</p> <p>+ Khi lớn lên, chính Cách mạng đã hun đúc ý chí và nghị lực phi thường cho Tnú. Kể từ đó Tnú trở thành người anh hùng của buôn làng. Cuộc đời của Tnú được cụ Mết kể giữa nhà ung, quanh đống lửa lớn. Đó là câu chuyện của một đời người được kể trong một đêm. Cái đêm dài như cả 1 cuộc đời. Câu chuyện của Tnú được kể bên bếp lửa nhà rông như chuyện của những chàng Đăm Săn, Xinh nhấ kiêu hãnh, can trường trong các khúc trường ca Tây Nguyên.</p> <p>Trong một lần đi liên lạc, Tnú bị giặc bắt, bị tra tấn, giam giữ trong tù ngục. Tnú ở tù 3 năm sau đó anh vượt ngục để trở về với cội nguồn của đời mình, trở thành một chàng trai rắn chắc và đẹp đẽ như chàng dũng sĩ trong truyền thuyết như cây xà nu cường tráng nhất của đại ngàn. Tnú thay anh Quyết gây dựng ngọn lửa cách mạng ở quê hương. Chàng trai anh hùng ấy đã có mối tình lãng mạn với Mai – cô gái xinh đẹp dịu dàng. Tình yêu và hạnh phúc giữa Tnú và Mai bình dị, tự nhiên như chính cuộc sống vốn có của họ. Rồi họ có một gia đình với một cậu con trai. Tưởng như cuộc đời đã mỉm cười với Tnú, hạnh phúc đã ở trong tầm tay.</p> <p>+ Nhưng cơn ác mộng mang bóng hình thằng Dục đã cướp đi của Tnú tất cả. Chúng bắt vợ con anh để buộc anh phải lộ diện. Cả Mai và con phải chết dưới gậy sắt kẻ thù. Anh là người chồng, người cha đầy trách nhiệm. Tình yêu và hạnh phúc giữa Tnú và Mai bình dị, tự nhiên như chính cuộc sống vốn có của họ. chứng kiến cảnh giặc tra tấn... lúc đó súng đạn của bọn giặc, sự sống chết của bản thân không thể cản nổi bước chân của tình yêu thương và trách nhiệm. Tnú đã lao vào bọn giặc nhưng cũng không vợ con. Tnú không cứu được mẹ con Mai” cụ Mết nhiều lần nhắc lại câu nói đó như một điệp khúc đau thương nhắc nhở người hôm nay phải nhớ mãi nỗi đau thương của quá khứ.</p> <p>* Chân lý của thời đại:</p> <p>+ Giặc dùng giẻ tằm nhựa xà nu để đốt mười đầu ngón tay của Tnú. Chúng định dùng chính ngọn lửa quê hương để thiêu rụi ý chí đấu tranh của người con quê hương, muốn tiêu diệt khát vọng cầm súng của người dân Xô Man. Nhưng chúng đã vô tình thắp lên ngọn lửa đồng khởi, ngọn lửa đấu tranh của dân làng Xô man. Một ngón, hai ngón rồi ba bốn ngón của Tnú bốc cháy. Không gì đượm bằng lửa Xà nu. Mười ngón tay của Tnú nhanh chóng thành mười ngọn đuốc sống. Mười ngón tay đã trở thành mười ngọn đuốc. Ngọn đuốc của nỗi đau, ngọn đuốc của trái tim sôi sục căm hờn, ngọn đuốc của ý chí kiên cường và lòng quả cảm vô song. Trong một đêm, Tnú đã phải chịu sự tra tấn kinh hoàng về tinh thần và nỗi đau đọa về thể xác. Đó là bi kịch thương đau nhất mà một con người có thể phải trải qua. Khi bị địch bắt trói chuẩn bị tra tấn, anh vẫn nghĩ cho cách mạng. Kẻ thù đốt mười đầu ngón tay, ngọn lửa như thiêu đốt ruột gan nhưng Tnú quyết không kêu nửa lời, anh luôn tâm niệm lời anh quyết dạy “người cộng sản không kêu van” lòng trung thành của Tnú giống như lòng trung thành của cụ Mết “đảng còn núi nước này còn”. Tnú có thừa lòng dũng cảm, tình yêu thương và sức mạnh thể chất nhưng anh không bảo vệ được hạnh phúc của mình vì chỉ có 2 bàn tay trắng. Nhưng có một sự cộng hưởng tuyệt vời trong Tnú : con người Tây Nguyên gan góc kiên cường như cây xà nu bất diệt và con người cộng sản kiên trung như thép. Sự hội tụ đó không chỉ làm nên sức mạnh không gì quật ngã được mà còn có khả năng thức tỉnh và dẫn đường.</p>

	<p>- Tnú không thèm kêu van nhưng Tnú đã hét lên một tiếng "Giết". Tiếng hét ấy làm rung chuyển núi rừng, làm lay động tâm can con người. Và cộng hưởng cùng tiếng hét ấy là tiếng chân người chạy rầm rập trên nhà Ưng, tiếng cộ Mết ồ ồ "Chém! Chém hết, Giết, giết hết!". Tiếng hét căm hơn, phần uất bật lên từ lồng ngực Tnú đã làm thức dậy sức mạnh quật khởi của đồng bào. Khi chúng ta cầm giáo đứng lên chống lại súng đạn của kẻ thù thì mọi thứ sẽ thay đổi. Khi đó, lửa xà nu sẽ tắt trên tay Tnú. Lửa xà nu chỉ còn soi xác giặc chết ngổn ngang. Nhựa xà nu cháy lên, để hoà cùng tiếng chiêng làm thành cảnh tượng hùng tráng của núi rừng trong đêm khởi nghĩa.</p> <p>+ Ở một góc độ nào đó, hình ảnh của Tnú với mười ngón đuốc trên mười đầu ngón tay cùng tiếng hét dữ dội khiến chúng ta liên tưởng đến vàng ngực bị xé toang và trái tim cháy sáng như vàng thối dương của chàng Đankô (Trái tim Đankô – Macxim Gorki) từng dẫn đoàn người vượt qua khu rừng tăm tối đến thảo nguyên bao la, chói lòa ánh nắng. Cuộc đời Tnú đã trở thành ngọn đuốc sáng hội tụ cùng muôn ngọn đuốc khác thấp sáng cả buôn làng Xô Man, thấp sáng cả núi rừng Tây Nguyên đưa họ từ chết chóc, hủy diệt đến một trang đời mới, tự do và no ấm.</p> <p>Trong câu chuyện bi tráng về cuộc đời Tnú, hơn một lần cụ Mết nhắc đi nhắc lại việc Tnú không cứu được vợ con: Nếu chỉ có hai bàn tay trắng thì chẳng những Tnú không cứu được mình, cứu được vợ con mà dân làng Xô Man cũng không thể cứu được Tnú không thể cứu được chính buôn làng mình. Từ đó ông cụ muốn con cháu khắc ghi một chân lý: “chúng nó đã cầm súng, mình phải cầm giáo”. Tức là phải dùng bạo lực cách mạng để chống lại bạo lực phản cách mạng. Nhân dân Tây Nguyên, trong đó có làng Xô Man, muốn thoát khỏi sự đè nén, áp bức của kẻ thù, muốn được tự do thì chỉ có con đường duy nhất là đấu tranh vũ trang.</p>
Ý nghĩa bàn tay Tnú	<p>+ Thoạt đầu, đây là hai bàn tay lúc còn lành lặn đó là đôi bàn tay trung thực, nghĩa tình. Đôi bàn tay chú bé mồ côi nắm lấy tay cô bé Mai chầm chỉ chặt củi, xách nước, lên rẫy trồng tía, xách xà lét giấu gạo đi nuôi cán bộ Quyết. Đôi bàn tay Tnú cầm viên phấn trắng lấy từ núi Ngọc Linh về tập viết chữ, mở dần cánh cửa cuộc đời để đến với cách mạng. Và cũng chính đôi bàn tay bé nhỏ ấy đã dũng cảm mang công văn đi làm liên lạc vì căm thù thằng giặc vô ngần. Bọn giặc bắt được Tnú, tra tấn dã man, hỏi cộng sản ở đâu, Tnú đặt tay lên bụng mình và nói: “Ở đây này”. Bàn tay Tnú chỉ rõ và khẳng định lý tưởng cách mạng không ở đâu xa mà ở ngay trong tâm hồn mình.</p> <p>+ Bàn tay Tnú còn là bàn tay của sự yêu thương. Tnú yêu Mai – cô bạn thuở thiếu thời. Bàn tay ấy cũng đã được Mai nắm chặt mà khóc những giọt nước mắt nóng bỏng yêu thương, đồng cảm khi Tnú vượt ngục trở về. Những tưởng hạnh phúc ấy sẽ mãi mãi tròn đầy. Vậy mà...bọn giặc lại nhẫn tâm phá tan đi niềm hạnh phúc đơn sơ ấy! Không bắt được Tnú, chúng bắt Dít rồi tới mẹ con Mai tra tấn dã man bằng gậy sắt hòng để anh ra mặt. “Trận mưa cây sắt mỗi lúc một dồn dập. Không nghe thấy tiếng hét của Mai nữa. Chỉ nghe đứa bé khóc ré lên một tiếng rồi im bặt”. Lửa hận dâng lên ngút ngàn, đốt cháy tâm can Tnú, truyền từ đôi tay lên đôi mắt “ở chỗ hai con mắt anh bây giờ là hai cục lửa lớn”. Mỗi ngón tay anh như nóng bỏng lên bởi tình thương, nỗi lo và sự căm hờn. “Hai cánh tay như hai cánh lim chắc của anh ôm chặt lấy mẹ con Mai”. Mười ngón tay nóng bỏng lửa căm thù, thương xót đã truyền sức mạnh vào hai cánh tay. Nhưng mà “Tnú chỉ có tay không giữa quân thù đầy vũ khí. Và khi chỉ có tay không thì Tnú cũng không cứu được chính đời mình, không bảo vệ được sự sống và tình yêu, không bảo vệ được hồn máu của đời anh”</p> <p>+ Bàn tay báo thù, bàn tay hồi sinh: Mẹ con Mai chết còn Tnú thì bị giặc bắt tra tấn. Bọn thằng Dục tàn nhẫn tẩm thứ dầu xà nu của quê hương anh vào giẻ rồi quấn giẻ lên mười đầu ngón tay anh. Ngọn lửa của âm mưu thâm độc, của tội ác dã man đã không đốt cháy được chất vàng mười trung thành, bất khuất của người chiến sĩ trẻ tuổi Tây Nguyên. Hai bàn tay đuốc lửa của Tnú đã chầm ngời cho phong trào Đồng khởi của dân làng Xô Man vùng lên tiêu diệt bọn giặc tàn ác và trở thành biểu tượng của khí phách Việt Nam trong công cuộc kháng chiến chống ngoại xâm thời đại ngày nay:</p> <p><i>“Chúng muốn đốt ta thành tro bụi/ Ta hóa vàng nhân phẩm, lương tâm/ Chúng muốn ta bán mình ô nhục./ Ta làm sen thơm ngát giữa đầm....”</i> (“Việt Nam máu và hoa” – Tố Hữu)</p> <p>Bàn tay lành lại, mỗi ngón tay cụt một đốt, trở thành chứng tích của tội ác chiến tranh mà Tnú mang theo suốt cả cuộc đời. Đôi bàn tay với ngón tay chỉ còn lại hai đốt vẫn có thể cầm giáo, cầm súng để Tnú lên đường chiến đấu. “Chúng nó đã cầm súng, mình phải cầm giáo!”, chân lý này giúp người ta ý thức được tầm quan trọng của vũ khí, không thể không cầm vũ khí, nhưng cũng không nên ỷ lại vào vũ khí, cái quyết định cuối cùng vẫn là đôi bàn tay con người. Chính vì thế, Nguyễn Trung Thành đã cảnh thận kẻ thêm chi tiết Tnú dùng hai bàn tay không, cụt đốt, đôi bàn tay quả báo để xiết cổ tất cả những thằng Dục tàn ác hơn cả dã thú. Có thể nói, bàn tay Tnú biểu</p>

Nhận xét:	<p>tượng cho sức mạnh của khối đoàn kết cộng đồng, sự gắn bó mạch sống của mảnh đất, rừng cây và sức sống con người. Đó là đôi bàn tay huyền thoại, vô địch trước sức mạnh của mọi kẻ thù.</p> <p>- Tnú đã kể tục về vang truyền thống đấu tranh anh hùng bất khuất chống ngoại xâm của dân tộc Việt Nam. Lòng căm thù của Tnú mang đậm chất Tây Nguyên. Tnú mang trong mình 3 mối thù: thù của bản thân: Mười đầu ngón tay bị đốt là chứng tích tội ác của giặc mà Tnú sẽ mang theo suốt đời. Thù của gia đình: Vợ con anh chết thảm khốc dưới cây gậy sắt của giặc. Thù của buôn làng: Tnú không bao giờ quên hình ảnh những cánh rừng xà nu bị tàn phá, những người dân vô tội bị sát hại.</p> <p>Cuộc đời và phẩm cách của anh đã trở thành một bản trường ca bi tráng cất lên giữa núi Ngọc Linh và cuộn xoáy thách ghèn của dòng Đắc Nặng, để lại dư âm hào hùng giữa đại ngàn Tây Nguyên. Bên bếp lửa nhà rông, thay vì kể về những anh hùng thờ nguyên khai như Đăm Săn, Xinh Nhã người ta lại say sưa với cuộc đời và chiến công của một anh hùng dũng sĩ bằng xương bằng thịt là Tnú. Thông qua nhân vật này, nhà văn đã bộc lộ lòng yêu quý và ngưỡng vọng vô cùng về những người con ưu tú của mảnh đất Tây Nguyên thấm máu và nước mắt. Đó cũng chính là tình yêu và sự ngưỡng vọng của chúng ta về một thể hệ cha anh từ máu lửa mà vùng lên anh dũng quật cường như nhà thơ Nguyễn Đình Thi từng ngợi ca:</p> <p><i>Nước Việt Nam từ trong máu lửa</i> <i>Rũ bùn đứng dậy sáng lòa</i></p>
Kết luận	<p>Theo lời tác giả kể, câu chuyện được viết ra chỉ trong vòng hai tiếng rưỡi nhưng lại được thai nghén hàng chục năm. Ta chợt hiểu sâu sắc đằng sau những dòng chữ kia là tấm lòng yêu thương chất chứa, dồn nén của người nghệ sĩ. Có lẽ ông đã dồn rất nhiều tâm huyết để dựng lên hình tượng cây xà nu đẹp, đầy gợi cảm và mang sức chứa, khái quát cao độ. Nó xứng đáng là kết tinh của thiên nhiên của con người Tây Nguyên dũng mãnh, gan góc và quật cường. Thành công lớn của đoạn văn chính là hình tượng cây xà nu đã diễn tả sâu sắc và tinh tế nội dung toàn tác phẩm cũng như điều mà nhà văn gửi gắm.</p> <p>- Nghệ thuật miêu tả:</p> <p>+ Ta cảm giác như choáng ngợp, mỗi lời văn ngập tràn không khí sử thi hoang dã, dũng mãnh, gan góc và đầy bí mật như trong những lời kể về khu rừng già đại ngàn và đời sống của chàng Đam San thuở xưa rực rỡ. Chính sức sống hoang dã, mãnh liệt này là một nét đặc sắc và vô cùng độc đáo của vùng đất Tây Nguyên mà con người dù có viết nhiều về nó mãi mãi không thể nào khám phá hết chiều sâu tận cùng.</p> <p>+ Ngoài ý nghĩa tả thực và tượng trưng thì hình ảnh cây xà nu được mô tả lặp lại ở đầu và cuối tác phẩm như một kết cấu vòng tròn tạo ra được điệp khúc về sự vô cùng, bất tận.</p> <p>+ Cây xà nu luôn đạt trong sự ứng chiếu với con người gọi số phận, đời sống và phẩm cách của cộng đồng, ngược lại nhiều chỗ miêu tả con người lại lấy xà nu để so sánh” cụ Mết ngực căng như một cây xà nu lớn”, vết thương trên lưng Tnú thì ứa một giọt máu đậm, từ sáng đến chiều thì đặc quện lại, tím thẫm như nhựa xà nu. Thủ pháp này tạo sự hòa nhập, tương ứng giữa người và thiên nhiên trong một chất thơ hào hùng tráng lệ. Có thể nói hình tượng cây xà nu đã trở thành mô típ chủ đạo, có vai trò chủ âm của khúc ca sử thi Tây Nguyên.-</p>

Sơ đồ hệ thống kiến thức bài Sông Đà (đơn giản – hệ thống – dễ ghi nhớ)

Chặng	Miêu tả	Liên tưởng, so sánh	Tác dụng
Cảnh đá bờ sông dựng vách thành	<p>– “mặt sông chỗ ấy chỉ lúc đứng ngó mới thấy mặt trời”</p> <p>– lúc chính ngó luôn luôn âm u, lạnh lẽo đến ghê người.</p> <p>–</p>	<p>– vách đá thành chẹt lòng sông Đà như một cái yết hầu”.</p> <p>– Đứng bên này bờ nhẹ tay ném hòn đá qua bên kia vách và có quãng con nai con hổ đã có lần vọt từ bờ này sang bờ kia.</p> <p>– cảm thấy mình như đứng ở hè một cái ngõ mà ngóng vọng lên một khung cửa sổ nào trên cái tầng nhà thứ mấy nào vừa tắt phụt đèn điện</p>	<p>– vừa giúp người đọc hình dung được độ cao của cảnh đá hai bên bờ sông vừa diễn tả được cái lạnh lẽo, âm u của những khúc sông có đá dựng thành vách.</p> <p>– những chỗ đá chẹt lòng sông Đà như cái yết hầu, lưu tốc của dòng chảy là rất lớn, nhất là vào mùa nước lũ. Đi vào một khúc sông như thế, không thể không cảm thấy sự nguy hiểm đang rình rập.</p> <p>– so sánh cái cảm giác của con người giữa thiên nhiên hoang sơ, hùng vĩ với một khoảng khắc của đời sống hiện đại giữa chốn thị thành.</p>

Quãng mặt ghềnh Hát Loóng	<ul style="list-style-type: none">– “nước xô đá, đá xô sóng, sóng xô gió”– Quãng này mà khinh suất tay lái thì cũng dễ lật ngửa bụng thuyền	“gùn ghè suốt năm như lúc nào cũng đòi nợ xuýt bất cứ người lái đò sông Đà nào”.	Thủ pháp điệp từ, điệp ngữ, điệp cấu trúc, được hỗ trợ bởi các thanh trắc liên tiếp đã tạo nên âm hưởng dữ dội, nhịp điệu khẩn trương, dồn dập như vừa xô đẩy vừa hợp sức của gió, sóng và đá khiến cho cả ghềnh sông như sôi lên, cuộn chảy dữ dằn.
Những cái hút nước chết người	<ul style="list-style-type: none">– những cái hút nước sông Đà giống như những cái giếng bê tông thả xuống sông để chuẩn bị làm móng cầu– khi thì nước ở đây thở và kêu như cửa cống cái bị sặc, khi thì nước ặc ặc lên như vừa rót dầu sôi vào.– những con thuyền phải qua những vùng xoáy nước thật nhanh như ô tô sang số ấn ga cho nhanh để vút qua một quãng đường mượn cạp ra ngoài bờ vực.– cái thuyền bị cái hút nước nó hút xuống: thuyền trồng ngay cây chuối ngược rồi vụt biến đi, bị dìm và đi ngầm dưới lòng sông đến mười phút sau mới thấy tan xác ở khuỷu sông dưới.– anh bạn quay phim táo tợn muốn truyền cảm giác lạ cho khán giả đã dũng cảm ngồi vào một cái	<ul style="list-style-type: none">– Tự thân các từ và cụm từ: <i>thở, kêu, sặc, ặc ặc lên, rót dầu</i> vào đã nói lên cường lực ghê gớm của những cái hút nước.– Bằng vốn sống phong phú, bằng trí tưởng tượng sáng tạo, nhà văn đã tô đậm mức độ khủng khiếp của những hút nước qua hàng loạt các so sánh, liên tưởng độc đáo– những tri thức về nhiều lĩnh vực khác nhau (giao thông, điện ảnh) đã giúp Nguyễn Tuân có nhìn đa chiều về một hiện tượng đồng thời làm cho nó hiện hình rõ nét và đọng lại ấn tượng đậm nét trong lòng bạn đọc. Họ bị đặt vào trong cuộc và cảm thấy bồi hồi vì khó bút thoát	

	<p><i>thuyền thúng tròn vành rồi cho cả thuyền cả mình cả máy quay xuống đáy cái hút Sông Đà – từ đáy cái hút nhìn ngược lên vách thành hút mặt sông chênh nhau tới một cột nước cao đến vài sải. Thế rồi thu ảnh.</i></p>	<p>khỏi những ám ảnh đầy ma lực mà ngôn từ Nguyễn Tuân truyền tới họ.</p> <p>– đọng lại cuối cùng trong lòng người đọc là một sông Đà được nhìn như một hung thần, gây cảm giác hãi hùng về cuộc quyết đấu dữ dội giữa con người và thiên nhiên đã diễn ra nơi đây hàng bao thế kỉ.</p>
Thác nước	<p>– nghe như oán trách, rồi lại như van xin, khi thì khiêu khích, giọng gằn mà chế nhạo.</p> <p>– Có lúc, nó rống lên như tiếng một ngàn con trâu mộng đang lồng lộn giữa rừng vầu rừng tre nứa nổ lửa.</p>	<p>– nhà văn đã nhân cách hóa con sông, biến nó thành một sinh thể dữ dằn, gào thét trong những âm thanh phong phú, ghê sợ.</p> <p>– Lần đầu tiên trong thơ văn có người lại dùng lửa để miêu tả nước, hai nguyên tố có sức hủy diệt rất lớn lại luôn tương khắc với nhau, có nước thì không có lửa, ngược lại, có lửa thì không có nước.</p>
Trùng vi thạch trận	<p>Trùng vi thứ nhất: Sông Đà bày ra năm cửa trận, có bốn cửa tử, một cửa sinh, cửa sinh nằm lập lờ phía tả ngạn sông. Hàng tiền vệ, có hai hòn canh một cửa đá trông như là sơ hở, thực chất chúng đóng vai trò dụ chiếc thuyền vào tuyến giữa.</p> <p><i>“Mặt nước hò la vang dậy quanh mình, ùa vào mà bẻ gãy cán chèo vỡ khí trên cánh tay mình. Sóng nước như thế quân liều mạng vào sát nách mà đá trái mà thúc gối vào bụng và hông thuyền. Có lúc chúng đội cả thuyền lên. Nước bám lấy thuyền</i></p>	<p>– Dưới ngòi bút của Nguyễn Tuân, mỗi hòn đá là một tên lính thủy hung tợn, tên nào trông cũng ngỗ ngược, nhẵn nhúm và sẵn sàng giao chiến. Cả một trận địa đá với những âm mưu, thủ đoạn nham</p>

	<p><i>như đồ vật túm thắt lưng ông đồ đòi lật ngửa mình ra giữa trận nước vang trời thanh la bão nạt.</i></p> <p>Trùng vây thứ hai: <i>“Tăng thêm nhiều cửa tử để đánh lừa con thuyền vào, và cửa sinh lại bố trí lệch qua phía bờ hữu ngạn. Dòng thác hùng beo hồng học tế mạnh trên sông đá đánh khuấy quật vu hồi chiếc thuyền”. Tại trận chiến đánh giáp lá cà này, chúng quyết sinh quyết tử với ông lái đồ. Khi chiếc thuyền đã vượt qua, bọn sóng nước cửa tử “vẫn không ngớt khiêu khích, mặc dầu cái thuyền đá tướng đứng chiến ở cửa vào đã tiu ngữu cái mặt xanh lè thất vọng”.</i></p> <p>Trùng vi thứ ba: Ít cửa hơn, bên phải bên trái đều là luồng chết cả. Cái luồng sống ở chặng ba này lại ở ngay giữa bọn đá hậu vệ của con thác. Tại đây những boong-ke chìm và pháo đài đá nổi ở đầu chân thác phải đánh tan cái thuyền. Làm ta liên tưởng đến một trận đấu bóng quyết liệt. Chiếc thuyền như một cầu thủ phải <i>phóng thẳng, chọc thủng cửa giữa, vút, vút, cửa ngoài, cửa trong, lại cửa trong cùng, và như một mũi tên tre xuyên nhanh qua hơi nước, vừa xuyên được vừa tự động lái được lượn được</i>, tiến về phía khung thành và cuối cùng đã hết thác. Trận bóng đã thắng lợi về phe người lái đồ tài ba với “tay lái ra hoa”.</p>	<p>hiểm đã được bày ra để sẵn sàng dìm chết con thuyền. Sông Đà đã giao việc cho mỗi hòn, để chúng phối hợp lại thành ba trùng vi nguy hiểm.</p> <p>—</p>
Khi đi máy bay	<p>— dòng chảy uốn lượn của con sông như mái tóc của người thiếu nữ kiều diễm: con sông Đà <i>tuôn dài tuôn dài như một áng tóc trữ tình, đầu tóc chân tóc ẩn hiện trong mây trời Tây Bắc bung nở hoa ban hoa gạo tháng hai và cuồn cuộn mù khói núi Mèo đốt nương xuân</i></p>	<p>— dưới ngòi bút tài hoa của Nguyễn Tuân, sông Đà hiện lên như người thiếu nữ Tây</p>

		Bắc với vẻ đẹp trữ tình, trẻ trung và duyên dáng.
Khi đi tàu thủy	<p>– Nguyễn Tuân đã phát hiện những sắc màu tươi đẹp và đa dạng của dòng sông. Nhà văn đã thấy màu nước sông Đà biến đổi theo mùa, mỗi mùa có một vẻ đẹp riêng. <i>Mùa xuân, nước sông Đà mùa xanh ngọc bích</i>. Để làm nổi bật cái màu xanh tươi sáng, lấp lánh của Đà giang, nhà văn đã phân biệt với màu <i>xanh canh hến</i> của nước sông Gâm, sông Lô. <i>Mùa thu, nước sông Đà lại lừ lừ chín đỏ</i>. Và đặc biệt chưa bao giờ con sông lại có màu <i>đen như thực dân Pháp đã đè ngửa con sông ta ra đổ mực Tây vào và gọi bằng một cái tên lếu láo – sông Đen</i></p>	<p>– Bằng sự khẳng định này, Nguyễn Tuân không chỉ tôn vinh vẻ đẹp của dòng sông mà còn trực tiếp bày tỏ tình cảm yêu mến đối với sông Đà, niềm tự hào về vẻ đẹp của con sông xứ sở.</p>
Khi đi bộ bên bờ sông	<p>– <i>Cảnh ven sông ở đây lặng tờ</i>. Hình như từ đời Lí đời Trần đời Lê quăng sông này cũng lặng tờ đến thế mà thôi. Dòng chảy của sông Đà là dòng chảy của lịch sử, đất nước</p> <p>– <i>Một vẻ đẹp tươi mới, tràn trề nhựa sống, như bắt đầu một mùa nảy lộc sinh sôi: nương ngô nhú lên mấy lá ngô non đầu mùa, cỏ gianh đồi núi đang ra những nõn búp, đàn hươu cúi đầu ngón búp cỏ gianh đẫm sương đêm</i></p>	<p>– Những câu văn của Nguyễn Tuân như những giai điệu êm ái, trữ tình, vừa làm sống dậy những vẻ đẹp của đời sống hiện đại</p>

	<p>– vẻ đẹp hoang sơ, cổ kính tồn tại như một vĩnh hằng của tự nhiên: bờ sông hoang dại như một bờ tiền sử. Bờ sông hồn nhiên như một nỗi niềm cổ tích tuổi xưa.</p>	<p>vừa đưa người đọc trôi về những miền kí ức xa xăm của một thời đã qua nay chỉ còn vang bóng.</p>
<p>→ Nhìn sông Đà như một cố nhân, Nguyễn Tuân cảm nhận rõ nét cái chất đầm đằm ấm ấm thân quen của con sông và nhất là cái chất thơ như ngấm vào trong từng cảnh sắc thiên nhiên sông Đà. Sông Đà được nhìn như một cố nhân, thể hiện mối tri âm, tri kỉ của tác giả với con sông Tình tri kỉ của người xưa như truyền những xúc cảm “đầm đằm, đầm ấm” cho Nguyễn Tuân gặp lại sông Đà.</p> <p>→ Với Nguyễn Tuân, thiên nhiên không thuần túy là thiên nhiên, thiên nhiên cũng là một sản phẩm nghệ thuật vô giá của tạo hóa. Cần phải trân trọng và làm phát lộ các vẻ đẹp của nó.</p> <p>Qua hình tượng sông Đà nhà văn muốn kín đáo thể hiện tình cảm yêu mến tha thiết và say mê đối với thiên nhiên đất nước.</p> <p>Thiên nhiên chính là phong, nền cho sự xuất hiện và tôn vinh vẻ đẹp con người mà ở đây là người lái đò trên dòng sông hung bạo và trữ tình.</p>		

Sơ đồ tóm tắt bài Việt
Bắc
VỀ ĐẸP THIÊN NHIÊN VIỆT
BẮC

Cơ bản	Mở rộng
<p>1.Hình ảnh thiên nhiên được tái hiện trong không gian và thời gian</p> <p>– Không gian : Chiến khu Việt Bắc, căn cứ địa cách mạng</p> <p>– Thời gian : 15 năm với các chặng đường lịch sử quan trọng : Kháng nhật (1940) , thành lập mặt trận Việt Minh (1941) và kết thúc kháng chiến chống thực dân Pháp (1954)</p> <p>2.Thiên nhiên gắn với 1 thời kháng chiến gian khổ nhưng đầm ấm tình người</p> <p><i>Mưa nguồn suối lũ những mây cùng mù</i></p> <p><i>Hắt hiu lau xám đậm đà lòng son</i></p> <p><i>Nguồn bao nhiêu nước nghĩa tình bấy nhiêu</i></p> <p>3.Thiên nhiên thơ mộng , mang đậm màu sắc dân tộc</p> <p>– Cảnh thiên nhiên bốn mùa Việt Bắc:</p> <p>+ Nhắc đến mùa đông ta thường nhớ tới cái lạnh thấu xương, cái ẩm đậm của những ngày mưa phùn gió bắc, cái buồn bã của khí trời u uất. Nhưng đến với Việt Bắc trong thơ Tố Hữu thì thật lạ. Mùa đông ấm áp lạ thường:</p> <p>Gam màu cơ bản của bức tranh này là màu xanh. Đó là</p>	<p>màu xanh mênh mông và trầm tĩnh của rừng già. Nó gọi</p>

-Nhà phê bình Hoài Thanh đã nhận xét: “Những câu thơ của Tố Hữu viết về thiên nhiên trong VB có thể sánh với bất kì đoạn thơ miêu tả thiên nhiên nào trong văn học cổ điển”

– đoạn thơ làm ta liên tưởng đến bức tranh tứ bình trong truyện kiều:

Sen tàn cúc lại nở hoa

Sầu dài ngày ngắn đông đà sang xuân.

– Đầu tiên là bức tranh tả cảnh và khơi gợi cho chúng ta tình cảm mến thương của mùa đông Việt Bắc. Tại sao Lại là mùa đông? Vì đây là hồi ức của tác giả trong giờ phút chia tay. Chúng ta còn nhớ, vào một đêm mùa đông 1946, Hồ Chí Minh đã kêu gọi toàn dân

ra một xứ sở êm đềm, lặng lẽ, tĩnh mịch. Nhưng trên cái nền ấy là gam màu ấm nóng và tiềm ẩn một sức sống bên trong dường như để làm vơi đi sự hoang sơ, hiu hắt, lạnh giá vốn có của núi rừng. Từ xa trông tới, bông hoa như những bó đuốc thấp sáng tạo nên một bức tranh với đường nét màu sắc vừa đối lập, vừa hài hòa, vừa cổ điển vừa hiện đại.

Trên trời cao ánh nắng hắt xuống lưng người, chiếu vào con dao làm ánh lên 1 màu sáng kì diệu. Cái nắng hiem hoi của mùa đông đã tô điểm cho bức tranh thiên nhiên thêm tươi tắn

+ **Mùa xuân:** đọng lại trong kí ức của người ra đi là sắc trắng của hoa mơ. Màu trắng gợi lên vẻ đẹp tinh khiết trắng ngần. Cả một cánh rừng mênh mang chỉ 1 màu trắng, nền xanh trầm tĩnh đã nhường chỗ cho nền trắng tinh khiết của hoa mơ rừng: Hình ảnh thơ không chỉ đẹp mà còn gợi tả sức sống mãnh liệt của núi rừng Việt Bắc vào xuân. Từ “*trắng*” được tác giả sử dụng như một động từ gợi cho người đọc cảm giác bừng sáng cả khu rừng bởi sắc trắng mơ màng, băng khuâng, dịu mát của hoa mơ

+ **Mùa hè** với tiếng ve kêu làm nên khúc nhạc rừng, là nhớ màu *vàng* của rừng phách: Đây là một bức tranh sơn mài được vẽ lên bằng hoài niệm, nên lung linh ánh sáng, màu sắc và rộn rã âm thanh. Tố Hữu không chỉ có biệt tài trong việc miêu tả vẻ đẹp riêng của từng mùa mà còn có tài trong việc miêu tả sự vận động đổi thay của thời gian và cảnh vật. Tiếng *ve kêu* là âm thanh nhưng lại được tác giả cảm nhận bằng sắc màu vàng rực, sóng sánh đổ loang cả rừng phách. Từ *đổ* diễn tả sự thay đổi luân phiên về thời gian, một chữ *đổ* rất tài tình. Tiếng ve kêu như trút xuống, *đổ* xuống thúc giục ngày hè trôi nhanh, làm cho rừng phách thêm vàng diễn tả sự đổi thay nhanh chóng, bất ngờ đến ngạc nhiên, sững sờ.

+ **Mùa thu** lại nhớ trắng ngần:

kháng chiến. Đặc biệt ở Hà Nội, những người lính cảm tử sau hai tháng giam chân địch trong thành phố đã bí mật vượt sông Hồng để lên căn cứ cách mạng Việt Bắc. Sự kiện này, đến tận bây giờ vẫn sống mãi bởi một khúc hát quen thuộc:

Đêm cái đêm rét quá chân cầu

Anh, anh đã hẹn ngày mai trở lại

Sông, sông Hồng bên bờ hát mãi

Tổ niềm tin khúc khai hoàn ca.

Lưu Trọng Lư trong Một mùa đông đã từng viết:

Đôi mắt em lặng buồn,

Nhìn tôi mà không nói.

Tình đôi ta vời vợi,

Có nói cũng vô cùng

Trời hết một mùa đông

Không một lần đã nói...

. Việt Bắc trong nỗi nhớ của Tố Hữu không thể thiếu được sắc hoa này. Trong bài Theo chân Bác – Tố Hữu cũng viết:

Người cán bộ kháng chiến về xuôi nhớ vàng trắng Việt Bắc giữa rừng thu, trắng rơi qua tán lá rừng xanh, trắng thanh mát rượi màu *hòa bình* nên thơ. Câu thơ đã gọi lên sắc màu thanh bình, thơ mộng trong ánh sáng dịu dàng của ánh trăng sáng sau chín năm kháng chiến.

Ánh trăng không chỉ là biểu tượng cho vẻ đẹp trong sáng, lung linh của thiên nhiên mà mang theo khát vọng hòa bình của con người Việt Nam .

Tác giả đã miêu tả vẻ đẹp tự nhiên của núi rừng Việt Bắc gắn với các mùa cụ thể, mỗi mùa lại có những đặc trưng riêng biệt để tạo nên một bức tranh tứ bình về cảnh sắc thiên nhiên tươi sáng, mơ mộng và gợi cảm của núi rừng Việt Bắc. Bốn hình ảnh thơ gắn với 4 mùa đều rực rỡ sắc màu: xanh, đỏ, trắng, vàng đem đến cho người đọc hình dung về 1 bức tranh đa sắc, đa chiều của núi rừng.

– Bức tranh thiên nhiên được miêu tả trong thế động. Tất cả như đang đổi thay từ thiên nhiên đến con người đều ở trong trạng thái hoạt động. Xưa nay núi rừng thường gợi cảm giác hoang vu, tĩnh tại nhưng trong thơ Tố Hữu, tất cả đều tràn đầy sức sống và sinh lực

– Cảnh còn gắn bó với những kỉ niệm thương nhớ vui đầy của nhà thơ: những bản làng mờ trong sương sớm, những bếp lửa hồng đêm khuya, những núi rừng sông suối với những cái tên thân thuộc. Tất cả hiện lên lung linh đầy ấp những kỉ niệm của tác giả.

4. – Thiên nhiên hư ảo , gợi nhớ gợi thương: Vẻ đẹp của thiên nhiên Việt Bắc hiện lên với những vẻ đẹp đa dạng trong thời gian và không gian khác nhau như sương sớm, nắng chiều, trăng khuya, trong các mùa thay đổi,...

+ **Không gian thời gian của tình yêu mở ra và kỷ niệm hiện hình.:** “Nhớ gì như nhớ người yêu/Trăng lên đầu núi nắng chiều lưng nương”. Không gian thời gian của tình yêu mở ra bằng một bức tranh thơ mộng “Trăng lên đầu núi nắng chiều lưng nương”. Không gian mở ra

*Ôi sáng xuân nay, xuân
41*

*Trắng rừng biên giới nở
hoa mơ*

*Bác về ...Im lặng, con
chim hót*

*Thánh thót bờ lau, vui
ngẩn ngơ*

*(–Theo chân Bác– Tố
Hữu)*

. Chữ “Đỏ” là một nhãn tự làm ta nhớ đến câu thơ của Xuân Diệu trong bài Thơ Duyên: “Đỏ trời xanh ngọc qua muôn lá – Thu đến nơi nơi động tiếng huyền”

Câu thơ như xui khiến ta nhớ đến một câu thơ cũng viết về đêm rừng Việt Bắc của Hồ Chí Minh:

*Tiếng suối trong như
tiếng hát xa*

*Trăng lồng cổ thụ bóng
lồng hoa*

Chế Lan Viên từng viết ” Khi ta ở đất chỉ là

bằng hai khung cảnh đối lập trong hai vế của câu thơ. Một khung cảnh trắng lên đầu núi tạo nên hình ảnh của những cuộc hẹn hò, một khung cảnh nắng chiều lưng nương mở ra không khí lao động. Sự tương tác giữa hai bức tranh thơ đã nảy sinh ra ngữ nghĩa mới trong quan niệm của những người cách mạng: tình yêu nảy sinh từ lao động. Lao động đã tạo nên vẻ đẹp của tình yêu. Thời gian như chảy ngược từ đêm hôm trước trở sang chiều hôm sau. Sự gián cách về mặt thời gian ấy đã làm cho nỗi nhớ tỏa ra bông bênh.

+ **Nỗi nhớ lan tỏa khắp núi rừng Việt Bắc và neo đậu lại ở một tổ ấm tình thương:** *“Nhớ từng bản khói cùng sương/Sớm khuya bếp lửa người thương đi về”*. Hình ảnh những bản làng hiện ra trong sương khói vừa mang nghĩa thực vừa tạo độ hư ảo của kỷ niệm. Bản làng Việt Bắc vốn hiu hắt chìm dưới sương khói lạnh lẽo nhưng đó cũng chính là sương khói của hoài niệm, tạo nên độ chơi vơi bông bênh trong tâm hồn của những người ra đi. Hồn của những con người như hòa tan trong lớp sương khói bưng lũng ấy. Tuy nhiên sự xuất hiện của hình ảnh bếp lửa giữa làng quê hiu hắt ấy đã thắp lên một thứ ánh sáng nồng ấm của tình đời tình người, sương khói của tự nhiên được thay bằng sương khói của tổ ấm gia đình. Tố Hữu không nói người yêu mà nói người thương thật kín đáo tinh tế, giống như cách nói của Nguyễn Bính “Thương nhau qua cửa tò vò nhìn nhau”. Con người Việt Nam vẫn thế, tình cảm thường biểu lộ gián tiếp tế nhị một chút để lắng nghe cho hết nhịp rung của con tim.

+ **Nỗi nhớ một lần nữa lại lan tỏa bông bênh trong thời gian không gian trùng trùng điệp điệp**, những kỷ niệm được khơi ra. *“Nhớ từng rừng nứa bờ tre/Ngòi Thia, sông Đáy, suối Lê vơi đầy”*. Nhà thơ sử dụng biện pháp liệt kê làm cho kỷ niệm hiện ra tầng tầng lớp lớp. Ngòi Thia, sông Đáy, suối Lê là những danh từ riêng nhưng lại là sản phẩm chung của lịch sử, đó là những căn cứ địa cách mạng. Giữa riêng và chung có sự phối

nơi ở/ Khi ta đi đất bỗng hóa tâm hồn”.

Việt Bắc đã hóa tâm hồn người cán bộ kháng chiến khi chia xa.

Tình yêu là thước đo của nỗi nhớ, tất nhiên đây là nỗi nhớ của cán bộ đối với nhân dân. Cái quan hệ chính trị ấy nếu đơn thuần nó chỉ là tình cảm gắn liền với nghĩa vụ. Bón phận của cán bộ đối với nhân dân là cái có thật, là cái tình yêu vĩnh viễn, nói như Chế Lan Viên “Tình yêu làm đất lạ hóa quê hương”, trong ý tưởng ấy Việt Bắc trở thành quê hương cách mạng. Chính nỗi nhớ trong tình yêu đã làm cho thời gian, không gian mở ra vô tận:

Nhớ ai ra ngân vào ngơ

Nhớ ai, ai nhớ bây giờ
nhớ ai

à Đoạn thơ mở đầu là “Nhớ gì như nhớ người yêu” tình yêu trở thành thước đo cho quan hệ ân tình thủy chung giữa cán bộ và nhân dân. Nhưng kết thúc đoạn thơ tác giả lại khéo léo chuyển đổi thành tình đồng chí, những tình cảm đơn giản

hợp nhuần nhuyễn hài hòa, tình yêu cá nhân gắn liền với tình cảm cách mạng.

5. Thiên nhiên cùng người đánh giặc và giết đấu những chiến công :

Nhớ khi giặc đến lòng

Rừng cây núi đá ta cùng đánh tây

Sông Lô, phố Ràng

Mái đình Hồng Thái , cây đa Tân Trào

Điệp từ *núi*, *rừng* kết hợp với thủ pháp nhân hóa *Rừng che bộ đội*, *rừng vây quân thù* như đã tạo nên một bức tường thành vững chắc, sức mạnh đoàn kết giữa con người và thiên nhiên.

6. Thiên nhiên gắn với con người lao động cần cù và thủy chung cách mạng : Những người mẹ nắng cháy lưng” Địu con lên rẫy bẻ từng bắp ngô” , những cô gái ” hái măng 1 mình ” ” đèo cao nắng ánh dao gài thắt lưng ” ... mà ” bắt com sẻ nửa , chăn sùi đắp chung “

của đời thường được nâng lên thành tình cảm lớn. Tất nhiên mọi thứ quan hệ tình cảm lớn đều có cơ sở từ những quan hệ đời thường.

VỀ ĐẸP CON NGƯỜI VIỆT BẮC TRONG LAO ĐỘNG VÀ SINH HOẠT

– Đan xen một câu lục tả cảnh thì một câu bát tả con người. Như vậy, giữa con người và cảnh vật có mối quan hệ khăng khít, giao hòa.

– **Con người được miêu tả là những con người rất bình thường, nhỏ bé, gắn với những công việc lao động cụ thể nhưng rất giàu ý nghĩa:**

+ Nhớ người đi nương, đi rẫy *dao gài thắt lưng* trong thể mạnh mẽ, hào hùng đứng trên đèo cao *nắng ánh*, ... Con dao của người đi nương đi rẫy phản quang *nắng ánh* rất gợi cảm: *Đèo cao nắng ánh dao gài thắt lưng*.

+ Nhớ người thợ thủ công đan nón *chuốt từng sợi giang*. *Chuốt* nghĩa là làm bóng lên những sợi giang mỏng manh. Có khéo léo, kiên nhẫn, tỉ mỉ mới có thể *chuốt từng sợi giang* để đan thành những chiếc nón, chiếc mũ phục vụ kháng chiến, để anh bộ đội đi

chiến dịch có *ánh sao đầu súng bạn cùng mũ nan*. Người đan nón được nhà thơ nói đến tiêu biểu cho vẻ đẹp tài hoa, tính sáng tạo của đồng bào Việt Bắc.

+ *Nhớ cô em gái hái măng một mình* – mặc dù *hái măng một mình* như vậy nhưng vẫn không cảm thấy lẻ loi, vì cô đang lao động giữa khúc nhạc rừng, hái măng để góp phần *nuôi quân*. Cô gái hái măng là một nét vẽ trẻ trung, yêu đời trong thơ Tố Hữu.

- Con người kháng chiến mang tầm vóc thời đại là người sản xuất hay người chiến sĩ đều mang tư thế hào hùng: *Rất đẹp hình anh lúc nắng chiều/Bóng dài trên đỉnh dốc cheo leo/Núi không đè nổi vai vươn tới/Lá ngụy trang reo với gió đèo*

- Cảm hứng làm chủ Đất nước: *Trời xanh đây là của chúng ta/Núi rừng đây là của chúng ta/Những cánh đồng thơm mát/Những ngả đường bát ngát/Những dòng sông đỏ nặng phù sa*

+ Và khi chạm vào hình ảnh người mẹ Việt Bắc thì câu thơ rung rung:

Nhớ người mẹ nắng cháy lưng/ Địu con lên rẫy bẻ từng bắp ngô

Hình ảnh lưng mẹ trong văn học đã trở thành ám ảnh khôn nguôi của các nhà thơ:

Lưng mẹ còng đổ bóng xuống sân ga.

(*Những bóng người trên sân ga* – Nguyễn Bính)

Bóng tròn che lưng mẹ

Về nhớ anh, mẹ khóc

(*Bóng cây Kơ nia* – Ngọc Anh)

Người mẹ nắng cháy lưng biểu tượng cho những gian lao, khó nhọc những vất vả đắng cay. Nhưng lưng mẹ còn là cội nguồn của tình yêu thương. Người mẹ Việt Bắc bẻ từng bắp ngô để nuôi con, nuôi bộ đội nuôi kháng chiến

+ *Nhớ ai tiếng hát ân tình thủy chung* – Ai là đại từ nhân xưng phiếm chỉ, *nhớ ai* là nhớ về tất cả, về mọi người dân Việt Bắc giàu tình nghĩa thủy chung, đã hi sinh quên mình cho cách mạng và kháng chiến.

- Hình ảnh con người được nhà thơ khắc họa có sự đan cài, gắn bó khăng khít với thiên nhiên và hình ảnh con người gắn với những công việc bình thường, cụ thể nhưng họ vẫn là những con người làm chủ thiên nhiên, làm chủ cuộc đời. Bằng những việc làm nhỏ bé ấy, bình thường ấy thì họ đã góp phần tạo nên sự thắng lợi to lớn, vĩ đại của cuộc kháng chiến trường kỳ của dân tộc.

– **Hình ảnh con người còn gắn với những kỉ niệm nặng nghĩa ân tình** (đây chính là sự lí giải của tác giả về cội nguồn dẫn đến chiến thắng của dân tộc):

+ Đó là sức mạnh của tình nghĩa thủy chung của những tháng ngày đồng cam cộng khổ:

Thương nhau chia củ sắn lùi/Bát cơm sẻ nửa, chăn sui đắp cùng

Cái đẹp nhất là ở *nghĩa tình* của con người, ở sự san sẻ, cùng chung mọi gian khổ và niềm vui, cùng gánh vác nhiệm vụ. Nghĩa tình càng đẹp hơn trong cuộc sống gian nan, thiếu thốn, càng sắt son, thấm thía trong khó khăn thử thách.

+ Đó là cuộc sống gian khổ nhưng vẫn tràn đầy niềm vui và tinh thần lạc quan: *Nhớ sao ngày tháng cơ quan/ Gian nan đời vẫn ca vang núi đèo*

à Việt Bắc đã trở thành người yêu (*Nhớ gì như nhớ người yêu*), thành người thương (*Sớm khuya bếp lửa người thương đi về*) trong nỗi nhớ ấy.

VỀ ĐẸP CON NGƯỜI VIỆT BẮC TRONG CHIẾN ĐẤU

NHỮNG KHÓ KHĂN VÀ THẮNG LỢI BAN ĐẦU:

– Người dân Việt Bắc, người cán bộ kháng chiến, bộ đội, dân công, rừng cây, núi đá, tất cả đã thống nhất thành một trận tuyến chống quân thù. Cuộc kháng chiến thần thánh mỗi ngày một trưởng thành lớn mạnh. Từ lúc giặc đến giặc lòng, rừng và người Việt Bắc che chở, bao bọc đến chỗ rừng cây núi đá ta cùng đánh Tây là một bước phát triển của kháng chiến. *Điệp từ núi, rừng* kết hợp với thủ pháp nhân hóa *Rừng che bộ đội, rừng vây quân thù* như đã tạo nên một bức tường thành vững chắc, sức mạnh đoàn kết giữa con người và thiên nhiên.

– Kể rồi từ đó chúng ta có những chiến thắng đầu tiên nức lòng nhân dân, bộ đội gắn với các địa danh *Phủ Thông, đèo Giàng, sông Lô, phố Ràng, Cao – Lạng, Nhị Hà....* cuộc kháng chiến chống Pháp đã đi đến những ngày quyết định cuối cùng.

+ *Nhớ sông Lô* là nhớ chiến thắng Việt Bắc thu đông 1947:

Tàu giặc đắm sông Lô/Tha hồ mà uống nước. Máu tanh đến bây giờ/Chưa tan mùi bữa trước (Cá nước)

+ *Nhớ phố Ràng* là nhớ trận công kiên chiến có pháo binh tham gia vào cuối năm 1949, đánh dấu bước trưởng thành trong kháng chiến của quân ta, kể từ đó tiến lên đánh lớn và thắng lớn trong chiến dịch Biên giới giải phóng Cao Bằng, Lạng Sơn.

+ *Nhớ từ ... nhớ sang* là nỗi nhớ dạt dào, mênh mông, nhớ tha thiết, bồi hồi. Đoạn thơ như những trang kí sự chiến trường nối tiếp xuất hiện, để lại bao tự hào trong lòng người đọc về bước đi lên của lịch sử dân tộc trong thời đại Hồ Chí Minh. Có biết bao máu đổ xương rơi, bao chiến sĩ anh hùng ngã xuống mới có thể đưa ra những tên núi, tên sông, tên đèo vào lịch sử, thơ ca dân tộc.

HÌNH ẢNH HÀO HÙNG CỦA ĐOÀN QUÂN RA TRẬN:

– Những con đường Việt Bắc cụ thể, cũng là những nẻo đường cách mạng của dân tộc đã đến ngày rộng trải thành thang. Con đường là hình ảnh quen thuộc trong thơ Tố Hữu biểu trưng về đường cách mạng: +Khí thế hào hùng được thể hiện qua hàng loạt các phụ âm rung, các từ láy như *đêm đêm, rầm rập, điệp điệp, trùng trùng*. Đoạn thơ gợi được không gian rộng lớn (*Những đường Việt Bắc*) và thời gian đằng đẵng (*Đêm đêm*) của cuộc kháng chiến vĩ đại, trường kì.

+ Khí thế xung trận được cảm nhận bằng âm thanh *rầm rập* – từ láy tượng thanh này không chỉ diễn tả được tiếng động mạnh của bước chân mà còn giúp người đọc hình dung được nhịp độ khẩn trương, gấp gáp của một số lượng người đông đảo cùng hành quân về một hướng, tất cả tạo thành một sức mạnh tổng hợp là rung chuyển cả mặt đất.

+ Trên con đường ấy, dường như cả nước cùng ra trận. Tất cả đã khắc họa đoàn quân đông đảo bước đi mạnh mẽ như những đợt sóng dâng trào, đợt này nối tiếp đợt kia tưởng chừng kéo dài đến vô tận. Tuy trang bị vật chất còn thiếu thốn (**chiến sĩ** phải đội *mũ nan* đan bằng tre lợp vải) nhưng đoàn quân *điệp điệp trùng trùng* chính là hình ảnh tượng trưng cho sự trưởng thành vượt bậc của quân đội ta, của dân tộc ta trong cuộc kháng chiến. Trong những đêm dài hành quân chiến đấu ấy, ở đầu mũi súng của người lính ngời sáng *ánh sao*, đó là ánh sao sáng hiện thực trong đêm tối hay là một hình ảnh ẩn dụ: ánh sao của lí tưởng chỉ đường dẫn lối cho người chiến sĩ đánh đuổi kẻ thù bảo vệ độc lập, tự do cho Tổ quốc. Hình ảnh ấy gợi liên tưởng tới hình ảnh *đầu súng trăng treo* trong bài thơ *Đồng chí* của Chính Hữu. Có điều nếu ánh trăng trong bài *Đồng Chí* là hình ảnh tượng trưng cho khát vọng hòa bình, cho vẻ đẹp yên ả của quê hương, thì ánh sao ở bài thơ này lại là biểu tượng của lí tưởng, của niềm lạc quan chiến thắng trong tâm hồn người lính ra trận.

+ Khí thế mạnh mẽ của quân đội nhân dân được tác giả khắc họa bằng lối nói thậm xưng, phóng đại:

Dân công đỏ đuốc từng đoàn/ Bước chân nát đá, muôn tàn lửa bay.

Những bó đuốc đỏ rực soi rọi đường đã làm sáng bừng lên hình ảnh những đoàn dân công tiếp lương tải đạn, kiên cường vượt núi cao đèo dốc đảm bảo sức mạnh vật chất cho bộ đội chiến đấu, chiến thắng. Thành ngữ có câu *chân cứng đá mềm*, Tố Hữu

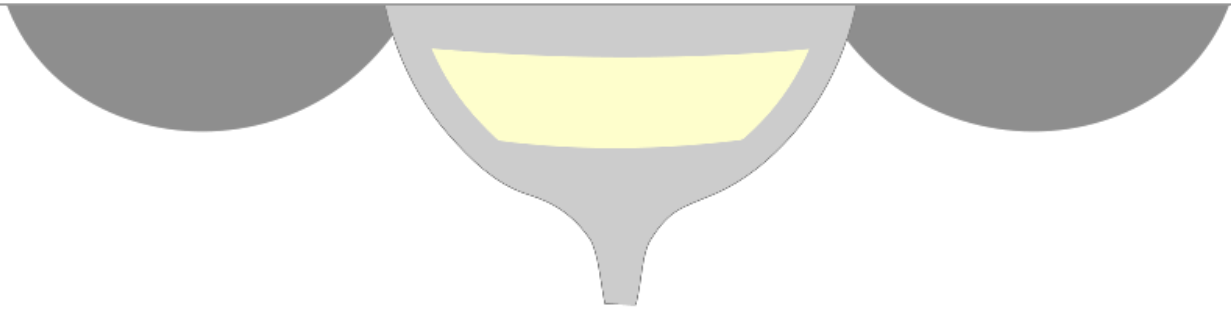
chuyển thành *Bước chân nát đá* – hình ảnh cường điệu ấy khẳng định ý chí phi thường, sức mạnh to lớn của nhân dân kháng chiến. Cuộc kháng chiến của ta là cuộc kháng chiến toàn dân, là cuộc chiến tranh toàn nhân dân, nó phát huy cao độ sức mạnh của toàn dân tộc chiến đấu cho sự nghiệp chính nghĩa, vì thế ta nhất định thắng.

CẢM HỨNG VỀ TƯƠNG LAI

– Từ những đêm Việt Bắc đó, một cảm hứng lãng mạn bay bổng về tương lai tươi sáng của dân tộc chói lòa qua những câu thơ: *Nghìn đêm thăm thăm swong dày/ Đèn pha bật sáng như ngày mai lên*

Hai câu thơ tạo ra tương quan đối lập giữa bóng tối và ánh sáng: nếu câu trên khắc họa bóng đêm đen tối thăm thăm gợi kiếp sống nô lệ của cả dân tộc dưới ách độ hộ của kẻ thù thì câu dưới lại bùng lên ánh sáng của niềm tin vào ngày mai chiến thắng huy hoàng, tương lai tốt đẹp. Thực ra trong đoạn thơ trên người ta đều nhận thấy sự đối lập này: Tố Hữu đã sử dụng cả một hệ thống từ chỉ ánh sáng như *ánh sao, đỏ đuốc, lửa bay, bật sáng* tương phản với một hệ thống chỉ bóng tối như *đêm đêm, nghìn đêm, thăm thăm* – với xu thế ánh sáng lấn át bóng tối dường như tác giả có dụng ý nêu bật xu thế của dân tộc ta trước mọi kẻ thù hắc ám, đồng thời khẳng định những ngày tươi sáng, hạnh phúc nhất định sẽ tới với dân tộc ta.

- Qua không gian rộng lớn, thời gian đằng đẵng, khí thế hào hùng ở Việt Bắc có thể thấy rõ cuộc kháng chiến chống Pháp là trường kì, gian khổ nhưng dân tộc Việt Nam không nhụt chí, trái lại vẫn vững vàng, kiên cường, chung sức chung lòng đưa cuộc kháng chiến tới thắng lợi.



Chí Bằng

(Quà tặng Văn học)

☆☆☆ Gợi quà 2 ☆☆☆

2

Trọng tâm

NGƯỜI LÁI ĐÒ SÔNG ĐÀ

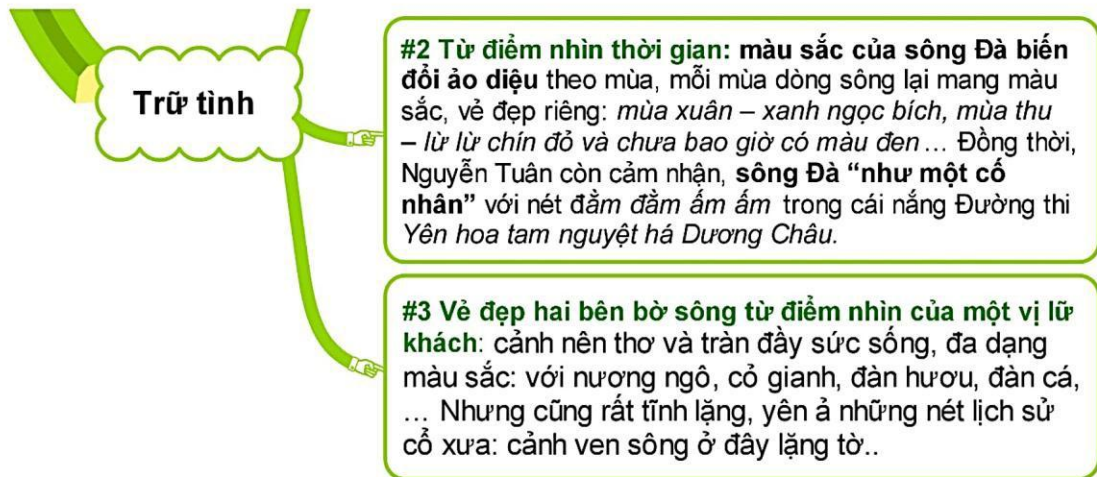
Về tác phẩm “Người lái đò sông Đà” sẽ có 2 trọng tâm chính mà học sinh cần lưu tâm, đó là: hình tượng sông Đà (hung bạo và trữ tình) và hình tượng người lái đò – “chất vàng mười đã qua thử lửa”.

Trong “2 trọng tâm Người lái đò sông Đà” thầy giới thiệu với các em 2 sơ đồ tư duy ngắn gọn, dễ nhớ và đề thi thử cho tác phẩm này kèm 2 dàn ý chi tiết để các em đảm bảo kiến thức vừa có thể luyện đề để chuẩn bị tốt nhất cho kì thi THPT QG năm nay.

A. SƠ ĐỒ TƯ DUY

1. Trọng tâm 1: Hình tượng sông Đà (hung bạo và trữ tình).





2. Trọng tâm 2: Hình tượng người lái đò – “chất vàng mười đã qua thử lửa”.



B. ĐỀ & DÀN Ý CHI TIẾT

CÁC DẠNG ĐỀ XOAY QUANH TRỌNG TÂM TÁC PHẨM

1. Anh/Chị hãy làm rõ Hình tượng sông Đà vừa hung bạo vừa trữ tình trong bút kí *Người lái đò sông Đà* (Nguyễn Tuân).
2. Cảm nhận của anh/chị về hình tượng người lái đò sông Đà – “chất vàng mười đã qua thử lửa” trong bút kí *Người lái đò sông Đà* (Nguyễn Tuân).

Ngoài ra, còn có dạng đề:

- 3. Cảm nhận/Phân tích “Cái tôi” trong *Người lái đò sông Đà* (Nguyễn Tuân).
- 4. Những đặc sắc về nghệ thuật trong bút kí *Người lái đò sông Đà* (Nguyễn Tuân).

Đề 3 và 4 sẽ tiếp tục được gửi tặng trong “**Gói quà Bonus Người lái đò sông Đà**”, các em học sinh chú ý theo dõi để cập nhật tài liệu siêu chất lượng từ thầy Chí Bằng.

DÀN Ý CHI TIẾT

- 1. Anh/Chị hãy làm rõ Hình tượng sông Đà vừa hung bạo vừa trữ tình trong bút kì *Người lái đò sông Đà* (Nguyễn Tuân).

BỐ CỤC TRIỂN KHAI	NỘI DUNG CẦN ĐẠT
1. Giới thiệu	<ul style="list-style-type: none"> a. Giới thiệu tác giả, tác phẩm và hình tượng sông Đà: hung bạo và thơ mộng trữ tình. <ul style="list-style-type: none"> – Nguyễn Tuân, người tri thức giàu lòng yêu nước. Nguyễn Tuân, nhà văn suốt đời đi tìm cái đẹp. Nguyễn Tuân, nhà văn với phong cách tài hoa, uyên bác và có vốn hiểu biết phong phú về nhiều mặt, vốn ngôn ngữ giàu có, điêu luyện. Sau cách mạng tháng Tám ngòi bút ông hướng đến chất tài hoa nghệ sĩ ở nhân dân đại chúng. Một số tác phẩm tiêu biểu: <i>Vang bóng một thời</i> (1940), <i>Chiếc lư đồng mắt cua</i> (1941), <i>Tùy bút Sông Đà</i> (1960),... – <i>Người lái đò sông Đà</i> là một trích đoạn của <i>Tùy bút sông Đà</i> (1960) và là thành quả của chuyến đi thực tế đến Tây Bắc. Tác phẩm lấy cảm hứng chủ đạo là tìm kiếm chất vàng mười của thiên nhiên và “chất vàng mười đã qua thử lửa” của con người lao động, chiến đấu trên miền sông núi hùng vĩ, thơ mộng. – Bằng tình yêu thiên nhiên quê hương, đất nước và ngòi bút tài hoa của mình, con sông Đà miền Tây Bắc Tổ quốc bước vào trang kí với vẻ đẹp vừa hung bạo vừa trữ tình.
2. Khái quát	Sông Đà qua cảm nhận của nhà văn Nguyễn Tuân mang hai nét tính cách đối lập: vừa hung bạo, dữ dội lại vừa thơ mộng, trữ tình. Ở mỗi nét tính cách của sông Đà qua ngòi bút của Nguyễn Tuân lại mang một nét đẹp riêng, ấn tượng và độc đáo. Khi miêu tả vẻ đẹp của sông Đà, Nguyễn Tuân đã vận dụng vốn tri thức bách khoa của mình: địa lý, lịch sử, thể thao, văn hóa,...
3. Phân tích	<ul style="list-style-type: none"> – Hình tượng sông Đà hung bạo học sinh cần lưu ý 5 địa điểm: + Thứ nhất, đá hai bên bờ sông “dựng thành vách” cao, chỉ vào “<i>lúc đúng ngo mới có mặt trời</i>”, đá “<i>chẹt</i>” lòng sông như cái yết hầu,

- + **Thứ nhất, toàn cảnh:** *“con sông Đà tuôn dài như một áng tóc trữ tình, đầu tóc chân tóc ẩn hiện trong mây trời Tây Bắc bung nở hoa ban hoa gạo tháng hai và cuồn cuộn mù khói núi Mèo đốt nương xuân”*. Phép so sánh độc đáo làm sông Đà hiện ra mỹ lệ, diễm kiều đầy nữ tính làm say đắm lòng người.
- + **Thứ hai, điểm nhìn thời gian:** Sông Đà không chỉ đẹp mà còn biến đổi ảo diệu theo mùa, mỗi mùa lại có một nét đẹp riêng – *“Mùa xuân dòng xanh ngọc bích chứ không xanh màu xanh cánh hến của sông Gâm, sông Lô. Mùa thu nước sông Đà lừ lừ chín đỏ như da mặt một người bầm đi vì rượu bữa”*. Màu sắc sông biến đổi theo mùa được so sánh, liên tưởng với những hình ảnh gần gũi như *“xanh ngọc bích”, “xanh cánh hến”, “da mặt người bầm đi vì rượu bữa”* không chỉ gần gũi mà còn gọi được chính xác màu sắc của dòng sông.
- + **Thứ ba, hai bên bờ sông** với vẻ đẹp vừa tĩnh lặng, nhẹ nhàng mang nỗi niềm cổ xưa vừa tràn đầy sức sống hai bên bờ.
 - **Vẻ tĩnh lặng, nhẹ nhàng mang nỗi niềm cổ xưa:** Nhẹ nhàng với *“Thuyền tôi trôi trên sông Đà”, “Cảnh ven sông ở đây lặng tờ. Hình như từ đời Lý Trần đời Lê, quãng sông này cũng lặng tờ đến thế mà thôi”*. Cảnh sông tĩnh lặng đã khơi gợi ở du khách cảm giác mình đang đi ngược về quá xa xưa từ đời Lý Trần, đời Lê. Phép so sánh, ví von vẻ đẹp *“hoang đại”, “hồn nhiên”* ở hai bên bờ sông như *“bờ tiền sử”,* như *“nỗi nỗi niềm cổ tích tuổi xưa”* khơi gợi vẻ đẹp hoang sơ, xa xưa, bí ẩn nhưng cũng thân thuộc, gần gũi.
 - **Ngập tràn sức sống hai bên bờ:** Với cảnh vật đẹp như một bức tranh với gam màu xanh chủ đạo, tràn đầy sức sống của *“mấy lá non ngô đầu mùa”,* những đồi tranh *“đang ra những nõn búp”*. Điểm xuất hiện bức tranh là hình cảnh con hươu *“thơ ngộ ngẩng đầu khỏi ánh cỏ nhung”* trong sương sớm. Biện pháp nhân hóa con hươu nhìn và nói chuyện, hỏi han du khách *“Hỡi ông khách Sông Đà, có phải ông cũng vừa nghe thấy một tiếng còi sương?”* làm cho con người và thiên nhiên giao hòa, đồng cảm. Với *“Đàn cá dầm xanh quẫy vọt lên mặt sông bụng trắng như bạc rơi thoi. Tiếng cá đập nước sông đuổi mất đàn hươu vọt biển”*. Phép điệp *“Thuyền tôi trôi...”* và tô đậm vẻ nhẹ nhàng, thi vị. Cách trích dẫn hai câu thơ tài hoa

	<p>của thi sĩ Tản Đà “Dải Sông Đà bọt nước lênh bênh – Bao nhiêu cảnh bấy nhiêu tình” của “một người tình nhân chưa quen biết” khơi gợi vẻ đẹp tình tứ lãng mạn, vẻ đẹp đậm đà bản sắc văn hóa, thi ca. Và qua cái nhìn của Nguyễn Tuân thì dòng sông cũng biết lưu luyến “nhớ thương” biết “lắng nghe giọng nói êm êm của người xuôi”.</p>
<p>4. Bình luận & tạo ấn tượng kết thúc</p>	<ul style="list-style-type: none"> – Nguyễn Tuân miêu tả, cảm nhận hình tượng sông Đà trong vẻ đẹp đối lập, đa tính cách của nó: vừa hung bạo nhưng cũng rất nên thơ trữ tình. Với vẻ đẹp hung bạo, Nguyễn Tuân đã dành những câu văn góc cạnh, sắc nhọn, những hình ảnh so sánh, nhân hóa gân guốc, mạnh mẽ làm nổi bật được sự hung bạo, dữ dội của con sông Đà. Với vẻ đẹp thơ mộng, Nguyễn Tuân lại ưu ái những câu văn như thơ, mềm mại, óng ả và những hình ảnh so sánh nhẹ nhàng, thi vị góp phần làm nổi bật được vẻ đẹp dòng sông. – Với hình tượng sông Đà hung bạo và trữ tình, ta không chỉ thấy ở đó tình yêu thiên nhiên quê hương, đất nước mà còn khơi gợi ở lòng người đọc lòng tự hào, tình yêu dành cho con sông quê hương miền Tây Bắc Tổ quốc.

2. Cảm nhận của anh/chị về hình tượng người lái đò sông Đà – “chất vàng mười đã qua thử lửa” trong bút kí *Người lái đò sông Đà* (Nguyễn Tuân).

TRIỂN KHAI BỐ CỤC	NỘI DUNG CẦN ĐẠT
1. Giới thiệu	Tác giả, tác phẩm và hình tượng “người lái đò”.
2. Khái quát	Nguyễn Tuân là một nhà văn “suốt đời đi tìm cái đẹp” nên các nhân vật trong sáng tác của ông thường mang những phẩm chất của người nghệ sĩ tài hoa. Cái chất nghệ sĩ tài hoa của nhân vật lái đò được bộc lộ qua tài năng với những động tác thuần thục, điêu luyện của một người nghệ sĩ trên sông nước.
3. Phân tích	<p>Giới thiệu</p> <ul style="list-style-type: none"> – Lai lịch – xuất thân: ông lão gần bảy mươi tuổi, “làm nghề chèo đò” dọc suốt sông Đà, “ngay chỗ ngã tư sông sát tỉnh” Lai Châu. Đó là một người

	<p>lái đò lão luyện “trên dòng sông Đà, ông xuôi ngược hơn 100 lần rồi, chính tay giữ lái độ 60 lần” trong thời gian hơn mười năm sống trên sông nước.</p> <ul style="list-style-type: none"> – Ngoại hình: mang những đường nét thô kệch của người lao động vùng sông nước, khỏe khắn, đáng dấp phi thường <i>tay dài ngêu như cái sào, chân khuỳnh khuỳnh, nếu bịt cái đầu bạc cứ tưởng chàng trai, giọng nói ào ào như tiếng nước mặt ghềnh,...</i> <p>Tính cách, tài năng</p> <p>Nhân vật người lái đò sông Đà là người vừa trí dũng, tài hoa vừa bình dị, là “<i>thứ vàng mười đã qua thử lửa</i>”.</p> <ul style="list-style-type: none"> – Trí dũng, tài hoa: trong một trăm lần vượt sông Đà, ông đều bất khả chiến bại vì ông thuộc nằm lòng thế trận của kẻ thù. Nguyễn Tuân gọi ông là “<i>thổ công</i>” trên sông nước. Tài năng, bản lĩnh và những phẩm chất tuyệt vời của người lái đò sông Đà được Nguyễn Tuân thể hiện tập trung nhất trong cảnh chiến đấu không cân sức với ba vòng vây thạch trận: + Vòng thứ nhất, thác đá chủ động vây hãm, ra đòn tới tấp nhưng ông đã bình tĩnh, dùng cảm, nén nỗi đau thân xác, phá được vòng thạch trận. + Vòng thứ hai, thác đá thay đổi chiến thuật nhưng với kinh nghiệm, sự quyết đoán như một dũng tướng vượt lên phá vây và chiến thắng. + Vòng thứ ba, người lái đò như một người nghệ sĩ tài hoa đầy tài năng lao vào cửa sinh đầy quyết đoán và chiến thắng kẻ thù. – Bình dị: Một người lao động bình dị, vô danh và khiêm tốn, xem chuyện chiến thắng dòng sông Đà hung hãn là một câu chuyện đời thường không cần phải bận tâm, không đáng để tự hào. Ông chỉ ngồi nấu cơm lam và bàn về chuyện cá.
<p>4. Bình luận</p>	<ul style="list-style-type: none"> – Hình tượng nhân vật được lý tưởng hóa mang vẻ trí dũng, tài hoa, khí phách. Với ngòi bút đầy tài năng, tình huống thử thách, vượt bốn trùng vi thạch trận, các biện pháp nghệ thuật, ngôn ngữ sinh động. – Tất cả góp phần làm nổi bật tài năng, phẩm chất của người lái đò sông Đà: một người trí dũng, tài hoa nhưng cũng rất ung dung, bình dị. Đó là những phẩm chất tiêu biểu cho người con người mới – chất vàng mười của Tây Bắc trong thời kì xây dựng Xã Hội Chủ Nghĩa. – So với những nhân vật trước CMT8, nhất là trong “<i>Vang bóng một thời</i>”, Nguyễn Tuân chủ yếu đi tìm vẻ đẹp tài hoa một thời còn vang bóng, họ là những người tri thức, chữ nghĩa như Huấn Cao. Nhưng với “<i>người lái đò sông Đà</i>”, hòa chung vào không khí xây dựng xã hội mới, Nguyễn Tuân hướng ngòi bút mình đến những con người lao động bình dị, vô danh nhưng lại toát lên vẻ đẹp phi thường của

	Người nghệ sĩ tài hoa. Đây là một khám phá mới mẻ, độc đáo và mang hơi thở lịch sử, thời đại
5. Tạo ấn tượng kết thúc	<ul style="list-style-type: none"> - Khẳng định nhân vật đôi góp phần làm nên thành công của tác phẩm. Thể hiện phong cách sáng tác của tác giả - Cảm nhận của bản thân về nhân vật đó hay liên hệ cuộc sống bản thân

